



SAVICO

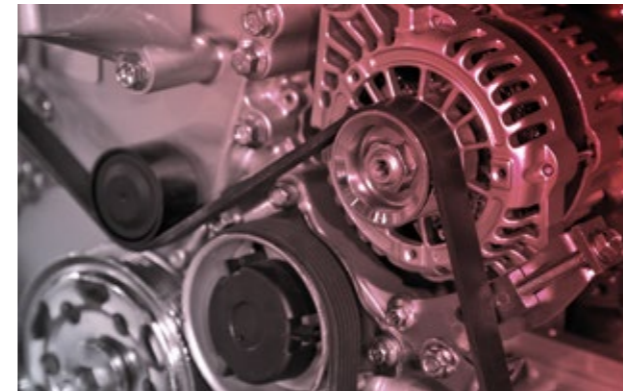
ĐỘT PHÁ TƯ DUY

NÂNG TẦM GIÁ TRỊ

Báo cáo thường niên 2018

NỘI DUNG

Các chỉ tiêu tài chính nổi bật	4
Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi	7
Thông điệp Chủ tịch Hội đồng Quản trị	8



CHƯƠNG 1: GIỚI THIỆU SAVICO

Quá trình hình thành và phát triển	12
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	14
Công ty con, công ty liên kết	16
Các giải thưởng tiêu biểu năm 2018	23
Thông tin cổ phiếu và cổ đông	26
Định hướng phát triển	30
Mô hình quản trị, Tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	32
Giới thiệu Hội đồng Quản trị	34
Giới thiệu Ban Tổng Giám đốc	36
Giới thiệu Ban Kiểm soát	37

CHƯƠNG 2: BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tổng quan thị trường 2018	40
Báo cáo của HĐQT	44
Báo cáo của Ban TGD	50
Báo cáo của BKS	62
Tình hình đầu tư thực hiện các dự án	68
Tổ chức và nhân sự	69
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý	71

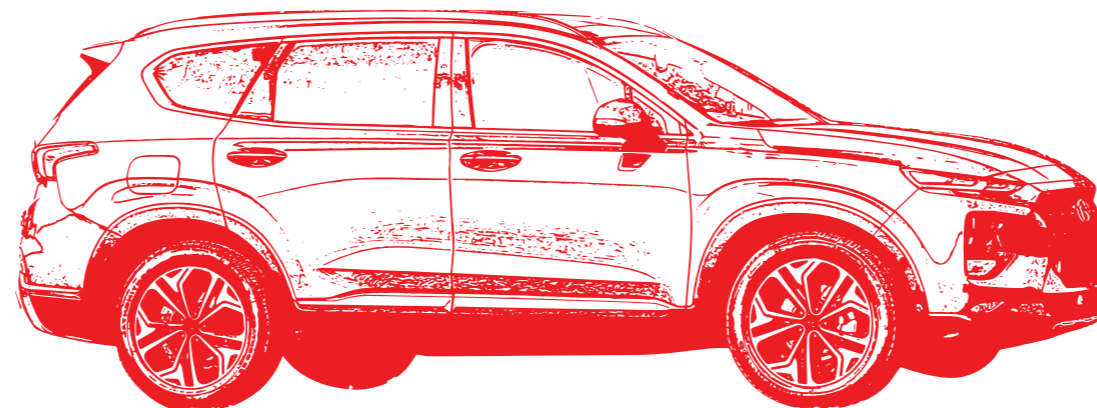
CHƯƠNG 3: QUẢN TRỊ CÔNG TY

Cơ cấu và hoạt động của HĐQT	74
Tiểu ban trực thuộc HĐQT	76
Cơ cấu và hoạt động của BKS	77
Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan	79
Giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BTGD và BKS	79
Quản trị rủi ro	80

CHƯƠNG 4: BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Tổng quan báo cáo phát triển bền vững	86
Hiệu quả kinh tế	88
Chỉ tiêu môi trường	90
Chỉ tiêu xã hội	92
Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương	96

CHƯƠNG 5 : BÁO CÁO TÀI CHÍNH



CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH NỔI BẬT

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tổng hợp về tình hình hoạt động kinh doanh trong năm 2018 của Công ty

	2017	2018	2018/2017 (%)
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	13.781.307	14.871.655	108%
Giá vốn hàng bán	13.060.917	13.851.911	106%
Lợi nhuận gộp	720.390	1.019.744	142%
Doanh thu hoạt động tài chính	21.271	17.898	84%
Chi phí tài chính	107.874	87.739	81%
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	90.915	84.957	93%
Phần lãi trong Công ty liên kết	14.316	57.904	404%
Chi phí bán hàng	415.118	458.727	111%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	242.352	289.674	120%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	-9.368	259.407	2769%
Thu nhập khác	186.203	106.523	57%
Chi phí khác	2.848	3.619	127%
Kết quả từ hoạt động khác	183.355	102.905	56%
Lợi nhuận kế toán trước thuế	173.987	362.312	208%
Lợi nhuận sau thuế TNDN	139.056	300.267	216%
LNST của Công ty mẹ	81.633	173.044	212%
LNST của cổ đông không kiểm soát	57.422	127.264	222%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2017, 2018 đã kiểm toán của Công ty, ĐVT: triệu VND



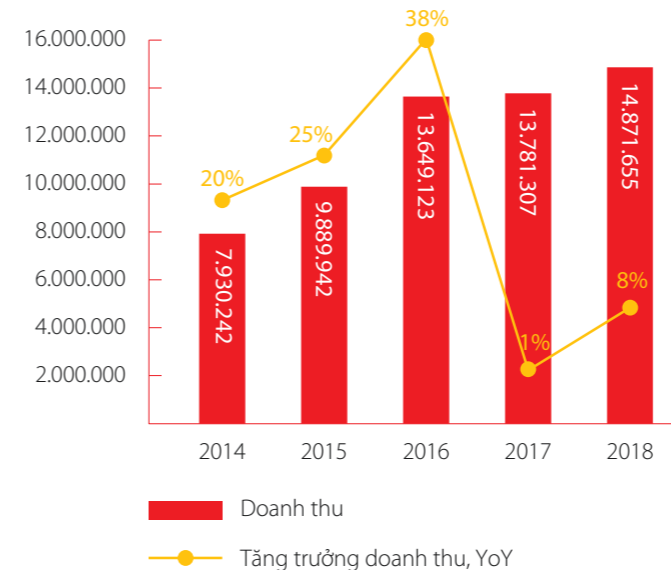
Các chỉ tiêu tài chính

CHỈ TIÊU	NĂM 2017	NĂM 2018
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
Hệ số thanh toán ngắn hạn	0,91	0,97
Hệ số thanh toán nhanh	0,51	0,47
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,65	0,65
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,83	1,84
Hệ số nợ vay/ Tổng tài sản	0,34	0,37
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	3,81	3,41
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
LNST /Doanh thu thuần	1,0%	2,0%
LNST /Vốn chủ sở hữu	11,4%	21,4%
LNST /Tổng tài sản	4,0%	7,5%
LN từ HĐKD /Doanh thu thuần	-0,1%	1,7%
LN khác từ HĐKD /Doanh thu thuần	1,3%	0,7%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2017, 2018 đã kiểm toán của Công ty, ĐVT: Triệu VND

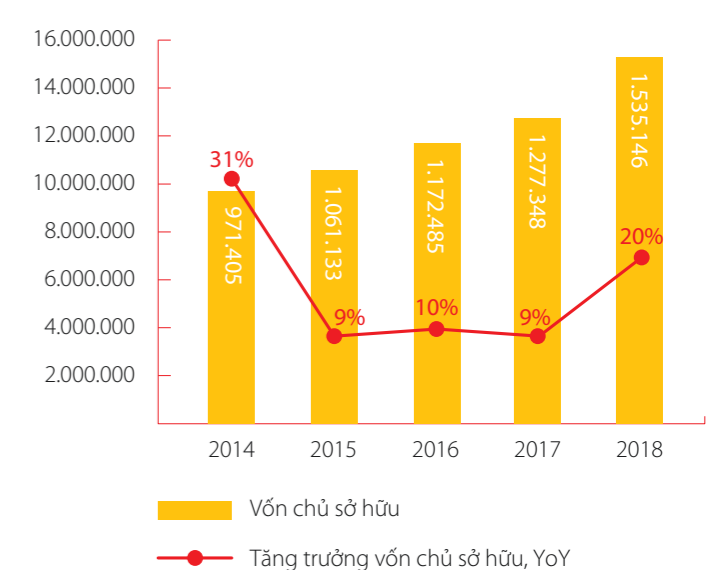
Doanh thu và tốc độ tăng trưởng 2014 - 2018

ĐVT: triệu VND



Vốn chủ sở hữu và tốc độ tăng trưởng 2014 - 2018

ĐVT: triệu VND



SAVICO

Đến nay, hệ thống SAVICO bao gồm 14 Công ty con, 7 Công ty liên kết và 21 Công ty trực thuộc các Công ty con, Công ty liên kết.

TÊN CÔNG TY: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN

Tên giao dịch: SAVICO

Mã chứng khoán: SVC (HSX)

TRỤ SỞ CHÍNH: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, TP. HCM

Điện thoại: (84-28) 3821 3913

Fax: (84-28) 3821 3553 / 3821 5992

Email: savico@savico.com.vn

Website: www.savico.com.vn



TẦM NHÌN

Trở thành Công ty đầu tư chuyên ngành dịch vụ hàng đầu tại Việt Nam, hội nhập khu vực và quốc tế.



SỨ MỆNH

Mang đến cho người tiêu dùng những sản phẩm, dịch vụ uy tín, nâng cao chất lượng và giá trị cuộc sống.



GIÁ TRỊ CỐT LÕI

MINH BẠCH: Trong các giao dịch, ứng xử và kinh doanh.

TÔN TRỌNG: Cổ đông, nhà đầu tư, khách hàng, đối tác...

TRÁCH NHIỆM: Tuân thủ luật pháp, tham gia đóng góp cộng đồng, xã hội.

SÁNG TẠO: Luôn tìm kiếm cơ hội, tự đổi mới để gia tăng uy tín và hiệu quả doanh nghiệp.

ĐOÀN KẾT: Đồng thuận, vượt qua thách thức; Tự đổi mới, đón đầu cơ hội, gạt hái thành công.



Tầm nhìn, Sứ mệnh, Giá trị cốt lõi của Công ty được Hội đồng Quản trị xem xét định kỳ hàng năm, trong đó Sứ mệnh đã có sự điều chỉnh trong cuộc họp định kỳ lần 1 năm 2018.



**ĐỘT PHÁ TƯ DUY
NÂNG TẦM GIÁ TRỊ**

14.881 Tỷ đồng
Doanh thu hợp nhất



Kính thưa Quý cổ đông, lãnh đạo và người lao động toàn hệ thống SAVICO!

Hội đồng Quản trị SAVICO trân trọng cảm ơn sự tin tưởng, đồng hành và hỗ trợ của Quý Cổ đông trong suốt thời gian qua. Đặc biệt, trân trọng cảm ơn toàn thể lãnh đạo, người lao động SAVICO và các doanh nghiệp thành viên đã nỗ lực vượt qua những khó khăn, tận dụng những cơ hội của thị trường để SAVICO và hệ thống đạt được những kết quả vượt bậc trong năm 2018.

SAVICO là một doanh nghiệp được hình thành và tiên phong phát triển ngành kinh tế dịch vụ tại Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng và Việt Nam nói chung. Những con người SAVICO đã cam kết và không ngừng lao động, sáng tạo để thực hiện ước mơ - **SAVICO LÀ DOANH NGHIỆP ĐẦU TƯ NGÀNH DỊCH VỤ HÀNG ĐẦU TẠI VIỆT NAM, HỘI NHẬP KHU VỰC VÀ QUỐC TẾ**. Chúng tôi có thể khẳng định chưa có một ngày nào chúng tôi xao lãng với cam kết này.

Trong hành trình thực hiện mơ ước của mình, Hạnh phúc đã đến với SAVICO khi ngày càng nhiều khách hàng vui mừng và hài lòng về những sản phẩm, dịch vụ mà SAVICO cung cấp. Hạnh phúc đến với SAVICO khi tạo ra nhiều việc làm có thu nhập ổn định cho người lao động và cùng với các nhà sản xuất đào tạo được một đội ngũ lao động lành nghề, đạt tiêu chuẩn của khu vực và quốc tế. Hạnh phúc là khi SAVICO tạo ra một môi trường làm việc đậm chất nhân văn - không chỉ giúp người lao động làm việc tốt mà còn tạo cơ hội để họ có thể tự tin khởi nghiệp, gắn kết sự nghiệp bản thân với sự phát triển của SAVICO. Hạnh phúc còn là khi SAVICO ngày càng phát triển và đem lại hiệu quả ngày càng gia tăng cho Quý cổ đông, góp phần vào sự tăng trưởng kinh tế của Thành phố Hồ Chí Minh và cả nước.

Chính sự ủng hộ, hợp tác và tin tưởng của Quý cổ đông, cùng với lòng nhiệt tâm cống hiến của các thể hệ lãnh đạo, người lao động đã đem đến cho SAVICO những thành quả của ngày hôm nay. Chúng tôi luôn quan niệm rằng những gì đạt được là thành quả chung và xin được chia sẻ niềm vui, niềm hạnh phúc cùng với tất cả Quý cổ đông và các thể hệ lãnh đạo, người lao động toàn hệ thống SAVICO với lòng tri ân sâu sắc nhất.

Hành trình phát triển của SAVICO đang tiếp tục với những mục tiêu đầy thách thức trong bối cảnh thị trường 2019 gặp không ít khó khăn và trở ngại. Tuy nhiên, chúng tôi tiếp tục lấy tinh thần **"ĐỘT PHÁ TƯ DUY - NÂNG TẦM GIÁ TRỊ"** làm quan điểm để lãnh đạo hệ thống cũng như cam kết sẽ luôn dẫn thân, tăng cường hợp lực, phát huy sức mạnh nội bộ để thực hiện mơ ước. Do đó, rất mong đội ngũ lãnh đạo và người lao động toàn hệ thống yên tâm, đoàn kết và phát huy những giá trị đang có của hệ thống SAVICO; rất mong Quý cổ đông sẽ tiếp tục tin tưởng, đồng hành và hỗ trợ để chúng ta đạt được những chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2019, để SAVICO ngày càng phát triển lớn mạnh, ổn định và bền vững.

Trân trọng!
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Nguyễn Bình Minh

**TẦM NHÌN
TƯƠNG LAI**

Nắm bắt thị trường, dẫn đầu xu thế, ...

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Giai đoạn hoạt động theo hình thức
Doanh nghiệp Nhà nước



XÂY DỰNG NỀN MÓNG
1982 - 2004



HỘI NHẬP PHÁT TRIỂN
2004 - 2014



MỞ RỘNG KINH DOANH
2015 - 2017



PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG
2018 - nay

1982

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (SAVICO) tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước được thành lập vào 01/09/1982 với tên gọi là Công ty Dịch vụ Quận 1.

1986

Đổi tên từ Công ty Dịch vụ Quận 1 thành Công ty Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn với tên giao dịch là SAVICO.

1990

Đầu tư, phát triển kinh doanh dịch vụ ngành ô tô, xe gắn máy, du lịch, dịch vụ vận chuyển - taxi... tạo nền tảng cho việc phát triển hệ thống Dịch vụ - Thương mại sau này.

1995

Mở rộng kinh doanh sang lĩnh vực Dịch vụ Bất động sản và đưa vào danh mục hoạt động kinh doanh cốt lõi của Công ty.

1998

Từng bước chuyển hướng hoạt động sang mô hình Công ty đầu tư - bắt đầu bằng việc góp vốn thành lập hoặc mua cổ phần của các công ty; xây dựng và phát triển hệ thống đại lý phân phối xe ô tô, xe gắn máy của các nhãn hiệu có uy tín như: Toyota, Ford, Suzuki, Chevrolet,...

2005

Thực hiện cổ phần hóa và chuyển sang hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần từ ngày 04/01/2005. Hoạt động của Công ty tập trung vào 3 lĩnh vực: Dịch vụ Thương mại, Dịch vụ Bất động sản và Dịch vụ Tài chính.

2006

Ngày 21 /12 /2006, cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán SVC.

2009

Ngày 01 /06 /2009, cổ phiếu của Công ty chuyển sang giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán SVC.

2016

Mở rộng sang kinh doanh xe thương mại với các thương hiệu Hino và kinh doanh xe cao cấp với thương hiệu Volvo.

2017

Đẩy mạnh phát triển hoạt động phân phối và dịch vụ ngành ô tô.

Tổng số đại lý ô tô phát triển mới giai đoạn này là 22 đại lý, nâng tổng số đại lý ô tô trong hệ thống SAVICO lên con số 41 đại lý.

2018

Tập trung đổi mới tư duy quản trị, lãnh đạo; tiếp tục đầu tư phát triển hoạt động phân phối và dịch vụ ngành ô tô, nâng tổng số đại lý ô tô hiện nay lên 48 đại lý; duy trì và phát triển nguồn thu ổn định từ lĩnh vực Dịch vụ Bất động sản cũng như đẩy mạnh chức năng hỗ trợ của lĩnh vực này đối với hoạt động của lĩnh vực Dịch vụ - Thương mại

48 Đại lý

Tổng số năm 2018



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH



DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI

Tổ chức hệ thống đại lý trực tiếp phân phối ô tô, xe gắn máy từ nhà sản xuất trong và ngoài nước; sửa chữa; bảo trì ô tô, xe gắn máy và các dịch vụ kèm theo cho các thương hiệu Toyota, Ford, Volvo, Hyundai, Honda, Hino, Isuzu, Yamaha...



DỊCH VỤ BẤT ĐỘNG SẢN

Đầu tư, phát triển kinh doanh bất động sản theo định hướng cao ốc văn phòng, trung tâm thương mại... Đầu tư cơ sở vật chất hỗ trợ cho hoạt động của lĩnh vực Dịch vụ - Thương mại.

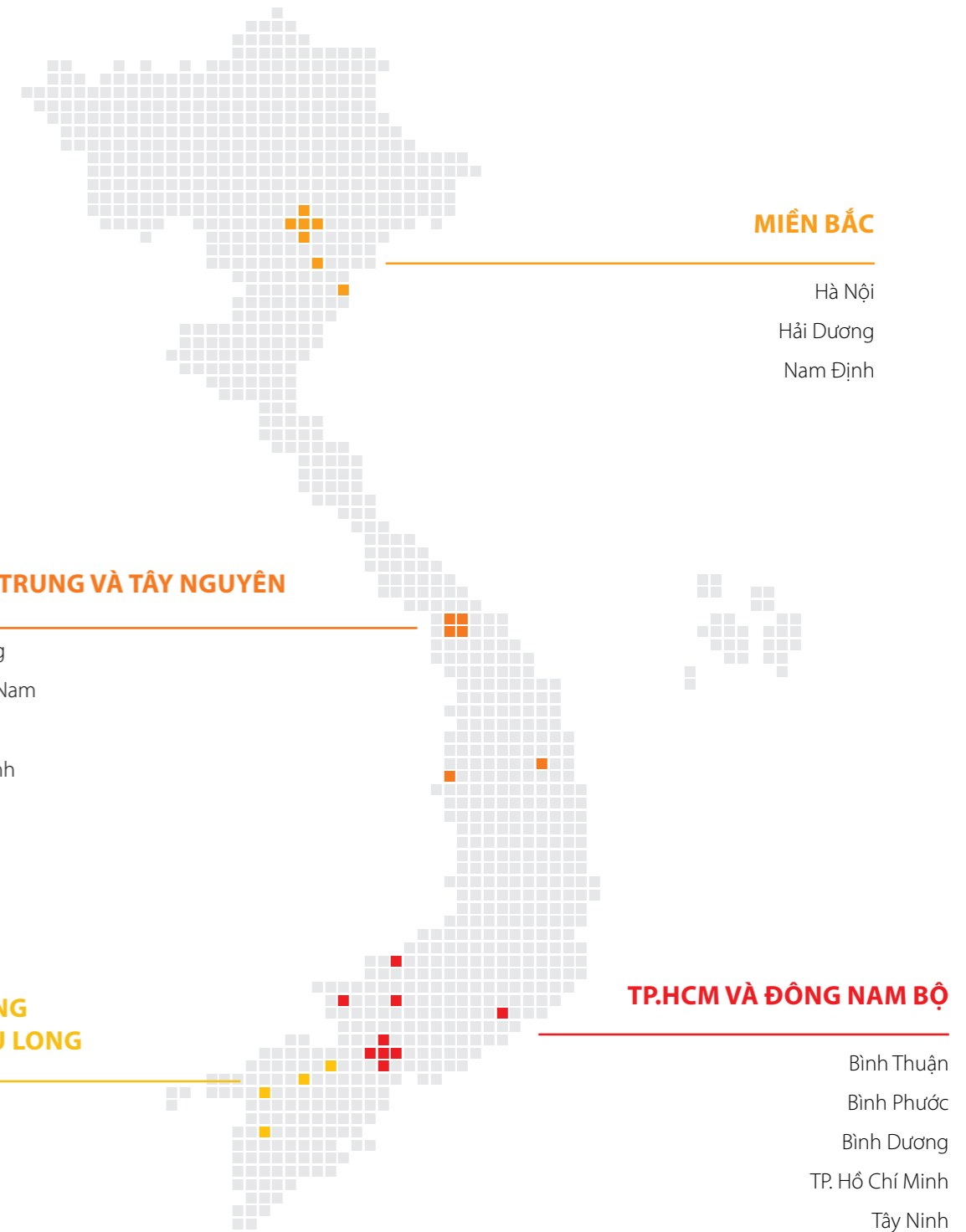


DỊCH VỤ TÀI CHÍNH

Hỗ trợ hoạt động kinh doanh của lĩnh vực Dịch vụ - Thương mại và Dịch vụ Bất động sản.

ĐỊA BÀN KINH DOANH

Địa bàn hoạt động kinh doanh của SAVICO trải dài từ Bắc vào Nam:



CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Đến nay, tính trên toàn hệ thống SAVICO bao gồm 14 Công ty con, 7 Công ty liên kết và 21 Công ty trực thuộc các Công ty con, Công ty liên kết.

STT	TÊN CÔNG TY	ĐỊA CHỈ	HOẠT ĐỘNG CHÍNH	VĐL (31/12/2018) Triệu đồng	PHẦN TRĂM VỐN SỞ HỮU CỦA SAVICO
CÔNG TY CON					
1	Công ty CP SAVICO Hà Nội	7 - 9 Nguyễn Văn Linh, tổ 17, P. Gia Thụy, Q. Long Biên, TP. Hà Nội	Điều hành trung tâm thương mại, dịch vụ khách sạn; xây dựng dân dụng và công nghiệp; đại lý thương mại và ủy thác; hoạt động xuất nhập khẩu; kinh doanh phương tiện vận tải và bảo trì xe ô tô; cho thuê máy; dịch vụ vận chuyển và đậu xe.	80.000	70,00%
	Trung Tâm Thương Mại SAVICO Mega Mall	7 - 9 Nguyễn Văn Linh, P. Gia Thụy, Q. Long Biên, TP. Hà Nội. ĐT: (84 24) 62 668 855 www.savicomegamall.com			
	Công Ty TNHH Toyota Long Biên	7 - 9 Nguyễn Văn Linh, P. Gia Thụy, Q. Long Biên, TP. Hà Nội. ĐT: (84 24) 62 777 999 - Fax: (84 24) 62 777 998 Hotline: 0973.778.669 Email: toyotalongbien.hn@gmail.vn www.toyotalongbien.org			
	▶ Công Ty TNHH Toyota Hải Dương	Số 1 đường Ngô Quyền, P. Cẩm Thượng, TP. Hải Dương ĐT: (84 220) 3555 999 - Fax: (84 220) 3555 997 Hotline: 090.345.9775			
	Công ty TNHH Đầu tư và Dịch vụ Ô tô Hải Dương (Ford Hải Dương)	Số 1 đường Ngô Quyền, P. Cẩm Thượng, TP. Hải Dương ĐT: (84 220) 3555 999 - Fax: (84 220) 3555 997 Hotline: 090.345.9775			
2	Công ty CP SAVICO Đà Nẵng	66 Võ Văn Tần, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng	Kinh doanh bất động sản; cho thuê văn phòng và nhà xưởng; tư vấn, môi giới bất động sản; kinh doanh xe ô tô, xe có động cơ khác và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì và sửa chữa; cung cấp dịch vụ vận chuyển.	42.900	70,00%
	Công ty CP Dana (Danaford)	56 Điện Biên Phủ, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng ĐT: (84 236) 364 6555 - Fax: (84 236) 364 6746 Hotline cứu hộ: 0905 444 888 Email: danaford@danaford.com.vn Web: www.danaford.com.vn Hotline bán hàng: 0905 105 888 Hotline dịch vụ: 0914 061 731 Chăm sóc khách hàng: 0905 444 838			
	▶ Chi nhánh Dana Ford Bình Định	73 Tây Sơn, TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định ĐT: (84 256) 3546 555 - Fax: (84 256) 3546 488 Hotline: 0905 631 666 Email: dongpq@danaford.com.vn			

STT	TÊN CÔNG TY	ĐỊA CHỈ	HOẠT ĐỘNG CHÍNH	VĐL (31/12/2018) Triệu đồng	PHẦN TRĂM VỐN SỞ HỮU CỦA SAVICO
	▶ Chi nhánh Dana Ford Gia Lai	284 Lê Duẩn, P. Thắng Lợi, TP. Pleiku, Tỉnh Gia Lai ĐT: (84 269) 3535555 - Fax: (84 269) 3551777			
	Công ty CP Ô tô Sông Hàn	86 Duy Tân, P. Hòa Thuận Tây, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng ĐT: (84 236) 378 3555 - Fax: (84 236) 378 3883 Hotline: 0914 303 555 / 0511 3 783 888 www.hyundaisonghan.com.vn			
	▶ Công ty TNHH MTV Ô tô Sơn Trà	286 Phạm Hùng, Xã Hòa Phước, Huyện Hòa Vang, TP. Đà Nẵng ĐT: 02363.773555 - Fax: 02363.773556 Hotline: 0941.555.404 Email: CSKH@hyundai-sontra.vn www.hyundai-sontra.vn			
	▶ Công ty TNHH MTV Ô tô Gia Lai	278 Lê Duẩn, TP. Pleiku, Tỉnh Gia Lai ĐT: (84 269) 386 2255 - Fax: (84 269) 386 2266 Hotline: (84 069) 373 5888			
	Công ty CP Ô tô Bình Định - Hyundai Bình Định	359 Tây Sơn, P. Quang Trung, TP. Quy Nhơn, T. Bình Định ĐT: (84 256) 353 5255 - Fax: (84 256) 353 5166 Hotline: (84 256) 364 7888 www.hyundaibinhdinhh.com.vn			
	Công ty TNHH Ô tô Đà Nẵng - Mitsubishi SAVICO Đà Nẵng	Số 02 Nguyễn Hữu Thọ, P. Hòa Thuận Tây, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng. ĐT: (84 236) 377 8555 - Fax: (84 236) 389 3789. www.mitsubishisavico.com.vn			
	▶ Chi nhánh Mitsubishi SAVICO Quảng Nam	475 Hùng Vương, P. An Sơn, TP. Tam Kỳ, T. Quảng Nam Hotline: 0905.606.115 mitsubishimotorsquangnam.com			
3	Công ty CP Đầu tư Đà Nẵng Sơn Trà	Bãi Trẹm, Q. Sơn Trà, TP. Đà Nẵng	Phát triển dự án du lịch nghỉ dưỡng Mercure Sơn Trà Resort.	84.000	98,00%
4	Công ty liên doanh Toyota Giải Phóng	807 Giải phóng, Hoàng Mai, Hà Nội Tel: (84 24) 3664 0124 Fax: (84 24) 36640127 Hotline: 0903.259.295 www.toyotagiaiphong.com.vn www.toyotagiaiphong.vn	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu TOYOTA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	18.088	51,00%
	Toyota Giải Phóng Chi nhánh Pháp Vân	Đường Cao tốc Pháp Vân, P. Hoàng Liệt, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội ĐT: (84 24) 3642 5588 - Fax: (84 24) 3642 5599 Hotline: 098 999 www.toyota-phapvan.com			
	Toyota Giải Phóng Chi nhánh Nam Định	Đường Nam Định - Phủ Lý, xã Lộc Hòa, TP. Nam Định, T. Nam Định Hotline: 0974 123 535 - 0943 962 525 www.toyota-namdinh.vn			

CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT (tiếp theo)

STT	TÊN CÔNG TY	ĐỊA CHỈ	HOẠT ĐỘNG CHÍNH	VĐL (31/12/2018) đồng	PHẦN TRĂM VỐN SỞ HỮU CỦA SAVICO
5	Công ty CP Dịch vụ Sài Gòn Ô tô (Sài Gòn Ford)	61A Cao Thắng, P.3, Q. 3, TP.HCM ĐT: (84 28) 3818 1458 Fax: (84 28) 3818 1466 Hotline dịch vụ: 090 746 8686 Hotline bán hàng: 093.878.3139 Email: saigonford@saigonford.com.vn Website: www.saigonford.com.vn	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu FORD và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	86.000	52,05%
	Saigon Ford Phố Quang	TT kinh doanh xe cũ & xưởng DV sửa chữa đồng sơn 104 Phố Quang, P. 2, Q. Tân Bình, TP.HCM ĐT: (84 28) 3844.2947/ 3844.2948 - Fax: (84 28) 3844 2896 Hotline: 093 811 0139 Email: phoquang@saigonford.com.vn			
	Xưởng Dịch vụ Trần Đình Xu	72 Trần Đình Xu, Q. 1, TP.HCM ĐT: (84 28) 3838 9508 - Fax: (84 28) 3838 9521 www.mazdabenthanh.com.vn			
	Saigon Ford Trần Hưng Đạo	6A Trần Hưng Đạo, P. Phạm Ngũ Lão, Q.1, TP.HCM Tel: 0903900911 - Fax: (84 28) 3915 3244			
	Công ty CP Đầu tư TMDV Sài Gòn Ô tô Cần Thơ	Lô 11C Võ Nguyên Giáp, P. Phú Thứ, Q. Cái Răng, TP. Cần Thơ ĐT: (84 292) 3730 720 / 3730 719 - Fax: (84 292) 3.730.716 Hotline: 0902 357 558 Email: cantho@saigonford.com.vn www.canthoford.vn			
	Công ty CP Bến Thành Ô tô	831 Trường Chinh, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP.HCM ĐT: (8428) 3815.7979 - Fax: (84 28) 3815.8989 Hotline Dịch vụ: 0908 061 061 - Bán hàng: 0938 191 191 Email: info@benthanhford.com.vn www.benthanhford.com.vn			
	▶ Bến Thành Ford Assured	69-71 Chế Lan Viên P. Tây Thạnh Q. Tân Phú, TP.HCM ĐT: 0908 008 998 - Fax: (84 28) 38155886 Hotline: 0931.248.248			
	▶ Công ty CP Bến Thành Tây Ninh	226 Quốc lộ 22B, A. Hiệp Trường, X. Hiệp Tân, H. Hòa Thành, T. Tây Ninh ĐT: (84.276) 3622 711 - Fax: (84.276) 3622 911 Hotline: 0936 824 879 Email: info@tayninhford.com.vn http://www.tayninhford.com.vn			
	Công ty CP Dịch vụ Ô tô Bình Thuận	Quốc lộ 1A - Lô 4/3 Đường số 4 KCN Phan Thiết 1, X. Phong Nấm, TP. Phan Thiết, T. Bình Thuận ĐT: (84.252) 3535 010 - Fax: (84.252) 3535 020 Hotline bán hàng: 0919 828 121 Hotline dịch vụ: 0903 618 250 www.binhthuanford.com.vn			

STT	TÊN CÔNG TY	ĐỊA CHỈ	HOẠT ĐỘNG CHÍNH	VĐL (31/12/2018) Triệu đồng	PHẦN TRĂM VỐN SỞ HỮU CỦA SAVICO
	Công ty CP Đầu Tư TMDV Ô tô Nam Sài Gòn (Chevrolet Phú Mỹ Hưng)	1489 Đường Nguyễn Văn Linh, P. Tân Phong, Q. 7, TP.HCM ĐT: (84 28) 3771 8888 - Fax: (84 28) 3771 8895 Hotline Bán hàng: 0902743783 Hotline Dịch vụ: 0938453645 Email: info@chevroletphumyhung.com.vn Website: chevroletphumyhung.com.vn			
6	Công ty TNHH Toyota Cần Thơ	K2-0, Võ Nguyên Giáp, Khu vực Thanh Thuận, P. Phú Thứ, Q. Cái Răng, TP. Cần Thơ Hotline: 0949 919 919 Email: contact@toyotacantho.com.vn www.toyotacantho.com.vn	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu TOYOTA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	49.626	51,00%
	Toyota Cần Thơ Chi nhánh An Giang	28/1 Trần Hưng Đạo, P. Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang			
7	Công ty CP Ô tô Nam Sông Hậu (Honda Cần Thơ)	Lô E1-1 Đường Võ Nguyên Giáp, khu vực Thạnh Lợi, P. Phú Thứ, Q. Cái Răng, TP. Cần Thơ ĐT: 02923.838.558 Fax: 02923.838.556 Hotline Bán hàng: 0941 838 558 Hotline Dịch vụ: 0907 838 559 Email: hct@hondacantho.com www.hondacantho.com	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu HONDA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì	50.000	51,00%
8	Công ty CP Ô tô Vĩnh Thịnh (Hino Vĩnh Thịnh)	55/5 Khu phố Bình Giao, P. Thuận Giao, Thị xã Thuận An, T. Bình Dương HOTLINE: 0905 88 96 98 Fax: 0274 363 0336. www.hinobinhduong.vn	Kinh doanh xe ô tô tải nhãn hiệu HINO và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì, sửa chữa và vận tải.	20.000	90,00%
9	Công ty CP Ô tô Tây Bắc Sài Gòn	43/7A, QL. 22, xã Xuân Thới Đông, H. Hóc Môn, TP.HCM Hotline: 0948 69 68 67 www.isuzusg.com	Kinh doanh xe ô tô tải nhãn hiệu Isuzu và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì và vận tải.	40.000	80,00%
10	Công ty CP Sài Gòn Ngôi Sao	510 Quốc Lộ 13, P. Hiệp Bình Phước, Q.Thủ Đức, TP.HCM ĐT: 08372630231 Fax: 02837273133 www.saigonngoisao.com.vn	Kinh doanh xe ô tô và xe gắn máy mang nhãn hiệu SUZUKI, HONDA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	20.000	56,80%
	Chi nhánh Bình Dương	780 Quốc lộ 1K, KP Nội Hoà 2, P. Bình An, TX. Dĩ An, T. Bình Dương			
	Công ty TNHH MTV Sài Gòn Phương Nam	510 Quốc Lộ 13, P. Hiệp Bình Phước, Q. Thủ Đức. ĐT: (84 28) 3727 3438 - Fax: (84 28) 37273133			
	Công ty TNHH TMDV Sài Gòn Viễn Đông	673 Huỳnh Tấn Phát, P. Tân Thuận Đông, Q. 7, TP.HCM ĐT: (84 28) 37733893 - Fax: (84 28) 37733902			
	Công ty CP Ô tô Hyundai Ngôi Sao	184C/1 Khu phố 1A. P. An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương			

CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT (tiếp theo)

STT	TÊN CÔNG TY	ĐỊA CHỈ	HOẠT ĐỘNG CHÍNH	VĐL (31/12/2018) Triệu đồng	PHẦN TRĂM VỐN SỞ HỮU CỦA SAVICO
11	Công ty CP Ôtô Sài Gòn Cửu Long (Chevrolet Cần Thơ)	274 Đường 30/4, P. Hưng Lợi, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ ĐT: 0292.3838 868 Fax: 0292.3 739 779 Email: contact@chevroletcantho.com.vn www.chevroletcantho.com.vn	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu CHEVROLET và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	12.000	84,17%
12	Công ty TNHH TMDV Sài Gòn (Yamaha Sài Gòn)	164-166C Đường 3/2, P. Hưng Lợi, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ ĐT: (84 292) 3780 164 Fax: (84 292) 3780 166 Email: saigon@yamahasai.gov.com www.yamahasai.gov.com	Kinh doanh xe gắn máy mang nhãn hiệu YAMAHA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	7.660	88,12%
	Cửa hàng Yamaha Sài Gòn 2	Kiốt 15-17-19-21 Công viên Văn Hóa Miền Tây, Số 45 Đường CMT8, P. An Thới, Q. Bình Thủy, TP. Cần Thơ ĐT: (84 292) 3783 979 - (84 292) 3783 839			
	Cửa hàng Yamaha Sài Gòn 3	291 Ấp An Nhơn, X. Trung Thành, H. Vũng Liêm, T. Vĩnh Long. ĐT: (84 270) 3976 888 - Fax: (84 270) 3976 777			
	Cửa hàng Yamaha Sài Gòn 4	822 Quốc Lộ 61, Ấp Cầu Xáng, X. Tân Bình, H. Phụng Hiệp, T. Hậu Giang ĐT: 02933. 982985			
	Trạm dịch vụ và phụ tùng	164/1B, Đường 3/2 P. Hưng Lợi, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ ĐT: (84 292) 3782 982			
13	Công ty CP OtoS (OtoS)	66 - 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP.HCM	Cung cấp dịch vụ thương mại điện tử; dịch vụ quảng cáo; kinh doanh xe ô tô và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì và sửa chữa; cung cấp phần mềm và các dịch vụ liên quan đến công nghệ thông tin.	14.300	80,86%
14	Công Ty TNHH Xe và Thiết bị chuyên dùng Vĩnh Thịnh Hyundai Vĩnh Thịnh - CV	Quốc lộ 14, Ấp 1, Xã Đông Tiến, H. Đông Phú, T. Bình Phước ĐT: (02713) 826 222 Fax: (02713) 826 223 www.hyundai-vinhthinh.vn	Kinh doanh xe ô tô tải nhãn hiệu HYUNDAI, xe buýt và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì, sửa chữa và vận tải.	20.000	55%

STT	TÊN CÔNG TY	ĐỊA CHỈ	HOẠT ĐỘNG CHÍNH	VĐL (31/12/2018) Triệu đồng	PHẦN TRĂM VỐN SỞ HỮU CỦA SAVICO
CÔNG TY LIÊN KẾT					
1	Công ty CP Đầu tư SAVICO	66-68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP.HCM	Kinh doanh bất động sản; tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, cung cấp các dịch vụ về nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận; cung cấp dịch vụ tư vấn kiến trúc và kỹ thuật có liên quan; thiết kế và xây dựng công trình dân dụng; kinh doanh xe ô tô và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì và sửa chữa; cung cấp dịch vụ giáo dục mầm non.	160.000	40%
2	Công ty CP Toyota Đông Sài Gòn	507 Xa lộ Hà Nội, P. An Phú, Q. 2, TP.HCM ĐT: (84 28) 3898 9242 Fax: (84 28) 3898 9243 Hotline: 19006428 Email: tesc@toyotasaigon.com www.toyotadongsaigon.com.vn	Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu TOYOTA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	108.500	30,3%
	Chi nhánh Gò Vấp	18 Phan Văn Trị, P.7, Q. Gò Vấp, TP.HCM ĐT: (84 28) 3989 6636 - Fax: (84 28) 3989 6637 Hotline: 19006438			
	Chi nhánh Nguyễn Văn Lượng	63A Nguyễn Văn Lượng, P. 10, Q. Gò Vấp, TP.HCM ĐT: (84 28) 3921 2808 - Fax: (08) 3921 2809 Hotline: 0918335050			
	Chi nhánh Quận 9	850 Xa Lộ Hà Nội, P. Hiệp Phú, Q. 9, TP.HCM ĐT: (84 28) 37361689 - Fax: (84 28) 37361690 Hotline: 0901 830 833			
	Công Ty TNHH Toyota Bình Thuận	KDC Bến Lợi - Lại An, thôn Thắng Thuận, X. Hàm Thắng, H. Hàm Thuận Bắc, T. Bình Thuận ĐT: (84 252) 3739 212 - Fax: (84 252) 3739 210 Hotline: 0931 533027 www.binhthuan.toyota.com.vn/			
3	Công ty TNHH Comfort Delgro SAVICO Taxi	384A/2 Kha Vạn Cân, P. Hiệp Bình Chánh, Q. Thủ Đức, TP.HCM	Điều hành dịch vụ vận tải bằng taxi và các dịch vụ khác có liên quan tại Việt Nam.	79.315	40,03%
4	Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt	188 Lê Trọng Tấn, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP.HCM ĐT: (84 28) 3816 3636 Fax: (84 28) 3816 3366 www.toyotalythuongkiet.com.vn	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu TOYOTA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì	60.000	35%
	Chi nhánh Tân Phú	151A Lý Thường Kiệt, P. 6, Q. Tân Bình, TP.HCM ĐT: (84 28) 3971 3838 - Fax: (84 28) 3971 3209			

CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT (tiếp theo)

STT	TÊN CÔNG TY	ĐỊA CHỈ	HOẠT ĐỘNG CHÍNH	VĐL (31/12/2018) Triệu đồng	PHẦN TRĂM VỐN SỞ HỮU CỦA SAVICO
	Chi nhánh Tây Ninh (Toyota Tây Ninh)	Số 50 Hoàng Lê Kha, P. 3, TP. Tây Ninh Hotline: 1800 6565			
5	Công ty CP Ô tô Bắc Âu (Volvo Cars Saigon)	340 Nguyễn Văn Linh, P. Bình Thuận, Q. 7, TP.HCM Hotline (Sales): +84 901 69 8668 Hotline (Services): +84 935 28 7788 Email: info@volvocars.vn www.volvocars.vn	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu Volvo và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	60.000	32%
	Công ty TNHH Ô tô Bắc Âu Hà Nội (Volvo Cars Hanoi)	7-9 Nguyễn Văn Linh, Long Biên, Hà Nội Hotline (Sales): +84 97 111 7799 Hotline (Services): +84 966 700 337 www.volvohanoi.vn			
6	Công ty CP Ô tô Sao Tây Nam (Hyundai Tây Đô)	91 đường CMT 8, P. An Thới, Q. Bình Thủy, TP. Cần Thơ	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu HYUNDAI và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì	40.000	43,8%
	Hyundai Tây Đô Chi nhánh Kiên Giang	68 Võ Văn Kiệt, ấp Thạnh Bình, xã Thạnh Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang			
7	Công ty CP DV Ô tô Thành Phố Mới Bình Dương (Bình Dương Ford)	Lô C13 Hùng Vương, khu liên hợp, P. Hòa Phú, TP. Thủ Đầu Một, T. Bình Dương ĐT: (0274) 3801381 Fax: (0274) 3801380 www.binhduongford.com.vn	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu FORD và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	50.000	30,6%



CÁC GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU TRONG NĂM 2018

GIẢI THƯỞNG VỀ THƯƠNG HIỆU

- ▶ Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam - VNR500
11 năm liên tiếp.
- ▶ Doanh nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh tiêu biểu:
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn; Công ty
Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn; Công ty Cổ phần Dịch
vụ Sài Gòn Ô tô.



- ▶ Doanh nhân TP. HCM tiêu biểu: Ông Huỳnh Văn Sang -
TGD Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn.
- ▶ Doanh nhân TP. HCM tiêu biểu: Ông Phan Dương Cửu
Long - TGD Công ty Cổ phần Dịch vụ Sài Gòn Ô tô.

CÁC GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU TRONG NĂM 2018 (tiếp theo)

- ▶ Giải thưởng Sao Vàng Đất Việt: Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn; Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn; Công ty Cổ phần Dịch vụ Sài Gòn Ô Tô; Công ty Cổ phần SAVICO Hà Nội (với thương hiệu Trung tâm thương mại SAVICO Megamall); Công ty TNHH Toyota Long Biên.



- ▶ Mitsubishi
 - Giải ba phần thi Tư vấn bán hàng.
 - Giải ba Huấn luyện nội bộ.
- ▶ Chevrolet
 - Giải Nhì phần thi Tư vấn bán hàng.
 - Giải Nhất phần thi dành cho Kỹ thuật viên.
- ▶ Hino
 - Giải Ba phần thi dành cho Cố vấn dịch vụ.
 - 2 Giải Ba Phần thi dành cho Kỹ thuật viên.



GIẢI THƯỞNG CÁC CUỘC THI TAY NGHỀ

- ▶ Toyota
 - Giải Nhì phần thi Tư vấn bán hàng.
 - Giải Ba phần thi Chăm sóc khách hàng.
- ▶ Hyundai
 - Giải Nhất và Giải Khuyến khích phần thi Cố vấn Dịch vụ.
 - Giải Khuyến khích phần thi Tư vấn bán hàng.
 - Giải Nhất, Giải Ba và Giải Khuyến khích phần thi dành cho Kỹ thuật viên.
 - 2 Giải Khuyến khích phần thi Chăm sóc khách hàng.
- ▶ Honda
 - Giải Nhì phần thi Hướng dẫn viên an toàn, xuất sắc.

CÁC DANH HIỆU, THÀNH TÍCH KHÁC CỦA ĐẢNG, ĐOÀN THỂ

- ▶ Danh hiệu Đảng bộ trong sạch vững mạnh 2018.
- ▶ Hoàn thành xuất sắc công tác Đoàn và phong trào thanh niên 2018.
- ▶ Danh hiệu Công đoàn cơ sở vững mạnh 2018.



Thông kê cổ phiếu trong năm 2018	ĐVT	Số liệu
Giá ngày 29/12/2017	đồng/ CP	49.800
Giá ngày 28/12/2018	đồng/ CP	43.000
Giá cao nhất trong năm	đồng/ CP	57.000
Giá thấp nhất trong năm	đồng/ CP	39.500
Tổng khối lượng giao dịch	CP	5.478.150
Khối lượng giao dịch bình quân/ phiên	CP/ phiên	22.089
Khối lượng CP niêm yết	CP	24.995.573
Khối lượng CP lưu hành	CP	24.975.507
Tổng giá trị vốn hoá thị trường (ngày 31/12/18)	tỷ đồng	1.074
Tổng giá trị sổ sách của Công ty (ngày 31/12/18)	tỷ đồng	1.054
EPS (2018)	đồng/ CP	6.425
P/E (31/12/2018)	lần	6,7
P/B (31/12/2018)	lần	1,0
Tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài (31/12/18)	%	48,28%
Tỷ lệ sở hữu của cổ đông Nhà nước (31/12/18)	%	40,78%

Cổ phần

- ▶ Tổng số cổ phần phát hành: 24.995.573 cổ phiếu.
- ▶ Loại cổ phần: cổ phần phổ thông.
- ▶ Tổng số cổ phần đang lưu hành: 24.975.507 cổ phiếu.
- ▶ Số cổ phần bị hạn chế tự do chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu: Không có.



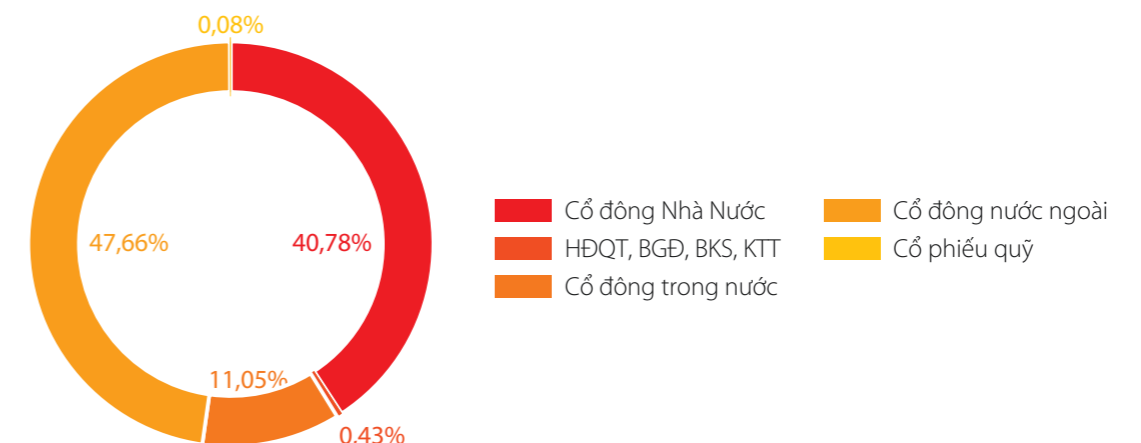
Biểu đồ giá đóng cửa của cổ phiếu SAVICO



Cơ cấu cổ đông (theo danh sách đăng ký cuối cùng ngày 07/03/2019)

Stt	Phân loại cổ đông	Khối lượng (cổ phiếu)	Tỷ lệ nắm giữ (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông Nhà Nước	10.192.823	40,78%	1	1	0
2	HĐQT, BGD, BKS, KTT	108.484	0,43%	5	0	5
3	Cổ đông trong nước	2.760.411	11,04%	1.138	48	1.090
4	Cổ đông nước ngoài	11.913.789	47,66%	72	24	48
5	Cổ phiếu quỹ	20.066	0,08%	1	1	0
Tổng cộng		24.995.573	100%	1.217	74	1.143

Cơ cấu cổ đông



THÔNG TIN CỔ PHIẾU VÀ CỔ ĐÔNG (tiếp theo)

Danh sách cổ đông lớn và cổ đông chiến lược
(theo danh sách đăng ký cuối cùng ngày 07/03/2019)

Stt	Cổ đông	Địa chỉ	Số lượng CP sở hữu (cp)	Cá nhân
1	Tổng Công ty Bến Thành	27 Nguyễn Trung Trực, Q.1, TP.HCM	10.192.823	40,78%
2	Finansia Syrus Securities Public Company Limited	999/9 The Offices@Central World, 18th Floor, Rama I Road, Pathumwan Sub-District, Pathumwan District, Bangkok Metropolis	3.123.920	12,50%
3	Pyn Elite Fund (Non-Ucits)	PL 139, 00101 Helsinki, Finland	2.055.370	8,22%
4	Probus Opportunities	106, route d'Arlon, L-8210 Mamer, Luxembourg	1.917.250	7,67%
5	Tundra Sustainable Frontier fund	Birger Jarlgatan 33, 111 45 Stockholm, Sweden	913.520	3,65%
	Tundra Vietnam Fund		350.730	1,40%
Tổng cộng			18.553.613	74,22%



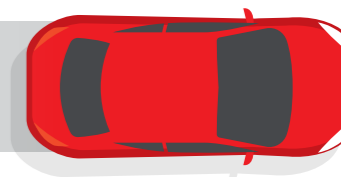
Thống kê sở hữu của cổ đông nội bộ:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu (cp)	Tỷ lệ (%)
1	Nguyễn Bình Minh	Chủ tịch HĐQT	67.900	0,27%
2	Mai Việt Hà	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	7.800	0,03%
3	Nguyễn Việt Hòa	Thành viên HĐQT	0	0,00%
4	Nguyễn Công Bình	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	156	0,00%
5	Đoàn Văn Quang	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	30.023	0,12%
6	Lương Quang Hiến	Thành viên HĐQT	0	0,00%
7	Nguyễn Đức Trọng	Thành viên HĐQT độc lập	0	0,00%
8	Lars Johan De Geer (*)	Thành viên HĐQT độc lập	0	0,00%
9	Nguyễn Như Ánh	Trưởng BKS	0	0,00%
10	Hoàng Thị Thu Hương	Thành viên BKS	0	0,00%
11	Đinh Trúc Phương	Thành viên BKS	0	0,00%
12	Nguyễn Thái Hòa	Thành viên BKS	-	0,00%
13	Nguyễn Thu Nga	Phó Tổng Giám đốc	2.605	0,01%
14	Ngô Văn Danh	Kế toán trưởng	-	0,00%

(*) Ông Lars Johan De Geer không trực tiếp sở hữu cổ phiếu SVC nhưng là thành viên sáng lập của Endurance Capital Vietnam I Limited - cổ đông sở hữu 882.690 cổ phiếu tương đương với tỷ lệ 3,53%. Ông Lars Johan De Geer gián tiếp sở hữu dưới 1% cổ phiếu SVC.

- ▶ Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Trong năm 2018, Công ty không thực hiện tăng/giảm vốn điều lệ.
- ▶ Giao dịch cổ phiếu quỹ: Trong năm 2018, Công ty không thực hiện giao dịch cổ phiếu quỹ.
- ▶ Các chứng khoán khác: Không có.
- ▶ Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Trong năm 2018, ENDURANCE CAPITAL VIETNAM I LIMITED, là người có liên quan của ông Lars Johan De Geer - Thành viên HĐQT độc lập của Công ty đã mua vào 220.000 cổ phiếu qua phương thức giao dịch thỏa thuận vào ngày 31/7/2018 để tăng số cổ phiếu nắm giữ lên 882.690 cổ phiếu, chiếm 3,53% tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của Công ty.



CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY TRONG NĂM 2019

Tập trung các nguồn lực đẩy mạnh phát triển hệ thống đại lý ô tô, đặc biệt các thương hiệu nhập khẩu song song với khai thác hiệu quả hoạt động dịch vụ đảm bảo sự phát triển ổn định và bền vững của ngành ô tô.

Tăng cường quản trị hoạt động và vai trò quản lý của công ty mẹ tới các đơn vị thành viên.

Tăng cường quan hệ hợp tác, đầu tư với các đối tác ngân hàng chiến lược.



MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Thực hiện chiến lược phát triển doanh nghiệp xuyên suốt theo hướng gắn hiệu quả kinh tế của doanh nghiệp, lợi ích của cổ đông, đối tác với việc cam kết tuân thủ, sử dụng hợp lý, bảo vệ, duy trì và tăng cường các nguồn lực về con người, môi trường tự nhiên cũng như tham gia chia sẻ, đóng góp cho cộng đồng, xã hội.



MỤC TIÊU TRUNG VÀ DÀI HẠN

Giữ vững vị thế là nhà phân phối ô tô số 1 tại Việt Nam với thị phần toàn hệ thống đạt tối thiểu 10% tổng thị trường xe ô tô Việt Nam đến năm 2020.

Lĩnh vực dịch vụ thương mại là lĩnh vực kinh doanh cốt lõi, lĩnh vực bất động sản đóng góp quan trọng cho lợi nhuận ổn định của Công ty.



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

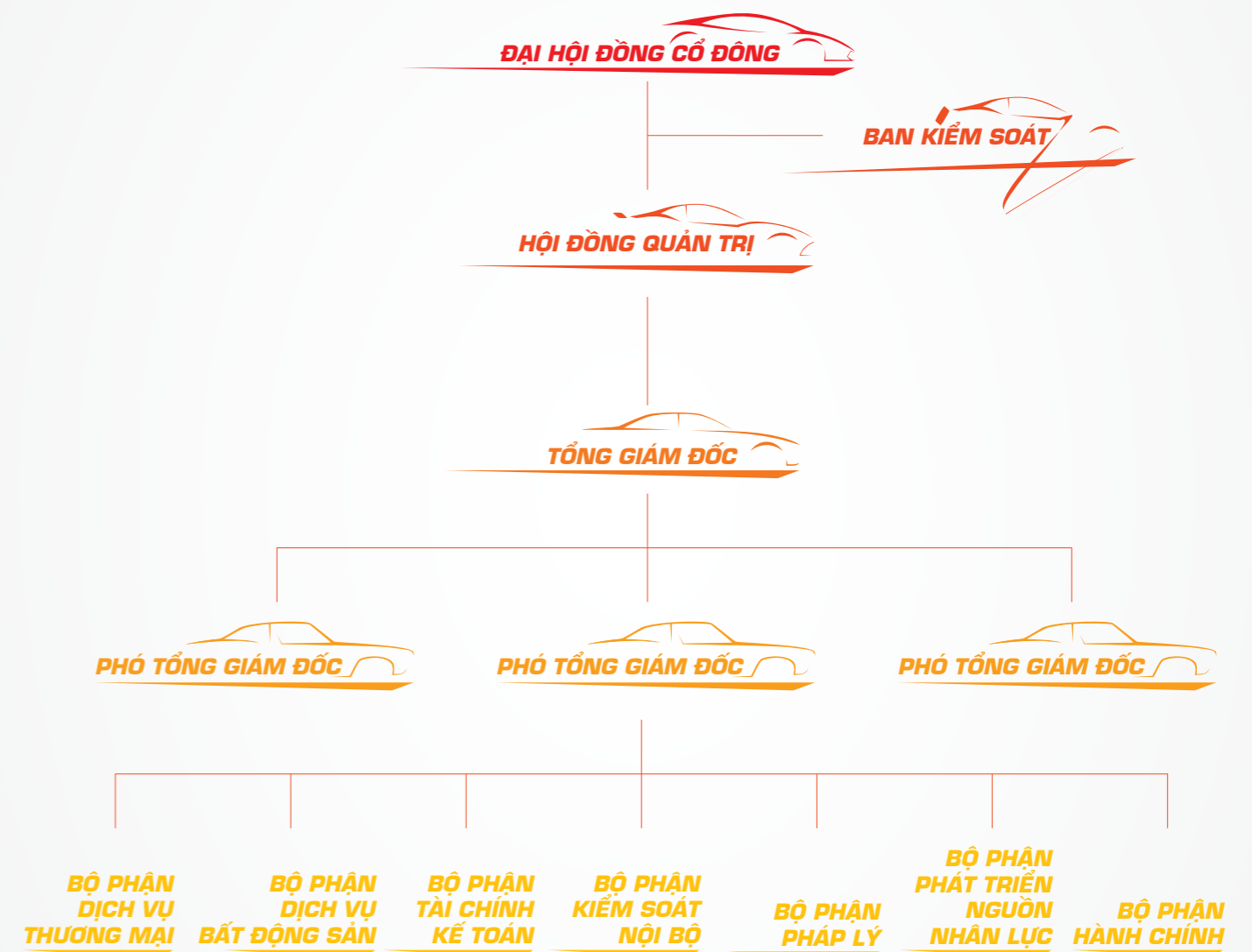
SAVICO phát triển theo mô hình Công ty đầu tư (Công ty mẹ)

**Đầu tư vào các dự án dịch vụ Thương mại, Bất động sản, Tài chính.
Góp vốn và tham gia quản trị song hành với các Công ty con, liên kết để phát triển kinh doanh.**

Mô hình quản trị theo ngành dọc “chuyên biệt để tạo lợi thế” và quản lý theo khu vực “kết hợp để tạo hiệu quả”.

Giao chỉ tiêu kế hoạch cho các đơn vị thành viên, kiểm soát hoạt động đảm bảo hiệu quả đầu tư, đồng thời hỗ trợ các đơn vị thành viên mở rộng thị trường, đào tạo phát triển nhân lực, tăng cường liên kết, phối hợp các hoạt động giữa các đơn vị thành viên, nâng cao năng lực cạnh tranh của toàn hệ thống SAVICO.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC





Ông NGUYỄN BÌNH MINH

Chủ tịch Hội Đồng Quản trị

Năm sinh: 1972

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị Kinh doanh
25 năm kinh nghiệm

Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

- ▶ Tổng giám đốc Tổng Công ty Bến Thành TNHH MTV
- ▶ Chủ tịch HĐQT Công ty CP SAVICO Đà Nẵng
- ▶ Chủ tịch HĐQT CTCP Dịch vụ Sài Gòn Ô tô



Bà NGUYỄN VIỆT HÒA

Thành viên Hội đồng Quản trị

Năm sinh: 1975

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kế toán Kiểm toán
22 năm kinh nghiệm

Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

- ▶ Phó Tổng giám đốc Tổng Công ty Bến Thành TNHH MTV
- ▶ Thành Viên HĐQT Công ty CP Vàng bạc đá quý Bến Thành

Ông MAI VIỆT HÀ

Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1973

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh
25 năm kinh nghiệm

Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

- ▶ Chủ tịch HĐQT CTCP Ô tô Nam Sông Hậu
- ▶ Chủ tịch HĐQT CTCP Ô tô Sao Tây Nam
- ▶ Chủ tịch HĐQT CTCP Ô tô Bắc Âu
- ▶ Chủ tịch HĐQT CTLD Toyota Giải Phóng



Ông LƯƠNG QUANG HIỂN

Thành viên Hội đồng Quản trị

Năm sinh: 1967

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh
29 năm kinh nghiệm

Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

- ▶ Giám đốc điều hành Công ty CP Hùng Vương
- ▶ Trưởng Ban Kiểm soát Công ty CP Tập đoàn KIDO



Ông ĐOÀN VĂN QUANG

Thành viên Hội đồng Quản trị, Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1971

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
25 năm kinh nghiệm

Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

- ▶ Chủ tịch HĐQT Công ty CP Sài Gòn Ngôi Sao
- ▶ Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH TMDV Sài Gòn
- ▶ Chủ tịch HĐQT Công ty CP ô tô Vĩnh Thịnh
- ▶ Chủ tịch HĐQT Công ty CP ô tô Tây Bắc Sài Gòn



Ông NGUYỄN ĐỨC TRỌNG

Thành viên Hội đồng Quản trị

Năm sinh: 1972

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Tài chính
25 năm kinh nghiệm

Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

- ▶ Giám đốc Tư vấn Tài chính tại Công ty CP Chứng khoán TP. HCM

Ông NGUYỄN CÔNG BÌNH

Thành viên Hội đồng Quản trị, Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1978

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
19 năm kinh nghiệm

Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

- ▶ Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư Đà Nẵng Sơn Trà
- ▶ Chủ tịch HĐQT Công ty CP Ô tô Sài Gòn Cửu Long
- ▶ Thành viên HĐQT CTCP Đầu tư SAVICO
- ▶ Thành viên HĐQT CTCP Toyota Đông Sài Gòn



Ông LARS JOHAN DE GEER

Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập

Năm sinh: 1977

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh
17 năm kinh nghiệm

Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

- ▶ Thành viên HĐQT CTCP Nafoods Group
- ▶ Đối tác sáng lập Endurance Capital Group



GIỚI THIỆU BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Ông MAI VIỆT HÀ

(Chi tiết thông tin xem tại trang 34)

Ông ĐOÀN VĂN QUANG

(Chi tiết thông tin xem tại trang 34)

Ông NGUYỄN CÔNG BÌNH

(Chi tiết thông tin xem tại trang 34)



Bà NGUYỄN THU NGA

Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1974

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

23 năm kinh nghiệm

Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

- ▶ Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Ô tô Tây Bắc Sài Gòn

Ông NGÔ VĂN DANH

Kế toán trưởng

Năm sinh: 1975

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính - Kế toán

20 năm kinh nghiệm

Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

- ▶ Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn
- ▶ Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Ô tô Vĩnh Thịnh



GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT



Bà NGUYỄN NHƯ ANH

Trưởng Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1976

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Tài Chính

22 năm kinh nghiệm

Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

- ▶ Giám đốc Tài chính Kế hoạch Tổng Công ty Bến Thành TNHH MTV
- ▶ Trưởng Ban Kiểm soát Công ty CP Văn Hóa Tổng hợp Bến Thành

Ông NGUYỄN THÁI HÒA

Thành viên Ban Kiểm Soát

Năm sinh: 1980

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Luật - chuyên ngành Kinh tế

16 năm kinh nghiệm

Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

- ▶ Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Sài Gòn Ô tô
- ▶ Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần SAVICO Đà Nẵng
- ▶ Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần SAVICO Hà Nội



Bà HOÀNG THỊ THU HƯƠNG

Thành viên Ban Kiểm Soát

Năm sinh: 1972

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế ngành Kế toán;

Cử nhân Luật; Cử nhân Ngữ văn Anh

25 năm kinh nghiệm

Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có

Bà ĐINH TRÚC PHƯƠNG

Thành viên Ban Kiểm Soát

Năm sinh: 1992

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị Kinh doanh

4 năm kinh nghiệm

Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có





**GIÁ TRỊ
RIÊNG BIỆT**

Tạo nên những giá trị mới, riêng biệt, đẳng cấp, ...

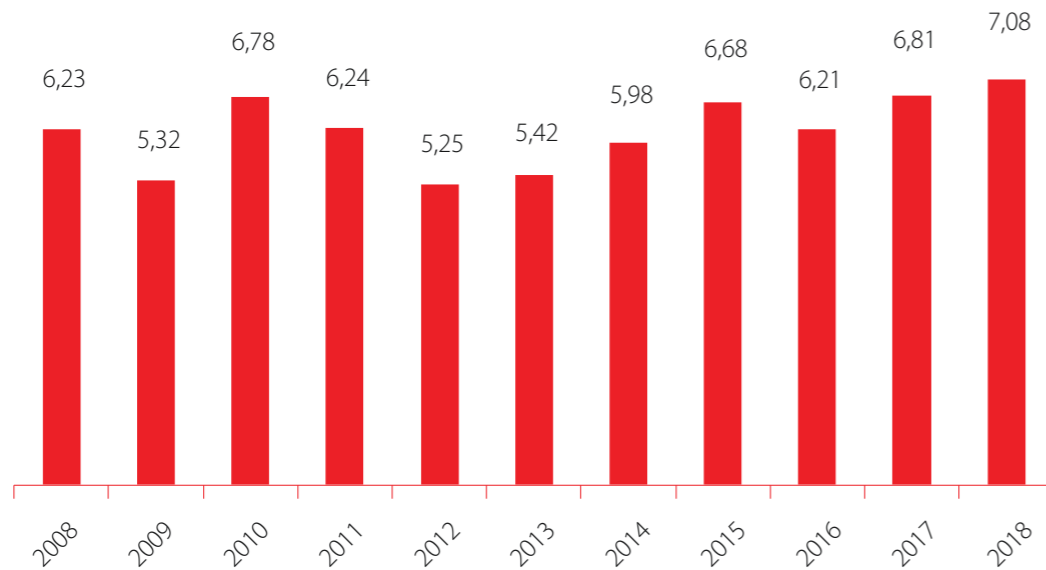
TỔNG QUAN TRỊ TRƯỜNG NĂM 2018

TÌNH HÌNH KINH TẾ VĨ MÔ

Tăng trưởng kinh tế: Tình hình kinh tế xã hội năm 2018 tăng trưởng ổn định, doanh số bán lẻ tăng trưởng tốt, lạm phát được kiểm soát... tạo điều kiện thuận lợi cho các ngành nghề kinh doanh.

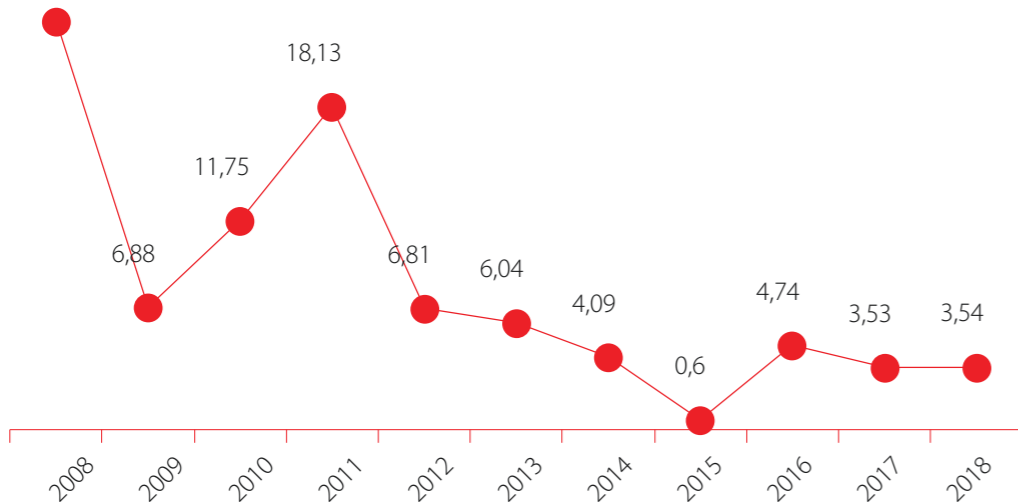
GDP năm 2018 tăng 7,08%, cao hơn so với mức tăng 6,81% của năm 2017. Hoạt động sản xuất tiếp tục cải thiện mạnh mẽ, chỉ số **PMI đều duy trì ở mức trên 50 điểm**.

GDP TĂNG CAO NHẤT KỂ TỪ 2008



Chỉ số CPI tháng 12/2018 tăng 2,98% so với cùng kỳ. CPI bình quân năm 2018 tăng 3,54% so với bình quân năm 2017 và đáp ứng mục tiêu Quốc hội đề ra.

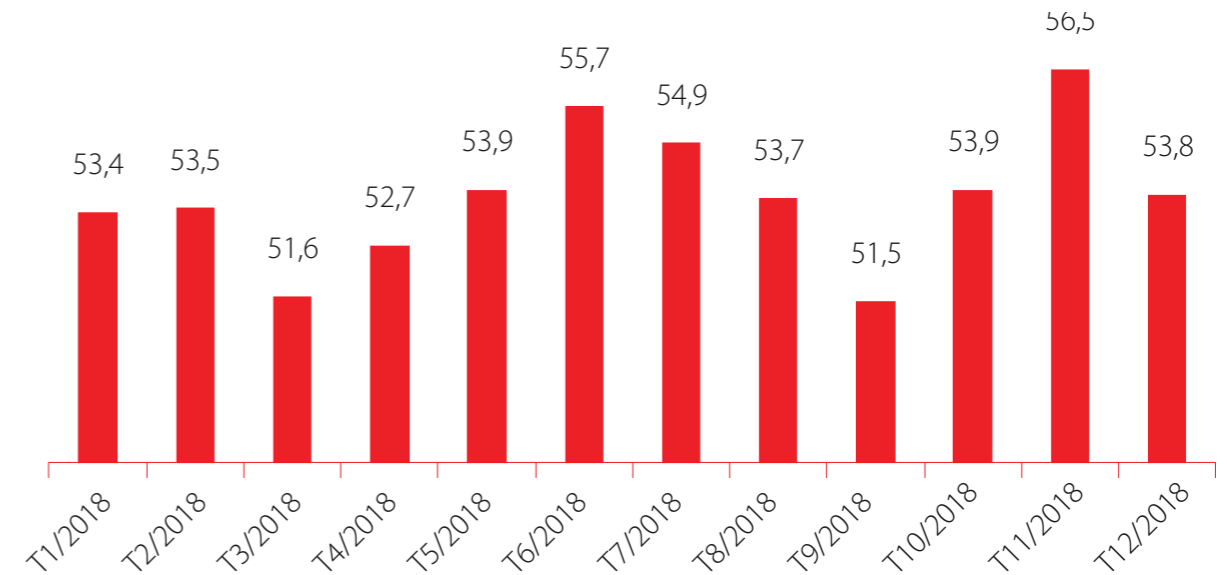
CHỈ SỐ CPI QUA CÁC NĂM



FDI năm 2018, tổng vốn đăng ký của các dự án cấp mới và vốn cấp bổ sung đạt 25,58 tỷ USD, giảm 13,9% so với cùng kỳ. Tuy nhiên, vốn FDI giải ngân đạt 19,1 tỷ USD, tăng 9,1% so với năm 2017.

Cán cân thương mại năm 2018 thặng dư 7,21 tỷ USD, tăng mạnh so với mức 2,91 tỷ USD của năm 2017.

CHỈ SỐ PMI 2018

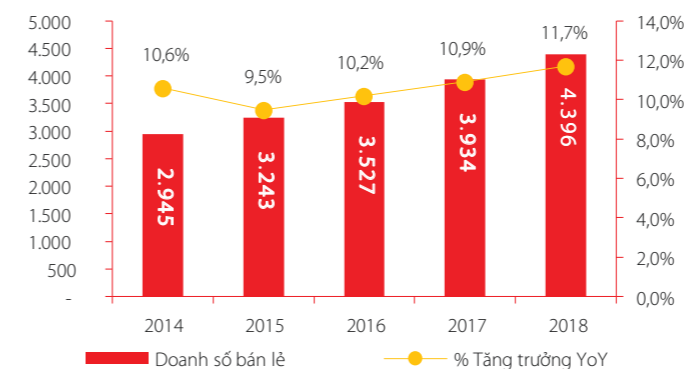


Tổng mức doanh số bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng năm 2018 đạt 4.396 nghìn tỷ đồng, tăng 11,7% so với cùng kỳ.

Tăng trưởng tín dụng năm 2018 đạt 14%, giảm nhẹ so với năm 2017, huy động vốn ước tính đạt 16%, tương đương năm 2017.

Tuy vậy, lãi suất huy động và cho vay bắt đầu có xu hướng tăng vào cuối năm, thanh khoản liên ngân hàng bớt đối đảo. Rủi ro tỷ giá tăng mạnh do ảnh hưởng của chiến tranh thương mại Mỹ - Trung và chính sách tài chính thắt chặt của FED.

DOANH SỐ BÁN LẺ 2018



LÃI SUẤT CHO VAY CÁC KỲ HẠN

Kỳ hạn	2017	2018	Chênh lệch
VND ngắn hạn	6,8 - 8,5	6,0 - 9,0	(0,8) - 0,5
VND trung, dài hạn	9,3 - 11,0	9,0 - 11,0	(0,3) - 0,7
USD ngắn hạn	2,8 - 4,2	2,8 - 4,7	0,5
USD trung, dài hạn	4,6 - 6,0	4,5 - 6,0	(0,1)

TỔNG QUAN TRỊ TRƯỜNG NĂM 2018 (tiếp theo)

VỀ CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

THỊ TRƯỜNG Ô TÔ

Năm 2018 đầy biến động với việc Nghị định 116 và thuế nhập khẩu ô tô trong khu vực ASEAN về 0% cùng lúc có hiệu lực. Thị trường ô tô 6 tháng đầu năm là sự thống trị của xe lắp ráp (CKD), đến tháng 9/2018 thị trường ô tô bắt đầu khởi sắc khi những lô xe nhập khẩu (CBU) đổ ạt về Việt Nam. Thống kê sản lượng toàn thị trường năm 2018 đạt 288.683 xe, tăng 6% so với cùng kỳ, trong đó, CKD tăng 11%, CBU giảm 6% (Báo cáo VAMA). Sản lượng toàn thị trường đạt 352.209 xe, tăng 16% so với cùng kỳ (Báo cáo VAMA + HTC).



THỊ TRƯỜNG XE GẮN MÁY

Sản lượng VAMM năm 2018 đạt hơn 3,38 triệu xe, tăng 3,5% so với cùng kỳ.

3,38 Triệu xe
Sản lượng VAMM năm 2018



THỊ TRƯỜNG BẤT ĐỘNG SẢN

Duy trì mức tăng trưởng ổn định. Xu hướng mua bất động sản để đầu tư đang tăng lên. Tổng giá trị tồn kho cả nước cuối năm 2018 còn 22.976 tỷ đồng, giảm 11% so với cùng kỳ, giảm 82,1% so với đầu năm 2013 (tương đương 105.572 tỷ đồng).

Việc triển khai kết luận của Thủ tướng liên quan đến việc sửa đổi, bổ sung Quyết định 09 đã tác động đến một số dự án bất động sản của Công ty.



Nguồn tài liệu tham khảo:

- Tổng cục thống kê (GSO), VAMA, HTC, Dữ liệu đăng kiểm
- Nghị quyết Chính phủ, Báo cáo chỉ số PMI Việt Nam (Nikkei, Markit)
- Tổng hợp các bản tin tài chính: BSC, HSC...

ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Năm 2018 có thể nói là năm ấn tượng của kinh tế Việt Nam khi đạt tốc độ cao nhất trong vòng 10 năm với mức tăng trưởng 7,08% trong bối cảnh quốc tế không mấy thuận lợi. Năm 2018 cũng là một năm đầy biến động của thị trường xe ô tô Việt Nam với cả hai thái cực, âm ảm lẫn sôi động. Nghị định 116 được áp dụng đã làm thay đổi cục diện xe lắp ráp và xe nhập khẩu với 06 tháng đầu năm là sự chiếm lĩnh gần như toàn bộ thị trường của xe lắp ráp. Đến tháng 9/2018, thị trường ô tô khởi sắc khi xe nhập khẩu ào ạt nhập về Việt Nam. Thống kê sản lượng toàn thị trường năm 2018 đạt 352.209 xe, tăng 16% so với cùng kỳ (theo báo cáo VAMA + HTC). Thị trường bất động sản năm 2018 nhìn chung ổn định, phát triển đồng đều trên mọi phân khúc.

Trong bối cảnh đầy biến động của thị trường năm 2018 và với tinh thần **"ĐỘT PHÁ TƯ DUY - NÂNG TẦM GIÁ TRỊ"**, từng thành viên lãnh đạo, quản lý Công ty và các doanh nghiệp trong hệ thống đã mạnh dạn có những đổi mới tích cực trong tư duy và suy nghĩ, có những hành động quyết liệt và phù hợp nhằm tạo động lực mạnh mẽ cho CBNV toàn hệ thống vượt qua những khó khăn và thách thức, tăng khả năng sáng tạo và hiệu suất trong công việc

để đưa Công ty và hệ thống tăng tốc với những kết quả đáng ghi nhận như sau:

VỀ PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG

Với 07 đại lý 2S và 3S khai trương đi vào hoạt động trong năm 2018 gồm Tây Ninh Ford, Hyundai Sơn Trà, Hyundai Kiên Giang, Toyota Nam Định, Hải Dương Ford, Mitsubishi Quảng Nam, Hyundai Vinh Thịnh (xe thương mại ("CV")) và 02 đại lý trong tháng 01/2019 là Gia Định Ford, Hyundai Hưng Thịnh (CV) thì đến nay hệ thống phân phối ô tô của Công ty đã có 48 đại lý hoạt động trên cả nước. Trong năm 2018, hệ thống cũng tiếp tục đa dạng hóa thêm các nhãn hiệu sản phẩm phân phối mới như Isuzu, Hyundai (CV),... Bên cạnh đó, các hoạt động dịch vụ cũng đã được tiếp tục chú trọng, đẩy mạnh hơn nhằm tăng tính bền vững cho chuỗi giá trị của hệ thống.

Thị phần phân phối ô tô của hệ thống đến cuối năm 2018 đã đạt 10,9%, tăng 1,0 % so với cùng kỳ 2017 (theo báo cáo VAMA) và đạt 8,96%, tăng 0,04% so với cùng kỳ (theo báo cáo VAMA + HTC).

VỀ KINH DOANH

Các chỉ tiêu chính	KH 2018 ban đầu	KH 2018 điều chỉnh	TH 2018	TH/KH ĐC 2018 (%)	TH/TH 2017 (%)
Doanh thu BH & DV	14.200	14.200	14.882	105%	108%
Lợi nhuận trước thuế	175	250	362	145%	208%
Lợi nhuận sau thuế	140	200	300	150%	216%
Thu nhập cổ đông Công ty mẹ	82	120	173	144%	212%

ĐVT: Tỷ đồng

VỀ ĐẦU TƯ

Trong năm 2018, toàn hệ thống đã đầu tư cho tài sản cố định và góp vốn thành lập, tăng vốn góp vào các doanh nghiệp trong hệ thống gần 200 tỷ đồng, trong đó riêng SAVICO tăng đầu tư hơn 35 tỷ đồng.

VỀ QUẢN TRỊ

Công ty đã tiếp tục tăng cường kết nối, hỗ trợ các doanh nghiệp trong hệ thống qua việc cải tiến và áp dụng các

biểu mẫu báo cáo quản trị nhằm chia sẻ thông tin, cập nhật tình hình thị trường kịp thời và định kỳ; tổ chức nhiều hội thảo chuyên đề kết hợp với tham quan thực tế; đánh giá và củng cố hoạt động tại một số doanh nghiệp chưa hiệu quả; hỗ trợ các doanh nghiệp phát triển đại lý theo định hướng và theo kế hoạch.

Tập trung giải quyết dứt thanh lý các danh mục đầu tư không hiệu quả để thu hồi vốn và tập trung thu cổ tức từ các doanh nghiệp để bổ sung, phát triển hoạt động kinh doanh chính.



Quan hệ hợp tác chiến lược với Vietinbank, Vietcombank tiếp tục phát huy được hiệu quả và tạo nhiều thuận lợi cho các doanh nghiệp trong hệ thống tiếp cận được nguồn vốn với các chính sách và lãi suất ưu đãi.

Tiếp tục triển khai và thực hiện việc đánh giá rủi ro trong hoạt động kinh doanh, quản lý tài chính, kiểm soát chi phí để nâng cao hiệu quả kinh doanh tại từng doanh nghiệp.

Nghiên cứu ứng dụng công nghệ trong toàn hệ thống qua việc xây dựng hệ thống quản lý ERP và các kênh chia sẻ thông tin online của các diễn đàn trực tuyến về nhân sự, tài chính, kế toán, thương mại...

VỀ CỔ TỨC

Cổ tức năm 2017 bằng tiền mặt đã được chi trả cho cổ đông vào tháng 9/2018 với tỷ lệ 12%/vốn điều lệ tương ứng gần 30.000.000.000 đồng đúng theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 2018.

Để tối đa hóa hiệu quả của cổ đông khi đầu tư vào Công ty và trên cơ sở kết quả hoạt động kinh doanh 2018, Hội đồng Quản trị đề xuất Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 phê duyệt tăng mức chia cổ tức năm 2018 bằng tiền mặt từ 12% theo kế hoạch lên 15%.

VỀ TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Các doanh nghiệp trong hệ thống tiếp tục triển khai việc tuân thủ các quy định, chính sách về an toàn, bảo vệ môi trường, phòng cháy chữa cháy thông qua việc kiểm soát chặt chẽ từ ý thức cho đến việc thực hiện.

Trách nhiệm đối với cộng đồng, xã hội tiếp tục được thực hiện tại các doanh nghiệp trong hệ thống thông qua các chương trình chăm sóc, hỗ trợ cho các đối tượng chính sách, khó khăn và các chương trình thiện nguyện khác.

Năm 2018, các doanh nghiệp thành viên trong hệ thống đã đạt được gần 20 giải thưởng tại các cuộc thi tay nghề của các nhà sản xuất, Công ty và một số doanh nghiệp thành viên tiếp tục đạt được giải thưởng Sao Vàng Đất Việt và doanh nghiệp tiêu biểu TP.HCM. Công ty cũng vinh dự được xếp hạng 85 trong Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam và hạng 31 trong Top 500 Doanh nghiệp Tư nhân lớn nhất Việt Nam.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁC ĐẠI DIỆN VỐN

Hội đồng Quản trị đã giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc, các đại diện vốn qua các chương trình làm việc, các cuộc họp của Hội đồng Quản trị; thường xuyên trao đổi, thảo luận và chất vấn Ban Tổng Giám đốc, các đại diện vốn tại các cuộc họp, buổi làm việc và qua thư điện tử, điện thoại nhằm đảm bảo tính chính xác, phù hợp, kịp thời và hiệu quả.

Căn cứ vào quá trình giám sát và kết quả thực tế của hoạt động kinh doanh, Hội đồng Quản trị nhận thấy:



- ▶ Ngay từ đầu năm, Ban Tổng Giám đốc đã cùng với các đại diện vốn tại các doanh nghiệp thành viên xây dựng và thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2018 trên cơ sở phù hợp với đặc điểm của từng khu vực và thực tiễn của từng doanh nghiệp; công tác dự báo thị trường, chia sẻ thông tin được thực hiện nhanh chóng và kịp thời; việc phát triển và mở rộng mạng lưới, đa dạng hóa sản phẩm phân phối và gia tăng thị phần đối với lĩnh vực kinh doanh chính được tập trung và đẩy mạnh; việc triển khai thực hiện các thủ tục liên quan đến các dự án bất động sản được chú trọng; việc kiểm tra, kiểm soát hoạt động tài chính kế toán, tính tuân thủ được thực hiện chặt chẽ và thường xuyên hơn.
- ▶ Trên cơ sở kết quả kinh doanh khả quan năm 2018 và tình hình thị trường đã rõ nét hơn, Ban Tổng Giám đốc và các đại diện vốn đã cùng thống nhất xác lập mục tiêu kinh doanh mới với một số chỉ tiêu tăng hơn 40% so với mục tiêu ban đầu đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Mục tiêu kinh doanh mới đã được Hội đồng Quản trị chấp thuận phê duyệt theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông, cụ thể như sau:

ĐVT: Tỷ đồng

Các chỉ tiêu chính (hợp nhất)	KH 2018 đã được ĐHTGD phê duyệt	KH 2018 điều chỉnh	Tỷ lệ điều chỉnh
Doanh thu bán hàng và dịch vụ	14.200	14.200	100%
Lợi nhuận trước thuế	175	250	143%
Lợi nhuận sau thuế	140	200	143%
Thu nhập cổ đông Công ty mẹ	82	120	146%
Tỷ lệ chi trả cổ tức	Tối thiểu 12%	Tối thiểu 12%	100%

- ▶ Hệ thống báo cáo tài chính quý, năm được lập và công bố theo đúng các quy định pháp luật hiện hành.
- ▶ Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc cần tập trung hơn nữa cho việc thực hiện và hỗ trợ các doanh nghiệp thực hiện các thủ tục pháp lý liên quan đến mặt bằng phát triển các dự án thương mại; đảm bảo hoàn thiện thủ tục pháp lý để chuyển nhượng một số dự án bất động sản; có các giải pháp nâng cao công tác quản trị, điều hành ngày càng chuyên nghiệp hơn đối với hoạt động tài chính, kinh doanh, phát triển nguồn nhân lực và kiểm soát rủi ro cho hệ thống.



HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2018, Hội đồng Quản trị đã hoạt động phù hợp theo quy định của pháp luật, điều lệ và đã đem lại hiệu quả tốt nhất có thể cho Công ty. Các công việc thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị được các thành viên giải quyết với tinh thần tập trung, thận trọng, trách nhiệm và bảo vệ quyền lợi của Công ty, của cổ đông theo quy định pháp luật và điều lệ. Từ đó, đã đem lại hiệu quả cho Công ty và cổ đông khi doanh thu, lợi nhuận, quy mô hệ thống ngày càng gia tăng.

Hội đồng Quản trị đã chỉ đạo, triển khai và giám sát hoạt động kinh doanh của Công ty và các doanh nghiệp trong hệ thống thông qua 07 cuộc họp trực tiếp tổ chức định kỳ hàng quý và khi cần thiết, 25 lần trưng cầu ý kiến các thành viên bằng văn bản, qua đó ban hành 27 Quyết định và 48 thông báo.

Các thành viên Hội đồng Quản trị được cung cấp thông tin, tài liệu một cách đầy đủ, kịp thời để có đủ thời gian xem xét, thảo luận, có ý kiến và đưa ra quyết định. Các Quyết định của Hội đồng Quản trị được thông qua dựa trên cơ sở thông tin cụ thể, rõ ràng, đầy đủ và sự đồng thuận của các thành viên. Các chỉ đạo, kết luận được ban hành sớm để Ban Tổng Giám đốc và các đại diện vốn kịp thời thực hiện.

Các Quyết định của Hội đồng Quản trị được công bố công khai theo quy định pháp luật và tự nguyện, góp phần nâng cao trách nhiệm của Hội đồng Quản trị trước cổ đông, tạo điều kiện cho cổ đông giám sát hoạt động của Hội đồng Quản trị.

Hội đồng Quản trị cũng đã kết hợp chặt chẽ với Ban Kiểm soát để kiểm tra, giám sát tính tuân thủ quy định pháp luật, điều lệ và quy định khác có liên quan trong quá trình quản trị, điều hành Công ty và các doanh nghiệp trong hệ thống.

Tiểu ban Lương thưởng, Nguồn nhân lực do thành viên Hội đồng quản trị độc lập phụ trách đã hỗ trợ cho Ban Tổng Giám đốc và tham mưu cho Hội đồng Quản trị trong việc xây dựng chính sách, kế hoạch cũng như rà soát, tu chỉnh chính sách lương, thưởng ngày càng phù hợp hơn; lựa chọn nhân sự phù hợp để bầu, bổ nhiệm vào các chức danh chủ chốt, quan trọng của Công ty và tại các doanh nghiệp trong hệ thống.

Hội đồng Quản trị đã đề xuất và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bầu bổ sung thêm một thành viên Hội đồng Quản trị mới ở vị trí độc lập nhằm từng bước nâng cao tỷ lệ thành viên Hội đồng Quản trị độc lập theo quy định pháp luật và đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty. Thành viên Hội đồng Quản trị mới được tạo điều kiện tiếp xúc, tham gia sâu vào các hoạt động của Công ty.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Việc duy trì và sử dụng chi phí hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát được thực hiện ngày càng hợp lý và hiệu quả hơn. Năm 2018, Công ty đã thực hiện việc trích lập chi phí hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát đúng theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 và được sử dụng như sau:

- ▶ Tồn quỹ năm 2017: 1.692.728.077 đồng
- ▶ Trích lập theo NQ ĐHĐCĐ TN 2018: 2.118.331.781 đồng
- ▶ Tổng chi trong năm 2018: 2.231.000.000 đồng
- ▶ Tồn quỹ đến 31/12/2018: 1.580.059.858 đồng

ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Các thành viên Hội đồng Quản trị và các cán bộ quản lý của Công ty thường xuyên tham gia các khóa đào tạo, tập huấn, hội thảo do Sở Giao dịch chứng khoán và Ủy ban chứng khoán tổ chức về quản trị công ty cũng như các khóa đào tạo về kỹ năng quản trị, quản lý, điều hành của các tổ chức chuyên môn khác như: Xây dựng và triển khai hoạt động Hội đồng Quản trị hiệu quả; thể điểm quản trị công ty và các vấn đề về công bố thông tin; kiểm toán nội bộ dành cho thành viên Hội đồng Quản trị; kiểm toán nội bộ và kinh nghiệm tổ chức chức năng kiểm toán nội bộ; sai sót và gian lận thường gặp trong báo cáo tài chính; lãnh đạo đột phá; đánh giá nguồn nhân lực...



KẾ HOẠCH DỰ KIẾN NĂM 2019

Kinh tế Việt Nam năm 2019 được dự báo là sẽ tiếp tục ổn định nhưng cũng đối mặt với nhiều thách thức. Thị trường ô tô được dự báo sẽ gặp không ít khó khăn với các chính sách mới về thuế, lệ phí, thủ tục hành chính,... trong khi nguồn cung của thị trường dự kiến tăng mạnh theo kế hoạch của các nhà sản xuất (tăng từ 20% - 25% so với năm 2018). Thị trường bất động sản có thể tiếp tục ổn định, tuy nhiên cũng sẽ phải đối mặt với khó khăn khi tín dụng bị giới hạn, tỷ giá có thể biến động. Do vậy, Hội đồng Quản trị đề ra những định hướng như sau trong năm 2019:

- ▶ Xây dựng lộ trình phát triển mạng lưới của hệ thống tại các khu vực, doanh nghiệp.
- ▶ Tập trung nguồn lực tài chính, nhân sự để phát triển, đầu tư mở rộng hệ thống đúng tiến độ đồng thời tích cực tìm kiếm quỹ đất để phát triển dự án.
- ▶ Thực hiện việc tăng vốn cho Công ty và các doanh nghiệp trong hệ thống nhằm tăng cường năng lực và vị thế tài chính.
- ▶ Tăng cường quan hệ hợp tác, đầu tư với các đối tác chiến lược, các nhà đầu tư quan tâm tới hoạt động kinh doanh của Công ty.
- ▶ Tăng cường vai trò quản lý của công ty mẹ tới các doanh nghiệp thành viên. Thúc đẩy văn hóa doanh nghiệp, tăng cường gắn kết nội bộ, đảm bảo sự phát triển của hệ thống cho giai đoạn mới.
- ▶ Xây dựng mục tiêu, tầm nhìn và chiến lược cho giai đoạn 2020 - 2025.

Từ những định hướng trên, Hội đồng Quản trị thống nhất các chỉ tiêu kế hoạch năm 2019 do Ban Tổng Giám đốc đề xuất như sau:

Các chỉ tiêu chính	TH 2018 (tỷ đồng)	KH 2019 (tỷ đồng)	KH 2019/TH 2018 (%)	KH 2019/TH 2017
Doanh thu BH & DV	14.882	18.193	122%	132%
Lợi nhuận trước thuế	362	273	75%	157%
Lợi nhuận sau thuế	300	241	80%	173%
Thu nhập CĐ Công ty mẹ	173	143	83%	175%
Tỷ lệ cổ tức/VĐL (%)	Dự kiến 15%	15%		

Các chỉ tiêu doanh thu 2019 nói trên không bao gồm việc hạch toán hiệu quả dự án 104 Phố Quang, dự kiến lợi nhuận là 56,9 tỷ đồng.

Trước những thách thức của thị trường năm 2019, Hội đồng Quản trị tiếp tục lấy tinh thần **"ĐỘT PHÁ TƯ DUY - NÂNG TẦM GIÁ TRỊ"** làm quan điểm để lãnh đạo hệ thống. Hội đồng Quản trị sẽ luôn cùng với Ban Tổng Giám đốc và cán bộ đại diện vốn tại các doanh nghiệp thành viên tiếp tục nỗ lực, đột phá trong kinh doanh cũng như mong tiếp tục nhận được sự tin tưởng, hỗ trợ và đồng hành của Quý cổ đông và nhà đầu tư để Công ty và hệ thống đạt thêm được nhiều giá trị mới.





362 Tỷ đồng
Lợi nhuận trước thuế hợp nhất

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU KINH DOANH

Doanh thu hợp nhất đạt **14.881 tỷ đồng**, đạt 105% kế hoạch năm 2018, tăng 8% so với cùng kỳ.

Lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt **362 tỷ đồng**, đạt 145% kế hoạch năm 2018, tăng 108% so với cùng kỳ do sản lượng ngành ô tô tăng 17% so với cùng kỳ, các đơn vị ô tô tận dụng tốt các cơ hội thị trường để bán hàng xe CKD, CBU do đó lãi gộp của hoạt động bán hàng trong năm 2018 được cải thiện đáng kể.

Thu nhập cổ đông Công ty mẹ đạt **173 tỷ đồng**, đạt 144% kế hoạch năm 2018, tăng 112% so với cùng kỳ.

Lợi nhuận trước thuế báo cáo riêng đạt **45,8 tỷ đồng**, đạt 107% kế hoạch năm 2018, giảm 20% so với cùng kỳ do trong năm 2018 ghi nhận 4,7 tỷ đồng thu nhập từ bán sản phẩm nền dự án Tam Bình - Hiệp Bình Phước, cùng kỳ ghi nhận 20,2 tỷ đồng.

Chỉ tiêu	TH 2018 (Triệu đồng)	% TH 2018/ KH 2018	% TH 2018/ Ckỳ
Doanh thu BH&CCDV BC Hợp nhất	14.881.843	105%	108%
LNTT BC Hợp nhất	362.312	145%	208%
LNST BC Hợp nhất	300.267	150%	216%
Thu nhập CĐ Cty mẹ	173.003	144%	212%
LNTT BC riêng	45.805	107%	80%

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỪNG LĨNH VỰC

Công ty đã tập trung các giải pháp điều hành nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư đối với từng lĩnh vực kinh doanh, cụ thể như sau:

LĨNH VỰC DỊCH VỤ - THƯƠNG MẠI

NGÀNH HÀNG Ô TÔ

Về sản lượng, thị phần

Tổng lượng xe tiêu thụ toàn hệ thống đạt 31.548 xe, đạt 108% kế hoạch năm 2018, tăng 17% so với cùng kỳ. Thị phần ô tô của SAVICO trong toàn thị trường tiếp tục tăng trưởng, năm 2018 đạt 10,9%, tăng 1,0 điểm % so với cùng kỳ (Báo cáo VAMA), đạt 8,96%, tăng 0,04 điểm % so với cùng kỳ (Báo cáo VAMA + HTC), trong đó:

- ▶ Sản lượng bán xe thương hiệu Toyota của toàn hệ thống tăng 14% so với năm 2017, chiếm 23,9% thị phần của Toyota Việt Nam.
- ▶ Sản lượng bán xe thương hiệu Ford của toàn hệ thống giảm nhẹ 1% so với năm 2017, chiếm 27,7% thị phần của Ford Việt Nam.
- ▶ Sản lượng bán xe du lịch thương hiệu Hyundai của toàn hệ thống tăng 63% so với năm 2017, chiếm 8,3% thị phần của Hyundai du lịch cả nước.
- ▶ Sản lượng bán xe du lịch các thương hiệu khác của toàn hệ thống tăng 27% so với năm 2017.
- ▶ Sản lượng bán xe thương mại của toàn hệ thống tăng 20% so với năm 2017, chiếm 1,7% thị phần xe thương mại toàn thị trường, tăng 0,6 điểm % thị phần so với cùng kỳ.

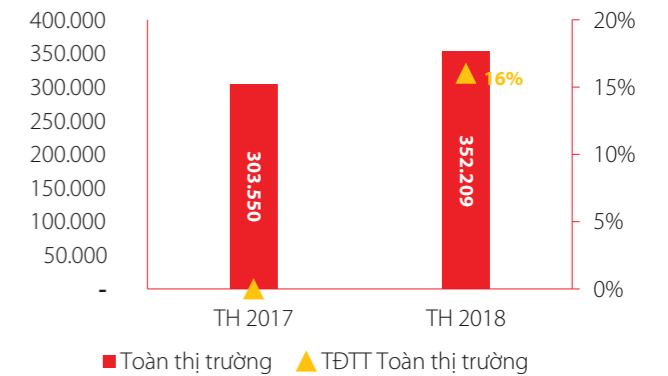
Hệ thống SAVICO đã khai trương và đưa vào hoạt động 7 đại lý ô tô 2S - 3S trong năm 2018 và 2 đại lý trong tháng 1 năm 2019. Tiến độ phát triển một số dự án chậm so với kế hoạch, một số dự án không đạt được mục tiêu đề ra, nguyên nhân chủ yếu do khó khăn về pháp lý, mặt bằng không đảm bảo.

Về doanh thu

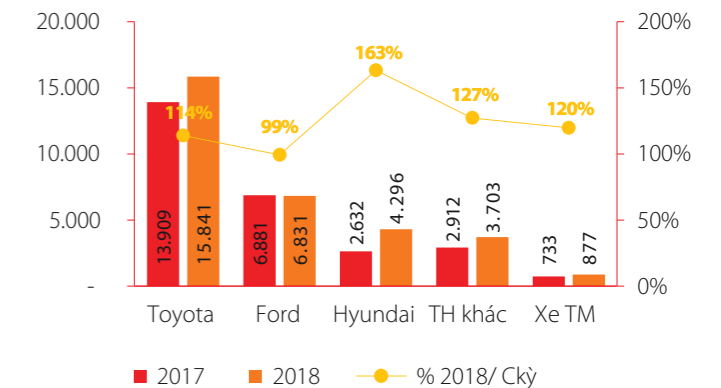
Doanh thu bán hàng và dịch vụ hợp nhất toàn ngành ô tô đạt 14.590 tỷ đồng, đạt 104,8% kế hoạch năm 2018, tăng 7,9% so với cùng kỳ. Trong đó, doanh thu bán xe là 13.347 tỷ đồng, tăng 9,9%; và doanh thu dịch vụ - phụ tùng - phụ kiện đạt 1.134 tỷ đồng, tăng 18,2% so với cùng kỳ.

Xét về cơ cấu doanh thu năm 2018 có sự biến động nhẹ so với cùng kỳ. Trong đó, Toyota chiếm 45,2% (cùng kỳ 47,2%), Ford chiếm 29,5% (cùng kỳ 34,0%), Hyundai chiếm 12,1% (cùng kỳ 8,5%), thương hiệu khác chiếm 8,7% (cùng kỳ 6,1%), xe thương mại chiếm 4,5% (cùng kỳ 4,2%) tổng doanh thu bán hàng và dịch vụ hợp nhất.

Sản lượng xe tiêu thụ 2018 (Xe)



Sản lượng các thương hiệu SAVICO (Xe)



Về chi phí

Tổng chi phí toàn ngành ô tô thực hiện 950 tỷ đồng, tăng 17,2% so với cùng kỳ, chiếm 6,5% trên tổng doanh thu, cùng kỳ 6,1%. Trong đó:

- ▶ Tổng chi phí bán hàng và chi phí quản lý thực hiện 880 tỷ đồng, tăng 18,9% so với cùng kỳ, chiếm 92,7% tổng chi phí, chủ yếu từ các chương trình khuyến mãi, chương trình kích thích bán hàng của hoạt động bán xe và mở rộng quy mô kinh doanh của các đơn vị.
- ▶ Chi phí tài chính thực hiện 53,4 tỷ đồng, giảm 4,5% so với cùng kỳ, chiếm 5,6% tổng chi phí, chủ yếu là do tồn kho cao của các đơn vị xe thương mại trong năm 2018.
- ▶ Chi phí khác thực hiện 16,4 tỷ đồng, tăng 11% so với cùng kỳ, chiếm 1,7% tổng chi phí.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Về lãi gộp

Lãi gộp hoạt động bán xe năm 2018 đạt 545 tỷ đồng, tăng 38,6% so với cùng kỳ. Trong đó, thương hiệu Toyota đạt 254 tỷ đồng, tăng 31,6% so với cùng kỳ; thương hiệu Ford đạt 133 tỷ đồng, tăng 42,7% so với cùng kỳ; thương hiệu Hyundai đạt 59,8 tỷ đồng, tăng 28,9% so với cùng kỳ; thương hiệu khác đạt 76,6 tỷ đồng, tăng 102,2% so với cùng kỳ do sự tăng trưởng đáng kể của các đơn vị Honda Cần Thơ, Sài Gòn Cửu Long... ; xe thương mại đạt 21,1 tỷ đồng, giảm 6,2% so với cùng kỳ do thị trường xe thương mại gặp nhiều khó khăn, đặc biệt lượng tồn kho xe E2 trên thị trường rất lớn trong năm 2018.

Lãi gộp hoạt động dịch vụ - phụ tùng - phụ kiện năm 2018 đạt 514 tỷ đồng, tăng 21,3% so với cùng kỳ. Trong đó, lãi gộp dịch vụ - phụ tùng đạt 452 tỷ đồng, tăng 20,1% so với cùng kỳ; lãi gộp phụ kiện đạt 62 tỷ đồng, tăng 31% so với cùng kỳ.



Về Lợi nhuận trước thuế

Tổng Lợi nhuận trước thuế hợp nhất ngành ô tô là 296 tỷ đồng, đạt 157,3% kế hoạch năm 2018, tăng 156,2% so với cùng kỳ do các đơn vị ô tô đã tận dụng tốt các cơ hội thị trường để bán hàng xe CKD, CBU, do đó lãi gộp của hoạt động bán hàng trong năm 2018 được cải thiện đáng kể, đặc biệt các đơn vị Toyota, Ford góp phần nâng cao hiệu quả các đơn vị ô tô trong toàn hệ thống.

Các dự án khai trương/ hoạt động trong năm 2018

ĐƠN VỊ	TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN
Tây Ninh Ford	Khai trương và hoạt động chính thức từ ngày 5/2/2018
Hyundai Sơn Trà	Khai trương và hoạt động chính thức từ ngày 9/5/2018
Hyundai Kiên Giang	Khai trương và hoạt động chính thức từ ngày 31/7/2018
Toyota Nam Định	Khai trương và hoạt động chính thức từ ngày 15/9/2018
Hải Dương Ford	Khai trương và hoạt động chính thức từ ngày 15/11/2018
Mitsubishi Quảng Nam	Chính thức hoạt động từ ngày 15/11/2018
Hyundai Vĩnh Thịnh (CV)	Khai trương và hoạt động chính thức từ ngày 28/12/2018

Tiến độ triển khai các dự án ô tô đang triển khai

ĐƠN VỊ	TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN
Gia Định Ford	Khai trương và hoạt động chính thức từ ngày 9/1/2019
Hyundai Hưng Thịnh (CV)	Khai trương và hoạt động chính thức từ ngày 17/1/2019
Hyundai Ngôi Sao (CV)	Dự kiến khai trương vào tháng 4/2019
Toyota An Giang	Dự kiến khai trương vào tháng 7/2019
Hyundai Phú Lâm (CV)	Dự kiến khai trương vào quý 4/2019
Dana Ford Cẩm Lệ	Dự kiến khai trương vào quý 4/2019

NGÀNH HÀNG XE GẮN MÁY

Về sản lượng

Toàn ngành xe máy 8.884 xe, đạt 98% kế hoạch năm 2018 và tăng 2% so với cùng kỳ. Trong đó, thương hiệu Yamaha là 5.162 xe, đạt 103% kế hoạch năm 2018, tăng 1% so với cùng kỳ, thương hiệu Honda xe máy 3.722 xe, đạt 91% kế hoạch 2018, tăng 5% so với cùng kỳ.

Về doanh thu

Toàn ngành xe máy là 364,4 tỷ đồng, đạt 110% kế hoạch năm 2018, tăng 10% so với cùng kỳ. Trong đó, doanh thu dịch vụ và phụ tùng của các đơn vị xe máy đạt 73,5 tỷ đồng, tăng 27% (15,7 tỷ đồng) so với năm 2017.

Về chi phí

Tổng chi phí năm 2018 thực hiện 40,3 tỷ đồng, tăng 15,8% so với cùng kỳ. Tỷ lệ chi phí/ doanh thu các thương hiệu có sự biến động nhẹ so với cùng kỳ: Yamaha 10,85% (cùng kỳ 9,55%), Honda xe máy 10,58% (cùng kỳ 9,73%).

Về lãi gộp

Toàn ngành xe máy đạt 46,7 tỷ đồng, tăng 20% so với cùng kỳ. Trong đó, lãi gộp bán xe là 23,9 tỷ đồng, tăng 25% so với cùng kỳ, chiếm 51% tổng lãi gộp; lãi gộp từ hoạt động dịch vụ - phụ tùng - phụ kiện đạt 22,9 tỷ đồng, tăng 17% so với cùng kỳ, chiếm 49% tổng lãi gộp.

Về Lợi nhuận trước thuế

Toàn ngành xe máy là 9,3 tỷ đồng, đạt 104% kế hoạch năm 2018, tăng 12% so với cùng kỳ do hai thương hiệu xe máy lớn Yamaha và Honda xe máy mà hệ thống SAVICO đang kinh doanh có sản phẩm luôn đảm bảo tính bền vững và có sự tăng trưởng ổn định về hoạt động dịch vụ và phụ tùng phụ kiện. Cụ thể, Yamaha đạt 3,5 tỷ đồng, tăng 7% so với cùng kỳ và Honda xe máy đạt 5,8 tỷ đồng, tăng 16% so với cùng kỳ.



Hiệu quả ngành xe gắn máy duy trì tăng trưởng ổn định do:

- Duy trì triển khai các chương trình marketing đẩy mạnh hoạt động bán hàng và dịch vụ, đảm bảo lợi nhuận gộp trên từng đầu xe bình quân ở mức ổn định.
- Doanh thu mảng dịch vụ, phụ tùng toàn ngành tăng 17% so với cùng kỳ, góp phần gia tăng hiệu quả tại đơn vị.

Phát triển mạng lưới kinh doanh xe gắn máy

Công ty TNHH TMDV Sài Gòn đã xây dựng và đưa vào hoạt động Cửa hàng 3S Yamaha Phụng Hiệp (Yamaha Sài Gòn 4) vào ngày 29/10/2018.

NGÀNH HÀNG DỊCH VỤ KHÁC

Lợi nhuận trước thuế hợp nhất toàn ngành dịch vụ khác năm 2018 là 46,1 tỷ đồng, đạt 116,3% kế hoạch năm 2018, tăng 47,4% so với cùng kỳ.

Trung tâm thương mại SAVICO MegaMall (SMM), tỷ lệ khai thác block A đạt 97%, block B đạt 100% (cùng kỳ block A đạt 95%, block B đạt 100%). Doanh thu tăng trưởng ổn định, đặc biệt trung tâm chính thức đưa vào khai thác rạp chiếu phim từ 30/4/2018 góp phần cải thiện lượt khách tham quan cũng như doanh thu chia sẻ.

SAVICO Đà Nẵng, lợi nhuận trước thuế năm 2018 là 7,4 tỷ đồng, đạt 186% kế hoạch năm 2018, tăng 135% so với cùng kỳ.

Trung tâm Hội nghị tiệc cưới Melisa Center, năm 2018 chịu cạnh tranh lớn trước các đối thủ quanh khu vực, lợi nhuận trước thuế 11,5 tỷ đồng, đạt 110% kế hoạch năm 2018, tăng 86% so với cùng kỳ.

Ô Tô S, năm 2018 đã hợp nhất với Carmudi tuy nhiên hoạt động công ty này đang gặp khó khăn.

Comfort Delgro SAVICO Taxi, đã hoàn tất quyết toán thuế, thanh lý toàn bộ đội xe, ngưng kinh doanh taxi và đang hoàn tất các thủ tục giải thể doanh nghiệp.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

LĨNH VỰC DỊCH VỤ BẤT ĐỘNG SẢN

Hiệu quả năm 2018

Chỉ tiêu	ĐVT	2017	2018	% 2018/ C kỳ
Doanh thu	Triệu đồng	73.200	73.719	101%
DT văn phòng, BĐS cho thuê	Triệu đồng	56.859	61.712	109%
DT dự án	Triệu đồng	16.341	12.007	73%
LNTT	Triệu đồng	53.562	41.454	77%
LNTT văn phòng, BĐS cho thuê	Triệu đồng	33.351	36.778	110%
LNTT dự án	Triệu đồng	20.211	4.676	23%

Nhận xét

- ▶ Khối văn phòng, bất động sản cho thuê: doanh thu năm 2018 đạt 61,7 tỷ đồng, tăng 9% so với cùng kỳ. LNTT đạt 36,8 tỷ đồng, tăng 10% so với cùng kỳ.
- ▶ Tỷ lệ khai thác các mặt bằng duy trì ở mức cao, khu vực HCM và Cần Thơ là 90,8%.
- ▶ Dự án 66 - 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa đã hoàn tất phần hầm, đang xây dựng phần thân, dự kiến cuối năm 2019 đưa vào hoạt động.

Tình hình thực hiện các dự án

DỰ ÁN	TIẾN ĐỘ TRIỂN KHAI
Dự án 104 Phổ Quang	Tiếp tục theo dõi, thực hiện các hồ sơ chuyển nhượng dự án.
Dự án KDC Hiệp Bình Phước - Tam Bình	Đã hoàn thành xây dựng bờ kè và đang xây dựng kiến trúc cảnh quan.
Dự án Mercure Sơn Trà	Đang chờ kết luận của Chính phủ về quy hoạch các dự án tại bán đảo Sơn Trà.
Dự án KDC Long Hòa - Cần Giờ	Thực hiện các thủ tục điều chỉnh lại thiết kế quy hoạch 1/500 và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tiến độ triển khai một số dự án bất động sản chậm so với kế hoạch (104 Phổ Quang, Mercure Sơn Trà, 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa...) do vướng mắc các thủ tục về pháp lý.



CÔNG TÁC TÀI CHÍNH

CÔNG TÁC QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH, DÒNG TIỀN

Đến thời điểm cuối năm 2018, dòng tiền thu được từ các lĩnh vực đạt 137,1 tỷ đồng, trong đó:

- ▶ Lĩnh vực Dịch vụ thương mại: thu cổ tức từ các đơn vị đạt 39,1 tỷ đồng.
- ▶ Lĩnh vực Bất động sản: đạt 87,5 tỷ đồng, gồm: thu chuyển nhượng từ dự án Nam Cẩm Lệ 27,5 tỷ đồng, dự án 277 - 279 Lý Tự Trọng 5 tỷ đồng, thu hoàn vốn đầu tư và cổ tức của Melisa 5,1 tỷ đồng, thu từ các bất động sản cho thuê 49,9 tỷ đồng.
- ▶ Lĩnh vực Dịch vụ tài chính: thu cổ tức từ đầu tư tài chính đạt 1,6 tỷ đồng, thu chuyển nhượng cổ phiếu Việt Thái 8,8 tỷ đồng.

Để bổ sung cho hoạt động kinh doanh, Công ty đã thực hiện tăng vốn góp tại các đơn vị 32,4 tỷ đồng. Đồng thời, hỗ trợ tài chính cho các đơn vị 49,8 tỷ đồng. Đến cuối tháng 12/2018, còn hỗ trợ tài chính cho các đơn vị 22,3 tỷ đồng.

ĐVT: Triệu đồng

Lĩnh vực	Dòng tiền từ	2017	2018	% Cùng kỳ
DVTM	Cổ tức từ các đơn vị	33.600	39.137	116%
DVBĐS	Dự án và khối thu ổn định	144.886	87.530	60%
DVTC	Cổ tức và thanh khoản	1.609	10.447	649%
Tổng cộng		180.095	137.114	76%

HỢP TÁC CHIẾN LƯỢC VỚI NGÂN HÀNG

Việc hợp tác chiến lược với Vietinbank, Vietcombank tiếp tục phát huy được hiệu quả và tạo được nhiều điều kiện thuận lợi cho cả hệ thống trong vấn đề tiếp cận nguồn vốn trung/ngắn hạn với chi phí và chính sách hợp lý.

Tổng hạn mức tín dụng ngắn/trung hạn tài trợ cho hệ thống hơn 3.000 tỷ đồng, dư nợ thường xuyên 1.700 - 1.800 tỷ đồng (80%/tổng dư nợ bình quân toàn hệ thống) cộng với nhiều chính sách ưu đãi, giúp các đơn vị giảm được đáng kể chi phí tài chính (22 tỷ đồng chi phí/năm so với bình quân chi phí trên thị trường), góp phần gia tăng lợi nhuận của đơn vị.

- ▶ Vietinbank: Tổng hạn mức và dư nợ Vietinbank cấp cho 28 đơn vị và SAVICO đến 31/12/2018 là 2.331 tỷ đồng, dư nợ 1.123 tỷ đồng.
- ▶ Vietcombank: Tổng hạn mức và dư nợ Vietcombank cấp cho 14 đơn vị và SAVICO đến 31/12/2018 là 1.514 tỷ đồng, dư nợ 919 tỷ đồng.



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

NHỮNG ĐỔI MỚI TRONG CÔNG TÁC TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ ĐIỀU HÀNH



- ▶ Đánh giá hiệu quả công việc theo KPIs và áp dụng 5S trong hoạt động kinh doanh. Được áp dụng từ năm 2016, hệ thống đánh giá kết quả công việc KPIs đã có tác động tích cực đến hoạt động của văn phòng Công ty. Mỗi thành viên trong Công ty luôn ý thức được trách nhiệm đối với công việc được giao, xây dựng kế hoạch công việc hợp lý và có kế hoạch hành động thiết thực để đảm bảo thực hiện tốt nhất những công việc được giao, qua đó góp phần hoàn thành những mục tiêu mà ĐHQĐ, HĐQT đã giao cho Công ty.

Với các bước cơ bản "Sàng lọc, sắp xếp, sạch sẽ, sẵn sàng, sẵn sàng", việc áp dụng 5S tại văn phòng Công ty đã góp phần nâng cao ý thức tự nguyện, tự giác trong thực hiện văn hóa doanh nghiệp, cải thiện tinh thần làm việc tích cực, tinh thần trách nhiệm của mỗi cán bộ Công ty, xây dựng môi trường làm việc năng động, chuyên nghiệp.



- ▶ Nghiên cứu ứng dụng Công nghệ thông tin trong hoạt động. Xây dựng các kênh chia sẻ thông tin online trong nội bộ thông qua các diễn đàn trực tuyến. Xây dựng các diễn đàn về nhân sự, tài chính kế toán, thương mại... để trao đổi các thông tin một cách nhanh chóng, kịp thời. Nghiên cứu khả thi hệ thống quản lý ERP để áp dụng trong toàn hệ thống.



- ▶ Cải tiến và áp dụng form mẫu báo cáo quản trị, tăng cường hiệu quả chia sẻ thông tin quản trị trong toàn hệ thống.



- ▶ Tiếp tục tăng cường kết nối, chia sẻ kinh nghiệm, thông tin trong toàn hệ thống thông qua tổ chức các hội thảo bán hàng, dịch vụ kết hợp tham quan thực tế, thông qua các nhóm, diễn đàn chia sẻ trực tuyến zalo, facebook, câu lạc bộ.



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

NHẬN ĐỊNH TÌNH HÌNH NĂM 2019

VỀ TÌNH HÌNH CHUNG

Tình hình kinh tế vĩ mô Việt Nam năm 2019 kỳ vọng sẽ tiếp tục ổn định và việc tham gia nhiều Hiệp định thương mại tự do song phương và đa phương sẽ làm giảm đi những tác động không thuận lợi từ thị trường quốc tế. Dù vậy, với tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, kinh tế Việt Nam sẽ chịu tác động đan xen nhiều mặt, mọi biến động của thế giới đều có thể tác động tới nền kinh tế trong nước, thậm chí nền kinh tế nước ta có thể bị cuốn vào "vòng xoáy" của những biến động đó. Đồng thời, với quy mô kinh tế nhỏ, việc ứng phó với các biến động trong tương lai của Việt Nam có thể sẽ gặp khó khăn hơn bởi dư địa tài chính, tiền tệ hạn hẹp.

LĨNH VỰC DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI

Đối với các hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ gặp không ít thách thức trong năm 2019, đặc biệt là lĩnh vực Dịch vụ thương mại, chịu ảnh hưởng trực tiếp bởi các chính sách về ô tô. Cụ thể:

CƠ HỘI

- ▶ Kinh tế vĩ mô 2019 dự kiến tiếp tục tăng trưởng ổn định.
- ▶ Bộ Tài chính đề xuất điều chỉnh giảm thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB) từ tháng 7/2019 cho xe dưới 1.5l còn 25%, giảm 20% so với hiện hành. Đó chính là cơ hội cho xe có dung tích xy lanh dưới 1.5l.
- ▶ Thị trường ô tô tiếp tục tăng trưởng mạnh do nguồn cung xe dồi dào, nhiều mẫu xe mới được nâng cấp, ra mắt. Dung lượng thị trường 2019 dự kiến tăng 20 - 25% so với 2018.
- ▶ CPTPP chính thức có hiệu lực ở Việt Nam từ 14/1/2019 sẽ là cơ hội thu hút đầu tư và thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế (GDP dự kiến tăng 1,32%-2,01%).



THÁCH THỨC

- ▶ Nguồn cung, hệ thống đại lý mới các hãng dự kiến tăng mạnh cùng với sự gia nhập của các nhà sản xuất mới, kéo theo sự cạnh tranh gay gắt về giá, sản lượng, thị phần, nhân sự.
- ▶ Tồn kho xe thương mại trên thị trường còn khá cao, thị trường này vẫn chưa có tín hiệu phục hồi.
- ▶ Nghị định 154 quy định về việc kiểm định chất lượng phụ tùng khi thông quan. Đó chính là rào cản kỹ thuật để hạn chế xe CBU về Việt Nam.
- ▶ Chênh lệch tỷ giá tăng mạnh, giá dầu tăng, dẫn đến khả năng ảnh hưởng đến việc tăng giá bán xe.
- ▶ Bộ Tài chính đề xuất điều chỉnh tăng thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB) từ tháng 7/2019 áp dụng mức thuế suất từ 60% - 150% cho xe trên 2.5l, dự kiến giá xe có dung tích xy lanh trên 2.5l tăng 15 - 20%.
- ▶ Tăng phí trước bạ, thuế TTĐB xe bán tải bằng 60% thuế suất xe PC, dẫn đến giá xe bán tải Pickup tăng ít nhất 30 - 70 triệu đồng/xe.
- ▶ Bộ Tài chính đề xuất đánh thuế tài sản đối với xe ô tô giá trị trên 1,5 tỷ với mức thuế 0,3 - 0,4%.
- ▶ Lãi suất ngân hàng khả năng sẽ tăng, kéo theo mức tăng chi phí tài chính.
- ▶ Grab sẽ bị quản lý chặt và tiến tới phải gắn mào và đồng hồ tính tiền như Taxi truyền thống. Đó là lý do sẽ sụt giảm nhu cầu.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

LĨNH VỰC DỊCH VỤ BẤT ĐỘNG SẢN:

Thị trường Bất động sản dự báo tiếp tục phát triển ổn định:

- ▶ Bất động sản phù hợp túi tiền vẫn đóng vai trò chủ đạo. Tuy nhiên, quy mô thị trường bất động sản giá rẻ bị thu hẹp, chủ yếu tập trung vào phân khúc trung cao cấp.
- ▶ Đất nền tiếp tục là kênh đầu tư hấp dẫn trong năm 2019, đặc biệt là những khu vực vùng ven.
- ▶ Siết chặt tín dụng (Theo quy định tại Thông tư 36/2014/TT-NHNN và Thông tư 16/2018/TT-NHNN) là một điểm nghẽn của thị trường, làm giảm nhịp phát triển của bất động sản. Đồng thời, đây cũng chính là thời cơ thanh lọc, hướng tới phát triển bền vững, ổn định và đi vào chiều sâu.

TÀI CHÍNH:

Tăng trưởng tín dụng dự báo ở mức 14% trong năm 2019, lãi suất tăng nhẹ, tỷ giá vẫn sẽ được điều hành linh hoạt và ít biến động trong năm 2019. Tuy nhiên, cần đặc biệt lưu ý:

- ▶ Tỷ giá có thể biến động từ 1,7 - 3,0%, phụ thuộc phần lớn vào cuộc chiến tranh thương mại Mỹ - Trung.
- ▶ Fed duy trì chính sách tăng lãi suất 4 lần trong năm 2019 - Ảnh hưởng tới chính sách tiền tệ cũng như dịch chuyển dòng vốn ngoại.

MỤC TIÊU - NHIỆM VỤ HOẠT ĐỘNG NĂM 2019

Các mục tiêu năm 2019

Chỉ tiêu (theo BCTC hợp nhất)	ĐVT	TH 201	KH 2019	% KH 2019/ Ckỳ
Doanh thu BH & CCDV	Trđ	14.881.843	18.192.619	122%
LNTT	Trđ	362.312	272.774	79%
LNST	Trđ	300.267	241.144	80%
TN Cổ đông Công ty mẹ	Trđ	173.003	142.839	83%
Tỷ lệ cổ tức/VĐL	%	Dự kiến 15%	15%	100%

(*): Kế hoạch trên sẽ được cập nhật và điều chỉnh khi thị trường có sự biến động lớn. Không bao gồm việc hạch toán hiệu quả dự án 104 Phố Quang. Dự kiến lợi nhuận 56,9 tỷ đồng.

PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2019

- 1** Tập trung theo dõi, cập nhật, phân tích dự báo, chia sẻ thông tin kịp thời về tình hình thị trường, chính sách Chính phủ và nhà sản xuất để đề ra các giải pháp ứng phó phù hợp. Làm việc với các đơn vị thành viên về việc thống nhất các chỉ tiêu kế hoạch và các giải pháp thực hiện tốt nhất các mục tiêu kế hoạch 2019.
- 2** Tập trung các nguồn lực đẩy mạnh phát triển hệ thống đại lý ô tô, nghiên cứu đầu tư mở rộng vào các dòng xe và thương hiệu có nhiều triển vọng, đặc biệt các thương hiệu nhập khẩu theo kế hoạch phát triển mạng lưới 2019 - 2021, từ đó khẳng định vai trò lĩnh vực Dịch vụ Thương mại làm nền tảng cốt lõi cho các hoạt động kinh doanh, chú trọng gia tăng hiệu quả hoạt động của Công ty.
- 3** Tăng cường quản trị, cải tiến, khai thác hiệu quả hoạt động dịch vụ với mức tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận gộp bình quân 20%/ năm, đảm bảo sự phát triển ổn định và bền vững của ngành ô tô.
- 4** Tiếp tục tăng cường kết nối, chia sẻ kinh nghiệm, thông tin toàn hệ thống thông qua tổ chức các hội thảo bán hàng, dịch vụ kết hợp tham quan thực tế, thông qua các nhóm, diễn đàn chia sẻ trực tuyến (câu lạc bộ, zalo, facebook, viber...).

5

Phát triển mạng lưới

- ▶ Cập nhật, theo dõi, hỗ trợ nhằm đảm bảo các dự án triển khai xây dựng theo đúng tiến độ khai trương.
- ▶ Xây dựng kế hoạch, lộ trình cụ thể, phân công tổ chức thực hiện phát triển mạng lưới đại lý mới như kế hoạch đã đề ra cho từng khu vực, đơn vị.
- ▶ Rà soát, điều chỉnh chính sách giữ và thu hút nhân sự, quy hoạch nhân sự phù hợp.

6

Tăng cường quan hệ hợp tác, đầu tư với các đối tác ngân hàng chiến lược, tăng hạn mức tín dụng với lãi suất ưu đãi, đảm bảo dòng tiền hoạt động.

7

Tăng cường vai trò quản lý của công ty mẹ tới các đơn vị thành viên.

GIẢI PHÁP HOẠT ĐỘNG

Lĩnh vực Dịch vụ Thương mại



▶ Công tác dự báo

Liên tục cập nhật, phân tích dự báo, chia sẻ thông tin kịp thời tình hình thị trường, chính sách thuế phí, nhà sản xuất để kịp thời đưa ra các giải pháp ứng phó phù hợp.



▶ Quản lý đặt hàng tồn kho

Tiếp tục tăng cường công tác dự báo bán hàng, đặt hàng, kiểm soát hàng tồn kho tối ưu (tồn kho 1 tháng bán hàng);

Tăng cường rà soát, quản lý chi phí thông qua việc giao kế hoạch chi phí cho từng phòng ban, kiểm tra, kiểm soát, giải trình khi phát sinh (giảm ít nhất 10% chi phí so với 2018).



▶ Công tác quản trị hoạt động

Đơn vị tận dụng mọi cơ hội gia tăng hiệu quả bán hàng, dịch vụ, phụ kiện, bảo hiểm, dịch vụ giá trị gia tăng khác, đặc biệt trong 6 tháng đầu năm.

Phối hợp các đơn vị thành viên tập trung thực hiện đầy đủ, kịp thời báo cáo quản trị hàng tháng, tăng cường hiệu quả chia sẻ thông tin quản trị trong toàn hệ thống, triển khai áp dụng hệ thống quản trị ERP.

Tổ chức các hội thảo, chia sẻ kinh nghiệm giữa các đơn vị.

Đề ra các chỉ tiêu kế hoạch cụ thể cho các phòng ban, đơn vị định kỳ hàng quý đánh giá, rà soát kết quả thực hiện và đề ra các chỉ tiêu kế hoạch, giải pháp cho quý tiếp theo.



▶ Phát triển mạng lưới

Đơn vị thành lập ban dự án tập trung triển khai, đảm bảo hoàn thành dự án đúng tiến độ để ra.



▶ Xe thương mại

Duy trì tổ chức các hội thảo nhằm tăng cường liên kết, trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm, gia tăng hiệu quả bán hàng, đặt hàng, tồn kho, giải pháp liên kết đóng thùng.



▶ Quản trị tài chính

SAVICO và các đơn vị tiếp tục làm việc với các đối tác ngân hàng, tìm kiếm nguồn vốn vay ưu đãi nhằm tiết kiệm chi phí lãi vay.

Phối hợp hỗ trợ công tác quản trị tài chính tại từng đơn vị.

Đối với các đơn vị quy mô lớn cần có nhân sự chuyên trách quản lý tài chính.



▶ Nhân sự

Phối hợp với từng đơn vị thực hiện việc đánh giá, rà soát tình hình nhân sự, hoàn tất việc quy hoạch nhân sự trước tháng 6/2019 đảm bảo theo kế hoạch phát triển 2019 - 2021.



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Lĩnh vực Dịch vụ Bất động sản

- 1** Duy trì công suất khai thác tối đa các mặt bằng, hoàn tất các thủ tục pháp lý để hạch toán dự án bất động sản.
- 2** Tiếp tục triển khai các dự án:
 - ▶ Dự án 104 Phổ Quang: Hoàn tất chuyển nhượng dự án.
 - ▶ Dự án Hiệp Bình Phước - Tam Bình: Hoàn thành cảnh quan công trình, cây xanh, thăm đường để bàn giao cho địa phương. Khai thác các nền nhà liên kế tại dự án Hiệp Bình Phước - Tam Bình để tăng doanh thu. Tìm đối tác hợp tác/cho thuê và xây dựng trường mầm non.
 - ▶ Dự án Mercure Sơn Trà: Theo dõi kết luận của thanh tra Chính phủ và có giải pháp phù hợp.
 - ▶ Dự án Nam Cẩm Lệ: Tìm kiếm đối tác cho thuê phần diện tích đất còn lại.
 - ▶ Kho 403 Trần Xuân Soạn: Hoàn tất xây dựng và đưa vào khai thác kho mới.
 - ▶ Dự án Long Hòa - Cần Giờ: Hoàn tất thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tài chính

- 1** Chương trình hợp tác với ngân hàng chiến lược: Theo dõi và đánh giá hiệu quả của chương trình hợp tác chiến lược với Vietinbank, Vietcombank đối với các đơn vị thành viên. Cập nhật thông tin liên quan hoạt động tài chính của các đơn vị để lưu ý, đề xuất kịp thời về các rủi ro tài chính có thể xảy ra.
- 2** Phối hợp các lĩnh vực đánh giá, phân tích hiệu quả đầu tư và xây dựng Kế hoạch tài chính dài hạn song song với kế hoạch đầu tư các lĩnh vực.
- 3** Gia tăng công tác quản trị nguồn vốn, dòng tiền và hiệu quả đầu tư: Tập trung thu cổ tức các đơn vị trong hệ thống, đảm bảo việc thu đúng và đủ theo kế hoạch đề ra. Chủ động phân bổ dòng tiền phù hợp với việc phát triển các dự án của Công ty.

Công tác quản trị tham mưu

- 1** Tăng cường công tác theo dõi, hỗ trợ các đơn vị mới, các đơn vị đang gặp khó khăn trong hoạt động kinh doanh, tham mưu và hỗ trợ nâng cao hiệu quả tại các đơn vị.
- 2** Xác định mục tiêu, định hướng phát triển Công ty giai đoạn 2019 - 2021, từ đó đề ra giải pháp kinh doanh phù hợp và hướng tới mục tiêu tối ưu hóa hiệu quả đầu tư.
- 3** Đẩy mạnh các kênh tuyển dụng nhân sự song song với điều chỉnh chính sách nhân sự, quy hoạch nhân sự và đào tạo nhằm giữ và thu hút nhân sự giỏi.

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG TRUNG VÀ DÀI HẠN

Đẩy mạnh phát triển hệ thống mạng lưới phân phối xe ô tô, củng cố hệ thống phân phối xe hiện tại, tập trung giữ vững thị phần xe trên toàn thị trường. Đảm bảo mục tiêu tăng trưởng doanh thu trong trung và dài hạn. Tối đa hóa lợi nhuận cho Công ty, đảm bảo lợi ích cho các cổ đông.

▶ Tiếp tục khẳng định vai trò là nhà đầu tư tiên phong, cung cấp và phân phối những sản phẩm chất lượng tốt nhất cho khách hàng, là địa chỉ tin cậy cho nhà đầu tư.

▶ Nâng cao môi trường, điều kiện làm việc và đảm bảo thu nhập cho người lao động, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với ngân sách nhà nước.

▶ Không ngừng đổi mới, sáng tạo, áp dụng công nghệ trong hoạt động kinh doanh, phát huy các sáng kiến, cải tiến có ý nghĩa thực tiễn.

▶ Nâng cao hệ thống quản trị chuyên nghiệp về: quản trị tài chính, kinh doanh và chất lượng phục vụ dựa trên công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao và đạo đức nghề nghiệp. Áp dụng công nghệ 4.0 trong công tác quản trị, điều hành.





HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2018

CƠ CẤU TỔ CHỨC

- ▶ Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 15/6/2018, Ban Kiểm soát (BKS) hoạt động với 03 nhân sự gồm bà Nguyễn Như Ánh (Trưởng ban), ông Nguyễn Thái Hòa (Thành viên) và bà Phan Phương Nga (Thành viên).
- ▶ Tại ĐHĐCĐ thường niên 2018 được tổ chức ngày 15/6/2018, ĐHĐCĐ đã chấp thuận đơn từ nhiệm của bà Phan Phương Nga, bầu bổ sung bà Đinh Trúc Phương và bà Hoàng Thị Thu Hương tham gia Ban Kiểm soát. Như vậy, kể từ sau ĐHĐCĐ thường niên 2018, Ban Kiểm soát SAVICO hoạt động với 04 thành viên.
- ▶ Nhiệm vụ của mỗi thành viên được quy định chung trong Biên bản cuộc họp của Ban Kiểm soát tại ngày 26/07/2018. Ngoài ra, tại các kỳ họp trong năm của Ban Kiểm soát, mỗi thành viên đều được giao các nhiệm vụ cụ thể phụ thuộc vào số lượng và nội dung các Nghị quyết, Quyết định, thông báo của Hội đồng Quản trị cũng như đặc điểm của các vấn đề phát sinh tại SAVICO ở từng kỳ.

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Từ đầu năm 2018 cho đến thời điểm báo cáo, Ban Kiểm soát đã tổ chức 7 lần họp để lập kế hoạch, thực hiện công tác kiểm soát và thông qua nội dung kết quả kiểm soát hoạt động của SAVICO giai đoạn năm 2017, 06 tháng đầu năm 2018, 09 tháng đầu năm 2018 và cả năm 2018.

Các nội dung công tác kiểm soát chủ yếu mà Ban Kiểm soát đã thực hiện gồm:

- ▶ Kiểm tra, giám sát việc triển khai và kết quả thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 đối với HĐQT và Ban TGD.
- ▶ Xem xét tính pháp lý, trình tự, thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị, Ban TGD trong năm 2018 theo các quy định của pháp luật và của Công ty.
- ▶ Xem xét tính đầy đủ, hợp pháp của các Báo cáo tài chính giữa niên độ và Báo cáo tài chính năm đã được công ty kiểm toán KPMG soát xét/kiểm toán.
- ▶ Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực, hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ.
- ▶ Kiểm soát tính tuân thủ của Công ty về công bố thông tin của Công ty theo các quy định của pháp luật; về việc tuân thủ chế độ kế toán; tuân thủ các quy định trong Điều lệ công ty và trong Quy chế tài chính đã ban hành.
- ▶ Tham gia ý kiến, đưa ra các kiến nghị với HĐQT, Ban TGD Công ty về các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty trong năm.

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các bộ phận chức năng tại Văn phòng Công ty đã phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi để giúp Ban Kiểm soát thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát.

KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

- ▶ Trong năm 2018, Hội đồng Quản trị đã tổ chức 07 cuộc họp trực tiếp, 25 lần trưng cầu ý kiến các thành viên bằng văn bản; đã ban hành 27 Quyết định và 48 Thông báo.
- ▶ Theo Ban Kiểm soát, các thành viên Hội đồng Quản trị được cung cấp đầy đủ tài liệu và các thông tin để có thể đưa ra quyết định. Việc tổ chức họp và ban hành các văn bản của Hội đồng Quản trị phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Các quyết định/thông báo của Hội đồng Quản trị được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản đều có sự giám sát, kiểm phiếu từ đại diện Ban Kiểm soát.
- ▶ Tiểu ban Lương thưởng, Nguồn nhân lực do thành viên Hội đồng Quản trị độc lập phụ trách đã thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ được Hội đồng Quản trị giao liên quan đến chính sách lương, thưởng tại Công ty.
- ▶ Hội đồng Quản trị đã đề xuất và được Đại hội đồng cổ đông thông qua việc bầu bổ sung thêm một thành viên Hội đồng Quản trị. Thành viên này đáp ứng tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng Quản trị độc lập. Số lượng thành viên HĐQT độc lập được gia tăng, đạt 2/8 thành viên. Tuy nhiên, tỷ lệ này vẫn chưa đáp ứng tỷ lệ 1/3 số thành viên HĐQT là thành viên độc lập theo quy định.
- ▶ HĐQT thực hiện giám sát hoạt động của Ban TGD trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. HĐQT đã phối hợp tốt cùng với Ban TGD chỉ đạo, điều hành toàn diện mọi hoạt động của Công ty để thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2018 theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ.
- ▶ HĐQT thực hiện các công tác khác theo chức năng và thẩm quyền của Hội đồng Quản trị.

KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- ▶ Ban Tổng Giám đốc thực hiện báo cáo đầy đủ, kịp thời tình hình thực hiện các Quyết định và các ý kiến chỉ đạo của Hội đồng Quản trị tại các cuộc họp.
- ▶ Ban Tổng Giám đốc đã có nhiều nỗ lực điều hành và tổ chức hoạt động kinh doanh của Công ty nhằm đạt vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch năm 2018 đã được ĐHĐCĐ thông qua, đồng thời với việc phát triển, mở rộng hệ thống.



BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT (tiếp theo)

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG TRONG NGHỊ QUYẾT CỦA ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN 2018

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2018 ĐÃ ĐƯỢC ĐHĐCĐ PHÊ DUYỆT

Các chỉ tiêu kinh doanh theo báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán

Các chỉ tiêu chính	KH 2018 (triệu đồng)	TH 2018 (triệu đồng)	TH2018/KH2018 (%)	TH2018/TH2017 (%)
Doanh thu BH & DV	14.200.000	14.881.843	105%	108%
Lợi nhuận trước thuế	250.000	362.312	145%	208%
Lợi nhuận sau thuế	200.000	300.267	150%	216%
Thu nhập cổ đông Công ty mẹ	120.000	173.003	144%	212%

Doanh thu của toàn hệ thống SAVICO năm 2018 vượt 5% kế hoạch và gia tăng so với 8% năm 2017 với sự gia tăng doanh thu của hầu hết các lĩnh vực hoạt động dịch vụ thương mại, dịch vụ bất động sản.

Trong lĩnh vực dịch vụ thương mại, ngành xe ô tô và xe máy đều có sự tăng trưởng về sản lượng tiêu thụ và mở rộng hệ thống. Sản lượng xe ô tô bán ra trong toàn hệ thống 31.548 xe, đạt 108% kế hoạch và tăng 17% so với năm 2017; Thị phần ô tô của SAVICO trong toàn thị trường tiếp tục tăng trưởng, năm 2018 đạt 10,9% tăng 1,0 điểm % so với năm 2017 (Báo cáo VAMA). Trong năm 2018 cũng đã khai trương và đưa vào hoạt động 7 đơn vị mới. Đối với ngành xe máy, sản lượng tiêu thụ đạt 8.884 xe, đạt 98% kế hoạch năm 2018 và tăng 2% so với năm 2017; đã khai trương và đưa vào hoạt động 1 cửa hàng 3S Yamaha Phụng Hiệp (Yamaha Sài Gòn 4).

Lợi nhuận trước thuế cả năm 2018 vượt 45% kế hoạch, tăng 108% so với năm 2017. Thu nhập cổ đông Công ty mẹ vượt 44% kế hoạch và tăng mạnh 112% so với năm 2017. Lợi nhuận trước thuế gia tăng chủ yếu đến từ sự gia tăng của biên lợi nhuận gộp và nhờ sự tăng trưởng lợi nhuận vượt bậc của hầu hết các Công ty thành viên trong hệ thống, đặc biệt là CT CP Ô tô Bắc Âu, Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt, Công ty TNHH Toyota Giải Phóng, Công ty TNHH Toyota Cần Thơ, CTCP Toyota Đồng Sài Gòn, CTCP SAVICO Hà Nội, CTCP Sài Gòn Ô Tô (Sài Gòn Ford). Năm 2018 cũng ghi nhận những nỗ lực của Ban Tổng Giám đốc trong việc hợp nhất Ô Tô S với Carmudi, tuy nhiên hoạt động công ty này đang gặp khó khăn; Đối với Comfort Delgro SAVICO Taxi, đã hoàn tất quyết toán thuế, thanh lý toàn bộ đội xe, ngưng kinh doanh taxi và đang hoàn tất các thủ tục giải thể doanh nghiệp.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tổng tài sản và nguồn vốn trên BCTC hợp nhất tại 31/12/2018 là 4.355.649 triệu đồng, tăng 738.612 triệu đồng. Trong đó, tài sản gia tăng chủ yếu ở khoản mục hàng tồn kho; vốn chủ sở hữu gia tăng 257.798 triệu đồng và nợ phải trả tăng 480.813 triệu đồng chủ yếu là sự gia tăng của khoản vay ngắn hạn bổ sung vốn lưu động. Tỷ lệ nợ phải trả/tổng tài sản tại ngày 31/12/2018 là 64,76%, tương đương cuối năm 2017.

Tổng tài sản và nguồn vốn trên BCTC riêng tại 31/12/2018 là 1.280.842 triệu đồng, tăng 14.606 triệu đồng. Trong đó, tài sản gia tăng chủ yếu ở khoản mục đầu tư vào Công ty con; vốn chủ sở hữu tăng 7.489 triệu đồng từ nguồn lợi nhuận sau thuế; nợ phải trả tăng 7.245 triệu đồng do gia tăng khoản nhận trước từ khách hàng. Tỷ lệ nợ/ tổng tài sản tại ngày 31/12/2018 là 44,02%, tương đương cuối năm 2017.

Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản

Chỉ tiêu	ĐVT	Công ty mẹ		Hợp nhất	
		31/12/2017	31/12/2018	31/12/2017	31/12/2018
Hệ số thanh toán hiện hành	lần	0,42	0,39	0,91	0,97
Tỷ lệ nợ vay/ vốn chủ sở hữu	%	4,09%	4,26%	96,20%	106,39%
Tỷ lệ nợ phải trả/ tổng tài sản	%	43,96%	44,02%	64,69%	64,76%
Hệ số thanh toán lãi vay	lần	16,82	12,51	2,91	5,26
ROE	%	7,46%	6,37%	10,89%	19,56%
ROA	%	4,18%	3,57%	3,84%	6,89%
Thu nhập/cổ phần (EPS)	đ/CP			3.183	6.425

Năm 2018, mặc dù tỷ lệ nợ vay/ vốn chủ sở hữu của toàn hệ thống tăng từ mức 96,2% lên 106,4% nhưng hệ số thanh toán lãi vay lại có sự cải thiện đáng kể từ mức 2,91 lần lên 5,26 lần nhờ kết quả hoạt động kinh doanh của hệ thống gia tăng. Cùng với sự gia tăng của kết quả hoạt động kinh doanh, các chỉ số hiệu quả sử dụng vốn ROE, hiệu quả sử dụng tài sản ROA và thu nhập trên cổ phần EPS đều tăng trưởng đáng kể so với năm 2017. Ở Công ty mẹ, các chỉ tiêu hệ số thanh toán lãi vay, ROA, ROE lại giảm so với năm 2017 do lợi nhuận của Công ty mẹ giảm (lợi nhuận trước thuế của Công ty mẹ năm 2018 đạt 45.805 triệu đồng, tương đương 80% lợi nhuận trước thuế năm 2017). Nguyên nhân chủ yếu do sự sụt giảm khoản thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản so với năm 2017. Mặc dù vậy, doanh nghiệp vẫn đảm bảo khả năng thanh toán lãi vay (12,51 lần) từ lợi nhuận được tạo ra từ hoạt động kinh doanh

KẾT QUẢ KINH DOANH NÊU TRÊN CHO THẤY SAVICO HOÀN TOÀN CÓ THỂ THỰC HIỆN CHIA CỔ TỨC NĂM 2018 THEO TỶ LỆ 15%, CAO HƠN TỶ LỆ 12% ĐÃ ĐƯỢC ĐHĐCĐ NĂM 2018 THÔNG QUA.

THỰC HIỆN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2017

Trích lập các quỹ
Công ty đã thực hiện việc trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi; quỹ hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát từ nguồn lợi nhuận sau thuế năm 2017 đúng với Nghị quyết số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/06/2018 của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018. Cụ thể như sau:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Nghị quyết ĐHĐCĐ 2018	Thực hiện	Thực hiện so với Nghị quyết
1	Trích quỹ phúc lợi - khen thưởng (5%)	đồng	2.647.914.726	2.647.914.726	100%
2	Trích quỹ hoạt động của Hội đồng quản trị và BKS (4%)	đồng	2.118.331.781	2.118.331.781	100%

CHI TRẢ CỔ TỨC 2017

Cổ tức năm 2017 bằng tiền mặt đã được chi trả cho cổ đông vào tháng 9/2018 với tỷ lệ 12%/vốn điều lệ tương ứng 29.970.608.400 đồng, đúng theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 2018.

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT (tiếp theo)

THẨM TRA BCTC RIÊNG VÀ BCTC HỢP NHẤT

Ban Kiểm soát đã tiến hành thẩm tra BCTC riêng và BCTC hợp nhất năm 2018. Theo ý kiến của BKS, BCTC riêng và BCTC hợp nhất năm 2018 đã được kiểm toán của Công ty đã phản ánh trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu về tình hình kinh doanh 2018 về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2018.

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY

Hầu hết hoạt động công bố thông tin của Công ty được thực hiện đầy đủ, theo đúng quy định của cơ quan quản lý đối với công ty niêm yết quy mô lớn. Tuy nhiên, có một nội dung liên quan đến vi phạm thuế năm 2017 và năm 2018 đã được Công ty chậm công bố thông tin. Công ty cũng đã có văn bản giải trình về vấn đề chậm công bố thông tin này.

KIẾN NGHỊ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Quy chế Quản trị công ty:

- ▶ ĐHĐCĐ năm 2015 đã phê duyệt kết quả bầu cử 07/07 thành viên HĐQT, trong đó có 02/07 thành viên HĐQT đảm bảo tiêu chuẩn và điều kiện là thành viên HĐQT độc lập.
- ▶ Tuy nhiên, đến ngày 01/08/2017 - ngày có hiệu lực của Nghị định 71/2017/NĐ-CP hướng dẫn về Quản trị công ty đại chúng thì 01 thành viên HĐQT không đáp ứng tiêu chuẩn thành viên HĐQT độc lập do thành viên này đã từng làm thành viên HĐQT của SAVICO 05 năm liền (nhiệm kỳ 2010 - 2015). Điều này khiến cho số lượng thành viên HĐQT độc lập chỉ là 1/7 tổng số thành viên HĐQT.
- ▶ Tại ĐHĐCĐ năm 2018, Đại hội đã bầu bổ sung 01 thành viên HĐQT, nâng tổng số thành viên HĐQT độc lập là 2/8 thành viên HĐQT. Tuy nhiên, tỷ lệ này chưa đảm bảo yêu cầu quy định 1/3 thành viên là thành viên HĐQT độc lập. Ban Kiểm soát khuyến nghị HĐQT cần xin ý kiến cổ đông về thời điểm thực hiện nội dung này: thực hiện bầu bổ sung thành viên HĐQT độc lập ở ĐHĐCĐ năm 2019 hay ở ĐHĐCĐ nhiệm kỳ ở năm 2020.

Công bố thông tin: cần lưu ý thực hiện công bố thông tin bất thường trong vòng 24 giờ, tránh tình huống ở năm 2018 chậm công bố thông tin liên quan đến vi phạm thuế 2017 và 2018.

Quy chế quản lý tài chính: cần bổ sung ban hành quy định về quản lý công nợ phải thu như nội dung đã nêu trong Quy chế quản lý tài chính để có thể hướng dẫn cách quản lý các khoản công nợ phải thu phù hợp với từng loại khoản phải thu khác nhau.

Quy chế quản lý người Đại diện vốn: cần rà soát và thay đổi một số nội dung cho phù hợp với thực tế nhằm thuận lợi hơn trong công tác Quản trị từ Công ty mẹ đối với các Công ty thành viên.

Cần nhanh chóng triển khai các giải pháp để gia tăng hiệu quả quản trị hệ thống.



Trong năm 2018, SAVICO đã có những giải pháp quan trọng để gia tăng hiệu quả quản trị hệ thống như: Đã hoàn thành việc xây dựng và hướng dẫn cách lập chỉ tiêu trên các mẫu biểu báo cáo, từ đó có thể đồng bộ hệ thống các chỉ tiêu báo cáo định kỳ nhằm phục vụ công tác thống kê và phân tích hệ thống.

- ▶ Đã hoàn thành việc xây dựng và ban hành Quy chế quản trị tài chính ở tất cả các Công ty thành viên.
- ▶ Đã xây dựng và phổ biến nội dung Sổ tay kiểm soát, Đề cương báo cáo kiểm soát để hướng dẫn các nội dung cần kiểm soát tại các Công ty thành viên.
- ▶ Năm 2019, Ban Tổng Giám đốc cần nhanh chóng triển khai các giải pháp tiếp theo như kế hoạch mà Ban Tổng Giám đốc đã xây dựng, bao gồm: (1) Căn cứ vào tình hình hoạt động kinh doanh của từng Công ty thành viên, tiến hành giao KPI cho các nhóm đại diện vốn; (2) Ứng dụng ERP tại Công ty mẹ và các Công ty thành viên để phục vụ công tác báo cáo, thu thập và quản lý số liệu hệ thống một cách nhanh chóng, chính xác; (4) Hoàn thành việc thành lập Phòng Tài chính/đầu tư để tập trung quản lý phân tích tài chính các khoản đầu tư ra ngoài của SAVICO cũng như các dự án đầu tư của SAVICO.

Ngoài việc thực hiện các giải pháp vừa nêu, Ban Kiểm soát khuyến nghị Ban Tổng Giám đốc triển khai thêm các nội dung sau:

- ▶ Rà soát lại các chỉ tiêu trên mẫu biểu báo cáo để có thể thống kê số liệu sản lượng tiêu thụ, doanh thu, chi phí theo từng ngành kinh doanh, từng loại xe nhằm phục vụ công tác phân tích.
- ▶ Bổ sung các chỉ tiêu tài chính trên biểu mẫu báo cáo, đặc biệt là các chỉ tiêu tài chính cần kiểm soát được quy định trong Quy chế tài chính. Thông tin này đặc biệt quan trọng nhằm giúp cho SAVICO có thể theo dõi thường xuyên tình hình tài chính của từng Công ty thành viên.



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ

Tình hình đầu tư của Công ty mẹ vào các Công ty con, Công ty liên kết.

Bảng tổng hợp số liệu về tình hình đầu tư của Công ty mẹ vào các Công ty con, Công ty liên kết trong năm 2018

Tên Công ty	31/12/2017		31/12/2018		Thay đổi giá trị ghi sổ của khoản đầu tư
	% vốn sở hữu	Giá trị ghi sổ	% vốn sở hữu	Giá trị ghi sổ	
Công ty con		341.327.031.814		369.850.011.814	28.522.980.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sài Gòn Ô tô (SAIGON FORD)	52,05%	44.763.000.000	52,05%	44.763.000.000	-
Công ty Liên doanh Toyota Giải Phóng (TGP)	51%	9.248.504.000	51%	9.248.504.000	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sài Gòn (YAMAHA Cần Thơ)	88,12%	7.102.684.814	88,12%	7.102.684.814	-
Công ty Cổ phần Sài Gòn Ngôi Sao	59,62%	9.012.515.000	56,80%	9.012.515.000	-
Công ty Cổ phần SAVICO Hà Nội	70%	56.000.000.000	70%	56.000.000.000	-
Công ty TNHH Toyota Cần Thơ	51%	25.309.668.000	51%	25.309.668.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Đà Nẵng Sơn Trà	98%	82.320.000.000	98%	82.320.000.000	-
Công ty Cổ phần OtoS	80,35%	10.040.660.000	80,86%	11.563.640.000	1.522.980.000
Công ty Cổ phần SAVICO Đà Nẵng	70%	27.930.000.000	70%	27.930.000.000	-
Công ty Cổ phần Ô tô Sài Gòn Cửu Long	84,17%	10.100.000.000	84,17%	10.100.000.000	-
Công ty Cổ phần Ô tô Tây Bắc Sài Gòn	80%	16.000.000.000	80%	32.000.000.000	16.000.000.000
Công ty Cổ phần Ô tô Vĩnh Thịnh	90%	18.000.000.000	90%	18.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Ô tô Nam Sông Hậu	51%	25.500.000.000	51%	25.500.000.000	-
CTy TNHH Xe và TB chuyên dùng Vĩnh Thịnh			55,00%	11.000.000.000	11.000.000.000
Công ty liên kết		192.251.178.945		193.894.178.945	1.643.000.000
Công ty Liên doanh ComfortDelgro SAVICO Taxi	40,03%	31.750.000.000	40,03%	31.750.000.000	-
Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn (TESC)	30,30%	29.106.059.000	30,30%	29.106.059.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Thành phố Mới Bình Dương	27,50%	13.750.000.000	30,60%	15.393.000.000	1.643.000.000
Công ty Cổ phần Ô tô Sao Tây Nam	43,80%	17.520.000.000	43,80%	17.520.000.000	-
Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt	35%	16.925.119.945	35%	16.925.119.945	-
Công ty Cổ phần Ô tô Bắc Âu	32%	19.200.000.000	32%	19.200.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư SAVICO	40,00%	64.000.000.000	40,00%	64.000.000.000	-
Tổng cộng		533.578.210.759		563.744.190.759	30.165.980.000

(Nguồn: BCTC riêng năm 2018 đã kiểm toán của Công ty)

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ NHÂN VIÊN (TÍNH ĐẾN 31/12/2018)

Tính đến cuối năm 2018, tổng số nhân sự SAVICO là 4.824 người, tăng 12% so với cùng kỳ năm 2017. Để đáp ứng mạng lưới kinh doanh ngày càng mở rộng, năm 2018, SAVICO đã tuyển dụng thêm nhiều lao động có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn, kỹ thuật nhằm hoàn thiện dần cơ cấu tổ chức nhân sự của Công ty.

Tổng số nhân sự SAVICO

(ĐVT: Người)

Năm	2014	2015	2016	2017	2018
Tổng số lao động	2.509	2.616	3.689	4.323	4.824

Cơ cấu nhân sự theo giới tính

Năm 2018	ĐVT: Người
Nữ	1.207
Nam	3.617
Tổng cộng	4.824

Cơ cấu nhân sự theo loại hình hợp đồng lao động

Năm 2018	ĐVT: Người
Hợp đồng lao động không xác định thời hạn	2.215
HĐLĐ xác định thời hạn từ 01 - 03 năm	2.244
HĐLĐ thời vụ và thử việc	365
Tổng cộng	4.824

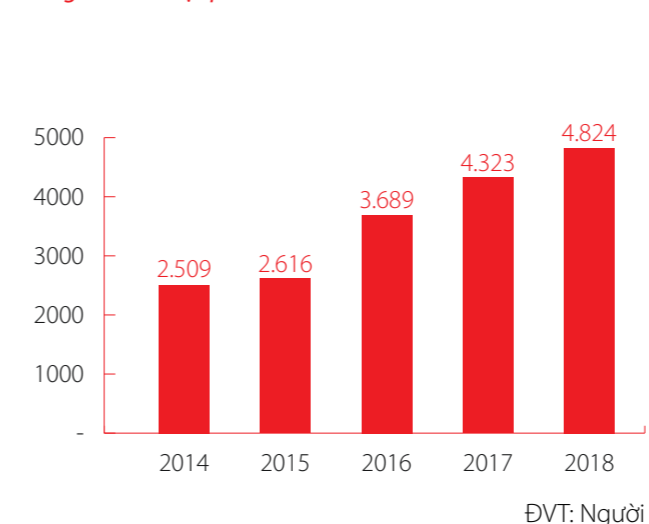
Cơ cấu nhân sự theo độ tuổi

Năm 2018	ĐVT: Người
Từ 18 tuổi đến 30 tuổi	2.510
Từ 31 tuổi đến 45 tuổi	2.063
Từ 46 tuổi đến 60 tuổi	251
Tổng cộng	4.824

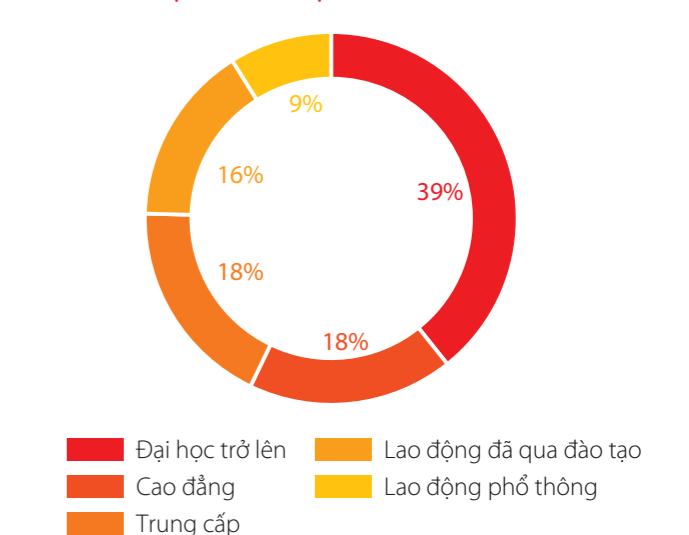
Cơ cấu nhân sự theo trình độ

Năm 2018	ĐVT: Người
Đại học trở lên	1.895
Cao đẳng	861
Trung cấp	882
Lao động đã qua đào tạo	756
Lao động phổ thông	430
Tổng cộng	4.824

Tổng số nhân sự qua các năm



Cơ cấu nhân sự theo trình độ



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ (tiếp theo)

CHÍNH SÁCH VÀ NHỮNG THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Xác định nguồn nhân lực là nền tảng cốt lõi cho sự phát triển bền vững của Công ty, SAVICO luôn chú trọng xây dựng đội ngũ nhân sự có thái độ làm việc tích cực, tuân thủ kỷ luật, có ý thức làm việc tập thể, luôn nỗ lực và tận tâm để tạo ra giá trị, cống hiến cao nhất trong công việc. Xây dựng và phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu hoạt động kinh doanh, theo đặc thù ngành nghề và chiến lược của Công ty, liên tục nâng cấp nhân sự theo xu thế và yêu cầu phát triển mới.



CHÍNH SÁCH TUYỂN DỤNG

Công tác tuyển dụng được thực hiện theo chiến lược phát triển của Công ty, theo kế hoạch hàng năm và trong từng giai đoạn cụ thể.

Công ty luôn lựa chọn những ứng viên tốt nhất vào vị trí phù hợp dựa trên năng lực, phẩm chất và kinh nghiệm của ứng viên; không phân biệt giới tính, tôn giáo, chủng tộc thông qua quá trình tuyển chọn công bằng và khách quan.



CHÍNH SÁCH ĐÀO TẠO

Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực là ưu tiên hàng đầu của Công ty với chủ trương tạo điều kiện giúp mỗi cá nhân phát triển nghề nghiệp, đồng thời xây dựng một đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp.

Tất cả nhân viên trong hệ thống SAVICO đều có cơ hội tham dự các lớp huấn luyện đào tạo nghiệp vụ theo nhu cầu cụ thể, phù hợp với tính chất công việc. Bên cạnh đó, cũng khuyến khích nhân viên học hỏi lẫn nhau trong quá trình công tác, qua các khóa học đào tạo nội bộ và nỗ lực tự đào tạo của từng CBNV.



CHÍNH SÁCH THĂNG TIẾN VÀ PHÁT TRIỂN NGHỀ NGHIỆP

Tại SAVICO, cơ hội thăng tiến nghề nghiệp công bằng cho mọi đối tượng được xác lập bằng kế hoạch sử dụng nguồn nhân lực rõ ràng và cụ thể.

Công ty đánh giá công việc của CBNV qua chỉ số đánh giá hiệu suất công việc KPI hàng tháng và đánh giá mục tiêu phát triển nghề nghiệp của mỗi cá nhân. Đó cũng là cơ sở để bố trí nhân sự phù hợp với từng giai đoạn phát triển của SAVICO. Với những nhân viên có nhiều cống hiến, có năng lực, phẩm chất đạo đức tốt, có thái độ tích cực, đạt được nhiều thành tích trong công việc, sẽ luôn được SAVICO chú trọng và luân phiên đào tạo, bổ sung kiến thức chuyên môn để nắm giữ các vị trí quản lý quan trọng để cùng phát triển với SAVICO.



NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ

ĐÁNH GIÁ NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Năm 2018 là năm Ban Điều hành SAVICO nhấn mạnh mục tiêu sáng tạo, đổi mới trong mọi hoạt động với slogan “Đột phá tư duy, nâng tầm giá trị”. Ngoài việc duy trì những chính sách nhân văn, truyền thống sẵn có, Ban Điều hành đã nâng tầm giá trị bằng việc:

- ▶ Triển khai hoạt động Truyền thông nội bộ, phù hợp với đặc điểm văn hóa truyền thống của SAVICO được phát triển thành một chiến dịch xuyên suốt năm 2018 với mục tiêu tạo sự gắn kết, nhấn mạnh vào việc đổi mới, sáng tạo, ghi nhận mọi đóng góp của người lao động.
- ▶ Công tác đào tạo nhân sự kế thừa có nhiều đột phá khi cử nhân viên đào tạo trực tiếp tại đơn vị, chuẩn bị nguồn lực nhân sự cấp cao phục vụ cho hệ thống. Công tác luân chuyển nhân sự linh hoạt, tối ưu nguồn lực, tận dụng thế mạnh của hệ thống, đảm bảo tránh tình trạng “chảy máu chất xám” ra ngoài hệ thống SAVICO.
- ▶ Chính sách lương và nâng lương được rà soát sao cho phù hợp với năng lực của cá nhân và vị trí công việc.
- ▶ Thực hiện công tác đánh giá nguồn nhân lực và hệ thống quản trị hiện tại của SAVICO, sử dụng thông tin của đối tác tư vấn như một kênh tham vấn phục vụ cho những kế hoạch hành động cải thiện và nâng cao hiệu quả công việc, chất lượng nguồn nhân lực và chính sách quản lý của SAVICO.
- ▶ Tình hình biến động nhân sự tại SAVICO năm 2018 (Turn-over rate) cao so với các năm trước, tuy nhiên đã kịp thời tăng cường công tác tuyển dụng, phát triển nguồn nhân lực, thay đổi chính sách nhân sự theo hướng linh động nhưng trên nguyên tắc đảm bảo sự ổn định mặt bằng chung nội bộ và nâng cao năng suất làm việc hiện tại của SAVICO.
- ▶ Ban Điều hành thực hiện các chính sách linh hoạt trong việc điều hành như điều động các Bộ phận chức năng hỗ trợ các đơn vị thành viên, các công ty liên doanh liên kết (như hỗ trợ của các Bộ phận chức năng Ban Kiểm soát, Dịch vụ Thương mại, Tài chính Kế toán, Pháp lý, Hành chính và Nguồn nhân lực...) Chuyển dịch tư duy quản trị theo xu hướng hiện đại - tư duy Phục vụ (Servant trend) cho hệ thống, dẫn dắt (Leading) theo định hướng chung của SAVICO. Ban Điều hành chủ động trong việc chỉ đạo công tác đầu tư khi có biến động, sử dụng tối ưu lợi thế của các Bộ phận chức năng để hỗ trợ cho các đơn vị nhất là các đơn vị còn mới và có nhiều thay đổi.

ĐÁNH GIÁ NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Năm 2018, SAVICO đã thuê công ty tư vấn hỗ trợ công tác đánh giá về cơ cấu tổ chức, đánh giá nguồn nhân lực hiện tại của SAVICO. Báo cáo tham vấn của đơn vị tư vấn làm cơ sở thông tin hữu ích cho SAVICO có những kế hoạch hành động phù hợp trong việc kiện toàn công tác quản trị, xây dựng chiến lược chung và phát triển nguồn nhân lực.

Về cơ bản, cơ cấu tổ chức hiện tại của SAVICO đã đảm bảo tình hình kinh doanh cũng như mục tiêu do Hội đồng Quản trị giao. Công ty nghiên cứu tổ chức bộ máy theo hướng chuyên môn hóa, bộ máy nhân sự đang trẻ hóa, thu hút được nguồn nhân lực chất lượng cao từ thị trường lao động. Tình hình phát triển nguồn nhân lực theo hướng tinh gọn, nâng cao hiệu quả công việc, khuyến khích sáng tạo, áp dụng công nghệ, cập nhật xu hướng và tri thức của thế giới.

SAVICO có chính sách linh hoạt trong công tác đào tạo để phát triển nguồn nhân lực như đào tạo bằng công việc (Training on the job), đào tạo tập trung (In-house training), cử tham gia các lớp học (Public training), luân chuyển công tác (Job rotating).



A close-up photograph of an engine's belt drive system, featuring a large pulley, a smaller pulley, and a timing belt. The image is overlaid with a semi-transparent red banner in the top-left corner and a red arrow-shaped banner at the bottom. The text is in white, bold, uppercase letters.

**LIÊN KẾT
CHẶT CHẼ**

Vận hành đồng bộ, gia tăng liên kết, chinh phục mục tiêu...

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Tình hình tham dự các cuộc họp của thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ III (2015 - 2020)

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu là TV HĐQT	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Nguyễn Bình Minh	Chủ tịch	24/4/2015	7/7	100%	
2	Ông Mai Việt Hà	Thành viên	24/4/2015	7/7	100%	
3	Bà Nguyễn Việt Hoà	Thành viên	24/4/2015	6/7	86%	Bận công tác, có ủy quyền cho thành viên khác dự họp
4	Ông Nguyễn Công Bình	Thành viên	24/4/2015	7/7	100%	
5	Ông Đoàn Văn Quang	Thành viên	24/4/2015	7/7	100%	
6	Ông Lương Quang Hiến	Thành viên	24/4/2015	6/7	86%	Bận công tác, có ủy quyền cho thành viên khác dự họp
7	Ông Nguyễn Đức Trọng	Thành viên	24/4/2015	6/7	86%	Bận công tác, có ủy quyền cho thành viên khác dự họp
8	Ông Lars Johan Gerard De Geer	Thành viên	15/6/2018	3/3	100%	Do tham gia từ ngày 15/6/2018

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI TỔNG GIÁM ĐỐC



Hội đồng Quản trị theo dõi sát diễn biến của thị trường, giám sát và hỗ trợ kịp thời hoạt động điều hành của Tổng Giám đốc, bộ máy giúp việc cho Tổng Giám đốc và người đại diện phần vốn tại các đơn vị có vốn góp của Công ty để thực hiện các chủ trương, chính sách được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị thông qua.

Trên cơ sở kết quả kinh doanh khả quan của năm 2018 và tình hình thị trường đã rõ nét hơn, các đơn vị trong hệ thống và Công ty đã cùng thống nhất, quyết tâm xác lập các mục tiêu kinh doanh mới, bứt phá các mục tiêu ban đầu như một cách tiếp tục tạo ra những thách thức mới và đã được Hội đồng Quản trị thông qua theo sự ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Hội đồng Quản trị cũng đã đề xuất và được Đại hội đồng cổ đông thông qua và bầu bổ sung thêm một thành viên Hội đồng Quản trị mới ở vị trí độc lập nhằm từng bước nâng cao tỷ lệ thành viên Hội đồng Quản trị độc lập theo quy định pháp luật và đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty và hệ thống.

Các quyết định của Hội đồng Quản trị

Số Quyết định	Ngày	Nội dung
01/QĐ-HĐQT-SVC	29/1/2018	Quyết định về việc vay vốn tại ngân hàng TMCP ngoại thương - Chi nhánh TP. HCM
02/QĐ-HĐQT-SVC	06/2/2018	Quyết định về việc điều chỉnh thang bảng lương chức danh và mức lương của Ban Điều hành Công ty
03/QĐ-HĐQT-SVC	08/3/2018	Quyết định về việc thôi nhiệm vụ thành viên Ban Cố vấn Hội đồng Quản trị đối với Ông Nguyễn Vĩnh Thọ
04/QĐ-HĐQT-SVC	20/4/2018	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch chốt danh sách cổ đông để tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2018
05/QĐ-HĐQT-SVC	26/4/2018	Quyết định về việc thay đổi người đại diện vốn tại Công ty TNHH TMDV Sài Gòn
06/QĐ-HĐQT-SVC	18/5/2018	Quyết định về việc thay đổi thành viên Ban Quan hệ cổ đông
07/QĐ-HĐQT-SVC	18/5/2018	Quyết định về việc thay đổi người đại diện vốn tại Công ty Cổ phần Ô tô Nam Sông Hậu
08/QĐ-HĐQT-SVC	18/5/2018	Quyết định về việc thông qua kế hoạch tiến lương năm 2018
09/QĐ-HĐQT-SVC	11/6/2018	Quyết định về việc tham gia góp vốn thành lập Công ty Hyundai Vĩnh Thịnh
10/QĐ-HĐQT-SVC	11/6/2018	Quyết định về việc ủy quyền người quản lý vốn góp tại Hyundai Vĩnh Thịnh
11/QĐ-HĐQT-SVC	15/6/2018	Quyết định về việc góp thêm vốn vào Công ty Cổ phần Ô tô Tây Bắc Sài Gòn
12/QĐ-HĐQT-SVC	05/7/2018	Quyết định về việc thay đổi thành viên Ban Quan hệ cổ đông
13/QĐ-HĐQT-SVC	05/7/2018	Quyết định về việc thay đổi người đại diện vốn tại Công ty Cổ phần Ô tô Sài Gòn Cửu Long
14/QĐ-HĐQT-SVC	23/7/2018	Quyết định về việc chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2018
15/QĐ-HĐQT-SVC	25/7/2018	Quyết định về việc thay đổi người đại diện vốn tại Công ty cổ phần Ô tô Tây Bắc Sài Gòn
16/QĐ-HĐQT-SVC	09/8/2018	Quyết định về việc thay đổi người đại diện vốn tại Trung tâm Hội nghị tiệc cưới Melisa
17/QĐ-HĐQT-SVC	27/8/2018	Quyết định về kế hoạch chi trả cổ tức năm 2017
18/QĐ-HĐQT-SVC	28/8/2018	Quyết định về việc vay vốn tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 10
19/QĐ-HĐQT-SVC	9/10/2018	Quyết định về việc điều chỉnh các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh 2018
20/QĐ-HĐQT-SVC	9/10/2018	Quyết định về việc nhận chuyển nhượng vốn góp tại Công ty TNHH Xe và Thiết bị chuyên dùng Vĩnh Thịnh
21/QĐ-HĐQT-SVC	9/10/2018	Quyết định về việc thay đổi người đại diện vốn tại Công ty TNHH TMDV Sài Gòn
22/QĐ-HĐQT-SVC	7/12/2018	Quyết định về việc ủy quyền người quản lý vốn góp tại Công ty TNHH Xe và Thiết bị chuyên dùng Vĩnh Thịnh
23/QĐ-HĐQT-SVC	10/12/2018	Quyết định về việc góp vốn thành lập Công ty và ủy quyền người quản lý vốn góp tại Công ty TNHH Ô tô Lâm Đồng
24/QĐ-HĐQT-SVC	18/12/2018	Quyết định về việc thanh lý tài sản
25/QĐ-HĐQT-SVC	18/12/2018	Quyết định về việc phê duyệt ngân sách thực hiện một số thủ tục pháp lý Dự án Khu dân cư tại Xã Long Hòa, Huyện Cần Giờ

TIỂU BAN LƯƠNG, THƯỜNG, NGUỒN NHÂN LỰC

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ

Tiểu ban Lương thưởng, Nguồn nhân lực do thành viên Hội đồng quản trị độc lập phụ trách đã hỗ trợ cho Ban Tổng giám đốc và tham mưu cho Hội đồng Quản trị trong việc xây dựng chính sách, kế hoạch cũng như rà soát, tu chỉnh chính sách lương, thưởng ngày càng phù hợp hơn; lựa chọn nhân sự phù hợp để bầu, bổ nhiệm vào các chức danh chủ chốt, quan trọng của Công ty và tại các doanh nghiệp trong hệ thống.



HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Tại Đại hội đồng cổ đông 2017 tổ chức ngày 15/6/2018 nhân sự của Ban Kiểm soát đã được thông qua gồm 4 thành viên.

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày được bổ nhiệm là thành viên Ban kiểm soát	Ngày miễn nhiệm là thành viên Ban Kiểm soát	Số buổi họp tham dự	Lý do không tham dự họp
1	Bà Nguyễn Như Ánh	Trưởng ban	01/4/2016		7/7	
2	Ông Nguyễn Thái Hoà	Thành viên	24/4/2015		7/7	
3	Bà Hoàng Thị Thu Hương	Thành viên	15/6/2018		5/5	Được bầu bổ sung từ 15/6
4	Bà Đinh Trúc Phương	Thành viên	15/6/2018		5/5	Được bầu bổ sung từ 15/6
5	Bà Phan Phương Nga	Thành viên	31/3/2017	15/6/2018	2/2	Miễn nhiệm từ 15/6

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT ĐỐI VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Kiểm soát đã tổ chức thực hiện các nhiệm vụ theo đúng chức năng, quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, bao gồm:

- ▶ Tham gia các buổi họp Hội đồng Quản trị, các buổi kiểm phiếu trưng cầu ý kiến các thành viên Hội đồng Quản trị, các buổi sơ kết, tổng kết hoạt động kinh doanh và các buổi làm việc với nhà đầu tư để tiếp cận, nắm bắt và ghi nhận kịp thời tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.
- ▶ Thực hiện kiểm tra, giám sát tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh trong suốt năm 2018 của Công ty và đề xuất các khuyến nghị cho Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc nhằm đơn đốc, thúc đẩy các hoạt động kinh doanh trong khuôn khổ pháp luật hiện hành.

Ban Kiểm soát cũng đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua việc bầu thay thế và bổ sung thêm thành viên Ban Kiểm soát nhằm đáp ứng nhu cầu quản trị của Công ty khi hệ thống ngày càng phát triển.

Sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát đối với hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác

Trong năm 2018, Ban Kiểm soát đã được Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và bộ máy giúp việc của Tổng Giám đốc phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi trong việc cập nhật tình hình hoạt động Công ty, thu thập thông tin và tài liệu phục vụ cho công tác kiểm tra, giám sát.

CƠ CẤU VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT (tiếp theo)

NỘI DUNG CÁC CUỘC HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT ĐÃ PHÊ CHUẨN NĂM 2018

STT	Ngày tháng	Nội dung
1	02/02/2018	Họp phân công nội dung kiểm soát cho từng thành viên để thực hiện báo cáo kiểm soát năm 2017.
2	Ngày 05/3/2018 đến ngày 15/3/2018	Hoàn thành công tác kiểm soát và thông qua nội dung kết quả kiểm soát hoạt động của SAVICO năm 2017.
3	26/7/2018	Tổ chức họp Ban Kiểm soát với 2 thành viên mới được bầu bổ sung tại Đại hội đồng cổ đông 2018 tổ chức ngày 15/6/2018. Nội dung: - Thống nhất kế hoạch làm việc, phân công nhiệm vụ và cách thức làm việc của các thành viên trong Ban kiểm soát; - Kế hoạch kiểm soát hoạt động của SAVICO giai đoạn 6 tháng đầu năm 2018: gồm 3 nội dung chủ yếu (1). rà soát Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2018 và đối chiếu với Báo cáo tài chính đã soát xét của đơn vị kiểm toán độc lập; (2).Đánh giá hiệu quả của hệ thống kiểm soát các đơn vị thành viên; (3). Đánh giá hiệu quả của các dự án được Hội đồng quản trị phê duyệt đầu tư trong năm 2017 và năm 2018.
4	24/8/2018	Họp thống nhất nội dung kết quả kiểm soát hoạt động của SAVICO giai đoạn 6 tháng đầu năm 2018.
5	06/10/2018	Họp thống nhất nội dung kết quả kiểm soát hoạt động của SAVICO giai đoạn 8 tháng đầu năm 2018.
6	28/02/2019	Thực hiện kiểm soát hoạt động của SAVICO năm 2018
7	11/3/2019	Họp thống nhất nội dung kết quả kiểm soát hoạt động của SAVICO năm 2018



GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BTGD VÀ BKS

Năm 2018, SAVICO đã chi tổng lương, thù lao và công tác phí cho các cán bộ quản lý chủ chốt như sau:

	2018	2017
Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	3.381.000.000	2.622.680.000
Thành viên Ban Kiểm soát	820.600.000	613.200.000
	4.201.600.000	3.235.880.000





Kết quả và hoạt động kinh doanh của Công ty chịu tác động của một số yếu tố, bao gồm những yếu tố phát sinh từ môi trường kinh tế vĩ mô cũng như những yếu tố vốn có trong lĩnh vực bán lẻ ô tô và thị trường bất động sản. Những rủi ro chính được tóm tắt như sau:

RỦI RO VỀ KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC

Rủi ro này xảy ra khi kế hoạch triển khai chiến lược hoạt động của Công ty được xây dựng không đầy đủ, thiếu tính đồng bộ và thống nhất khi triển khai cho các bộ phận, các Công ty trong hệ thống dẫn đến các mục tiêu chiến lược dài hạn không thể thực hiện được.

Biện pháp kiểm soát: kế hoạch chiến lược được truyền tải rõ ràng trong các cuộc họp triển khai kế hoạch, sơ kết, tổng kết của hệ thống và các cuộc họp tại văn phòng Công ty mẹ; được đánh giá định kỳ bởi Bộ phận Kiểm soát nội bộ và các bộ phận chức năng có liên quan và được báo cáo lại Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong các cuộc họp định kỳ.

RỦI RO NHÂN SỰ VÀ NHÂN SỰ KẾ THỪA

Rủi ro này xảy ra khi nhân sự không thích ứng được với môi trường văn hóa doanh nghiệp của Công ty; một/ một số vị trí quan trọng bị trống hoặc không tìm đủ các vị trí quan trọng cho các dự án kinh doanh của Công ty và các đơn vị trong hệ thống trong một khoảng thời gian nhất định.

Biện pháp kiểm soát: hoàn thiện quy trình quy hoạch, đào tạo, luân chuyển, đánh giá nhân sự, hoàn thiện chính sách thu nhập đối với người lao động; sử dụng tốt quỹ phát triển tài năng trẻ, các chương trình thực tập sinh, đồng thời tìm kiếm và thu hút nhân sự có kinh nghiệm từ bên ngoài để cộng tác cùng phát triển hệ thống SAVICO.

MÔI TRƯỜNG KINH TẾ VĨ MÔ

ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KINH DOANH XE Ô TÔ

Ngành công nghiệp ô tô và thị trường ô tô có mối tương quan đáng kể với các thời kỳ biến động của nền kinh tế vĩ mô về thời gian và mức độ. Hiện tại, thị trường ô tô Việt Nam tiếp tục nắm giữ tiềm năng phát triển mạnh mẽ. Tuy nhiên, nếu những biến động đáng kể xảy ra trong ngành công nghiệp ô tô là kết quả của sự phát triển theo chu kỳ trong nền kinh tế vĩ mô, doanh số bán ô tô chắc chắn sẽ bị ảnh hưởng.

ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN

Hành lang pháp lý cho thị trường bất động sản đang ngày càng hoàn thiện theo hướng phát triển ổn định, bền vững. Sự hội nhập của nền kinh tế Việt Nam với khu vực và toàn cầu cũng khiến nhu cầu thuê văn phòng, mặt bằng cho thuê và bán lẻ tại các thành phố lớn tăng trưởng mạnh mẽ, từ đó tạo nên dòng tiền bền vững và sinh lời cao cho các suất đầu tư văn phòng, mặt bằng cho thuê và bán lẻ. Bên cạnh đó, thương mại điện tử với sự xuất hiện ngày càng nhiều của các công ty công nghệ sẽ tác động mạnh mẽ đến thị trường bất động sản cho thuê và sẽ trở thành xu hướng ảnh hưởng lớn nhất đến bất động sản bán lẻ của Việt Nam trong những năm tới đây. Do đó, Công ty được yêu cầu giám sát kịp thời mọi thay đổi trong bối cảnh kinh tế và thực hiện việc điều chỉnh kế hoạch kinh doanh tổng thể, kế hoạch phát triển mạng lưới và kế hoạch tiếp thị trong các điều kiện thị trường khác nhau.

CHÍNH SÁCH CỦA NGÀNH

ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KINH DOANH XE Ô TÔ

Hoạt động kinh doanh của Công ty phải tuân thủ các chính sách và quy định do Chính phủ công bố để quản lý ngành công nghiệp ô tô và thị trường ô tô. Những thay đổi trong chính sách của ngành có thể dẫn đến nhu cầu thị trường đối với sản phẩm, giảm giá sản phẩm/dịch vụ giảm và cạnh tranh thị trường leo thang, từ đó sẽ dẫn đến giảm doanh thu và lợi nhuận. Do đó, Công ty sẽ giám sát chặt chẽ mọi thay đổi trong chính sách của Chính phủ đối với ngành ô tô, đồng thời thường xuyên kiểm tra, đánh giá nhằm nâng cao các tiêu chuẩn dịch vụ của chúng tôi trên cơ sở liên tục để giải quyết mọi rủi ro phát sinh từ những thay đổi trong chính sách của ngành.

ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN

Công tác quản lý thị trường bất động sản của Nhà nước từng bước được tăng cường để điều tiết thị trường phát triển ổn định và lành mạnh.

Năm 2019 sẽ là một năm đặc biệt của thị trường bất động sản, bởi lẽ với việc nhiều biến động pháp lý xảy ra như việc tăng cường rà soát, thanh kiểm tra tình trạng pháp lý tại hàng loạt các dự án, hạn chế cấp phép dự án mới... gây ra một loạt các rủi ro tác động đến thị trường bất động sản sẽ khiến nguồn cung sơ cấp bị hạn chế. Tuy nhiên, các vùng ven và tỉnh giáp ranh TP. HCM, nguồn cung hàng hóa bất động sản lại khá dồi dào, việc lựa chọn loại bất động sản nào để đầu tư hiệu quả đóng vai trò quan trọng.

Trong khi đó, thị trường văn phòng cho thuê, mặt bằng bán lẻ tại TP. HCM đang liên tục ghi nhận giá thuê tăng ở biên độ ổn định và ấn tượng phản ánh tiềm năng của thị trường còn rất lớn.



CHÍNH SÁCH CỦA NHÀ SẢN XUẤT Ô TÔ

Là một nhóm đại lý ô tô, chúng tôi chú trọng đến việc duy trì hợp tác lành mạnh với các nhà sản xuất ô tô có thương hiệu.

Những thay đổi trong chính sách của các nhà sản xuất ô tô có thể dẫn đến thay đổi chiến lược bán hàng cho thương hiệu của họ, ưu đãi bán hàng và hỗ trợ chính sách kinh doanh cho chúng tôi, tuy nhiên những thay đổi đó cũng có thể dẫn đến khả năng giảm sản lượng bán và doanh thu. Do đó, Công ty sẽ tích cực tăng cường giao tiếp với các nhà sản xuất và tiếp tục áp dụng chiến lược phát triển bao gồm một loạt các thương hiệu, nhằm đa dạng hóa sản phẩm và giảm thiểu rủi ro.

SỰ CẠNH TRANH KHỐC LIỆT

Chúng tôi không chỉ cạnh tranh với các đại lý ô tô khác mà còn cả những đại lý, công ty trong lĩnh vực dịch vụ sửa chữa ô tô nói chung và lĩnh vực thương mại điện tử, trong một số phân khúc, như: bán hàng, sửa chữa, bảo trì và dịch vụ khác.

Việc chúng tôi không có khả năng đáp ứng kịp thời với những thách thức được đưa ra bởi các đối thủ cạnh tranh có thể dẫn đến sự sụt giảm về số lượng khách hàng, doanh số sản phẩm/dịch vụ và giảm lợi nhuận của chúng tôi. Do đó, chúng tôi được yêu cầu điều chỉnh chiến lược kịp thời và nâng cao các tiêu chuẩn dịch vụ tổng thể của mình để giải quyết sự cạnh tranh khốc liệt.

QUẢN TRỊ RỦI RO (tiếp theo)

CHUỖI CUNG ỨNG

Công ty chúng tôi không sở hữu hoặc vận hành bất kỳ cơ sở sản xuất nào, việc kinh doanh hoàn toàn phụ thuộc vào sự cung ứng từ các nhà sản xuất ô tô và nhà cung cấp phụ kiện ô tô có thương hiệu. Bất kỳ sự gián đoạn nào trong việc cung cấp sản phẩm từ các nhà cung cấp có thể dẫn đến các vấn đề cho hoạt động kinh doanh của chúng tôi. Tuy nhiên, chúng tôi đã thúc đẩy mối quan hệ hợp tác lâu dài, ổn định với một số nhà sản xuất ô tô và nhà cung cấp phụ tùng, linh kiện có thương hiệu và mối quan hệ hợp tác đã được các nhà cung cấp đánh giá cao. Do đó, chúng tôi đã và đang nỗ lực để giảm thiểu những tác động của bất kỳ sự gián đoạn nào trong việc cung cấp và đảm bảo chúng tôi có thể tìm được các nhà cung cấp khác có chất lượng sản phẩm tương tự với giá cả hợp lý bất cứ lúc nào.

HỆ THỐNG THÔNG TIN

Hoạt động kinh doanh của chúng tôi phụ thuộc vào hệ thống mạng lưới công nghệ thông tin liên quan đến mua sắm, bán hàng và phân phối tại tất cả các đơn vị thành viên, việc quản lý hàng tồn kho, quản lý khách hàng, tiếp thị, báo cáo tài chính và quản lý tài chính tự động. Bất kỳ sự gián đoạn nghiêm trọng nào đối với hoặc làm chậm hệ thống công nghệ thông tin của chúng tôi có thể dẫn đến mất dữ liệu, dữ liệu không chính xác và làm chậm trễ việc điều hành hoạt động. Do đó, chúng tôi sẽ đầu tư vào công nghệ thông tin và hệ thống ERP trên cơ sở liên tục để đảm bảo an ninh công nghệ, khả năng tiếp cận và tính đầy đủ của dữ liệu vận hành quan trọng.



BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Chúng tôi hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh xe ô tô và xe gắn máy nên chúng tôi đặc biệt lưu tâm đến các loại xe đáp ứng tiêu chuẩn khí thải ít gây hại cho môi trường vì mục đích bảo vệ môi trường. Chúng tôi hạn chế kinh doanh những chiếc xe tạo ra quá nhiều ô nhiễm (do hỏng hóc hay cũ...), tập trung kinh doanh các loại xe ô tô đáp ứng tiêu chuẩn khí thải Euro 4 theo quy định về việc áp dụng tiêu chuẩn khí thải với ô tô, xe mô tô hai bánh có lắp động cơ nhiệt sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu. Đối với mảng dịch vụ sửa chữa xe chúng tôi thực hiện việc xử lý chất thải đáp ứng các yêu cầu của nhà nước về quản lý môi trường. Việc áp dụng những tiêu chuẩn, quy định này sẽ giúp cải thiện vấn đề ô nhiễm môi trường nói chung và các vấn đề ô nhiễm tại các thành phố lớn nói riêng.

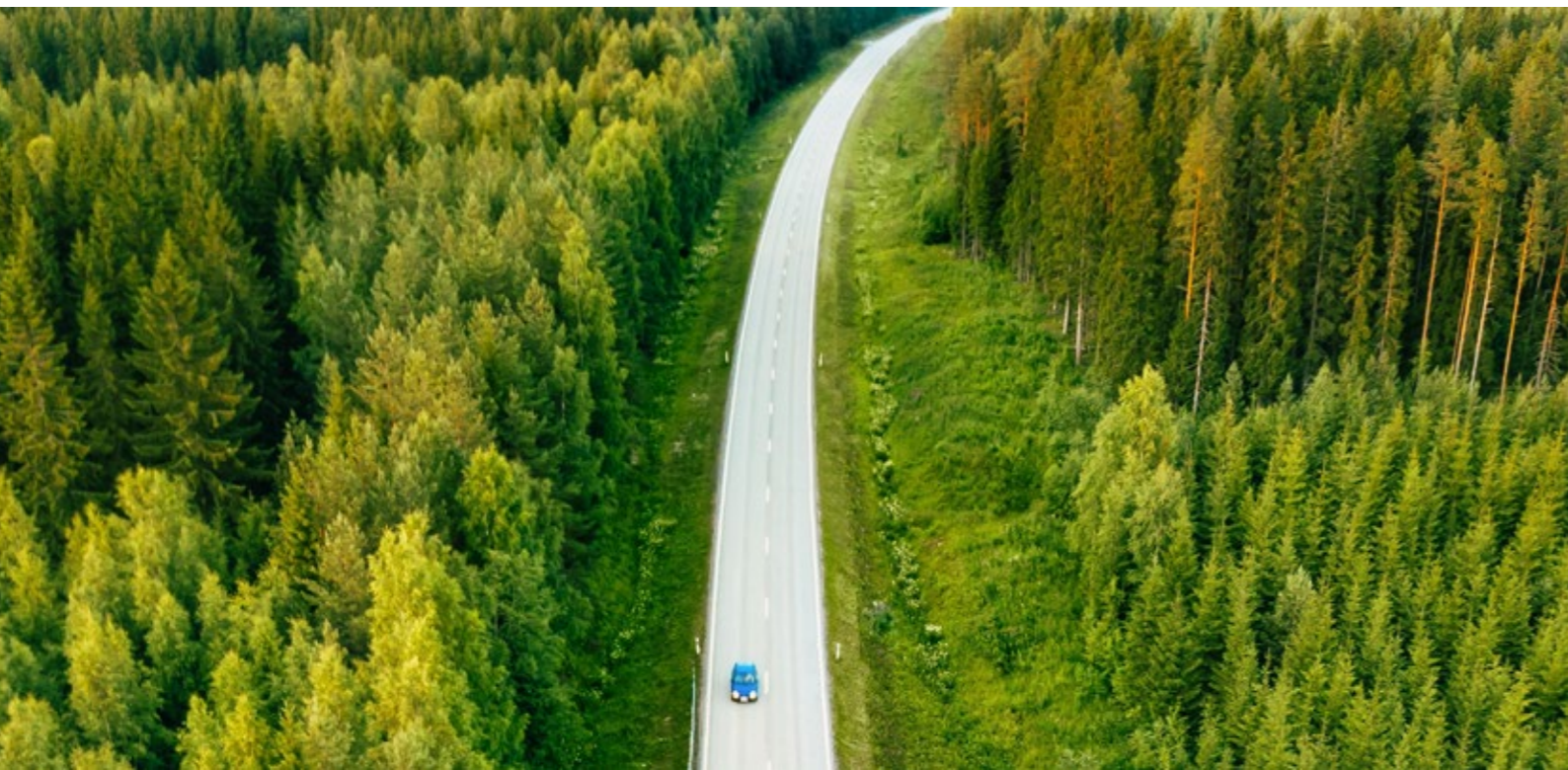
RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Công ty chịu nhiều loại rủi ro thị trường, bao gồm rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản, rủi ro lãi suất và rủi ro tỷ giá, các chi tiết được nêu trong Thuyết minh báo cáo tài chính. Công ty đã thực hiện kiểm soát hiệu quả các rủi ro thị trường thông qua giám sát liên tục các rủi ro và thay đổi, cảnh báo rủi ro kịp thời và áp dụng các công cụ phòng hộ thích hợp.



MANH MỀ
BỨT PHÁ

Đột phá, quyết đoán, tăng tốc phát triển...



NỘI DUNG BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Báo cáo phát triển bền vững của Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (SAVICO) được thực hiện nhằm xem xét và đánh giá lại các nguyên tắc thực hành phát triển bền vững tại Công ty mẹ và các Công ty con. Nội dung báo cáo thể hiện cách tiếp cận của SAVICO đối với các vấn đề phát triển bền vững, đề cập đến những vấn đề trọng yếu mang tính chất chiến lược, thể hiện rõ mục tiêu chiến lược phát triển trung và dài hạn của Công ty. Dữ liệu và thông tin trình bày trong báo cáo bao gồm: Những hoạt động liên quan đến Phát triển bền vững đã được thực hiện trong năm 2018, chiến lược phát triển trong những năm tiếp theo và cam kết của SAVICO đối với các bên liên quan.

PHẠM VI VÀ RANH GIỚI CỦA BÁO CÁO

Thông tin và dữ liệu trong báo cáo được cập nhật cho năm tài chính 2018 của SAVICO, bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc ngày 31/12/2018. Các báo cáo về hoạt động kinh tế, môi trường và xã hội được tổng hợp từ các hoạt động chính được thực hiện tại Công ty mẹ và các Công ty con.

Báo cáo được lập tại Việt Nam, trong lĩnh vực ngành nghề dịch vụ phân phối ô tô, đầu tư kinh doanh bất động sản của Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (SAVICO) và các Công ty con.

CÁCH THỨC XÁC ĐỊNH NỘI DUNG BÁO CÁO

Cách tiếp cận các vấn đề về phát triển bền vững của SAVICO xuất phát từ mục tiêu tăng trưởng bền vững trong dài hạn của Công ty kết hợp với các mục tiêu phát triển xã hội và bảo vệ môi trường, từ đó đóng góp tích cực cho sự phát triển chung của toàn xã hội.

Những vấn đề liên quan đến mục tiêu phát triển bền vững tiếp tục được SAVICO đánh giá và xem xét trong mối tương quan với hoạt động hiện tại, xác định rõ các vấn đề trọng yếu để từ đó thực hiện rà soát, cải tiến cũng như thể hiện đầy đủ hơn trong nội dung báo cáo phát triển bền vững năm 2019.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Phát triển bền vững là chiến lược trọng yếu của Công ty tác động đến các bên liên quan. Mọi ý kiến đóng góp liên quan đến vấn đề phát triển bền vững, vui lòng gửi về địa chỉ:

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (SAVICO).

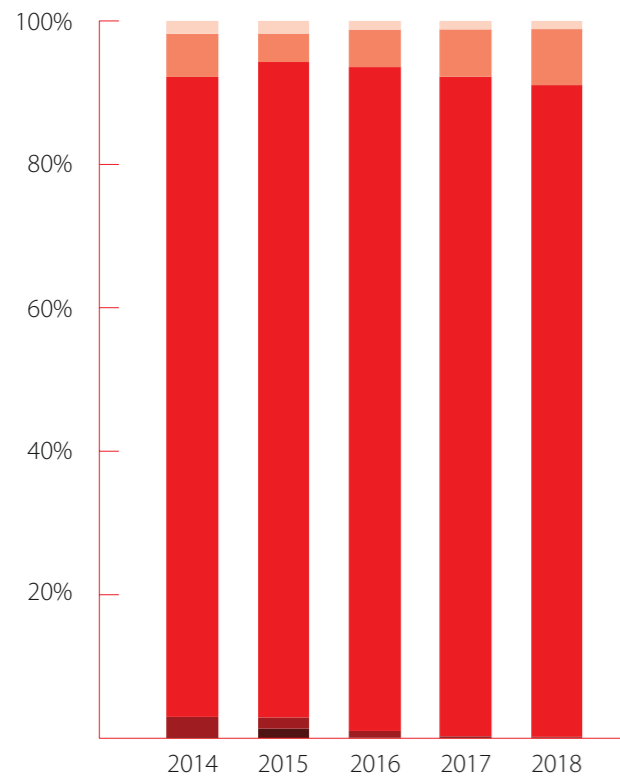
Điện thoại: 028 3821 3913

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Hồ Chí Minh.



CƠ CẤU DOANH THU

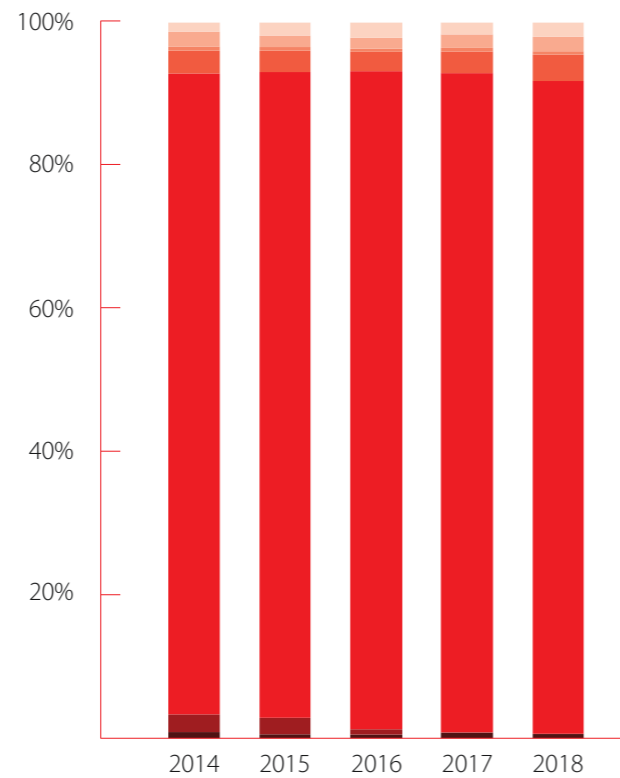
Nguồn doanh thu của hệ thống Công ty đến từ hoạt động bán hàng và hoạt động dịch vụ (dịch vụ sau bán hàng của lĩnh vực dịch vụ thương mại và dịch vụ cho thuê bất động sản đầu tư), doanh thu từ những hoạt động không liên tục và từ hoạt động tài chính có xu hướng giảm dần. Với định hướng lĩnh vực dịch vụ thương mại là lĩnh vực hoạt động cốt lõi, Công ty đã chú trọng vào khai thác hiệu quả hoạt động dịch vụ để đảm bảo sự phát triển ổn định và bền vững với tốc độ tăng trưởng doanh thu từ dịch vụ thương mại bình quân 2014 - 2018 đạt 24,8%/năm.



- Doanh thu hoạt động tài chính
- Doanh thu Chuyển nhượng bất động sản
- Doanh thu Bán hàng hóa
- Doanh thu Cung cấp dịch vụ
- Doanh thu Cho thuê bất động sản đầu tư

CƠ CẤU CHI PHÍ

Là hệ thống có hoạt động kinh doanh tập trung vào lĩnh vực dịch vụ - thương mại, chi phí mua hàng hóa để bán lại chiếm phần lớn trong cơ cấu chi phí hợp nhất của Công ty, kế đến là chi phí nhân công và nhân viên, chi phí mua ngoài (thuê mặt bằng, nhà xưởng; thuê dịch vụ...).

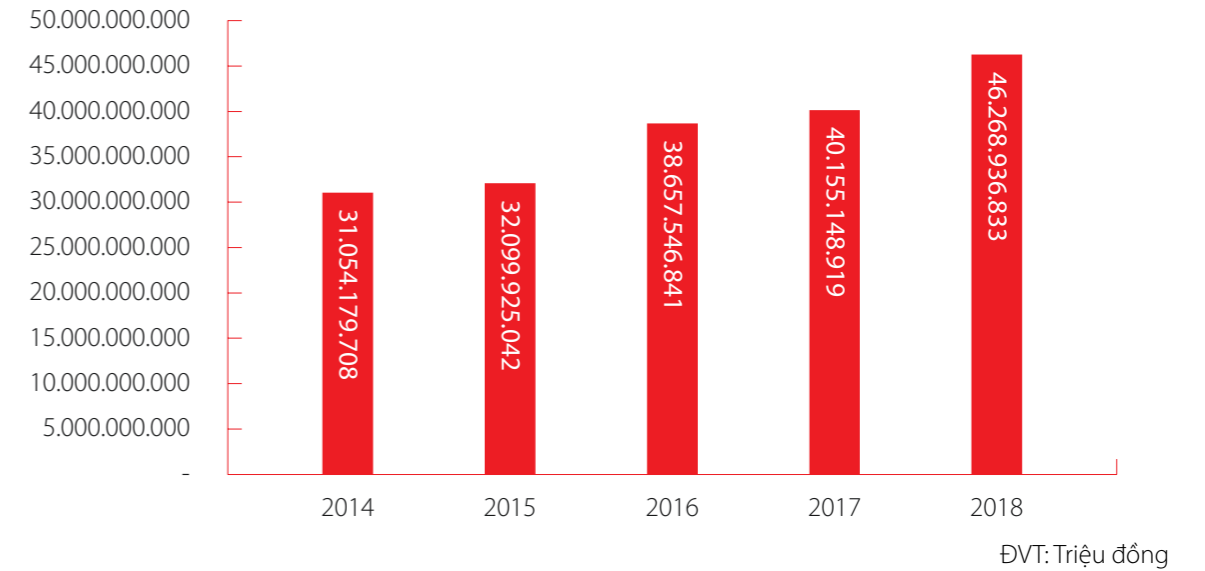


- Chi phí tài chính
- Chi phí mua bất động sản để chuyển nhượng
- Chi phí mua hàng hóa để bán lại
- Chi phí nhân công và nhân viên
- Chi phí khấu hao và phân bổ
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Các chi phí khác

KHOẢN ĐÓNG GÓP CHO NHÀ NƯỚC

Với doanh thu hợp nhất tăng bình quân 17,5%/năm, tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hợp nhất của hệ thống SAVICO đóng góp cho Nhà nước đã tăng bình quân 19%/năm trong giai đoạn 2014 - 2018, từ 30,8 tỷ đồng năm 2014 lên 62 tỷ đồng cho năm 2018.

Khoản đóng góp cho Nhà nước



CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG

QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

Nguồn nguyên vật liệu sử dụng trong hoạt động của SAVICO và các Công ty thành viên - chủ yếu là các đơn vị ngành ô tô, xe máy được quản lý, sử dụng một cách hợp lý dựa trên các quy trình quản lý nguyên vật liệu chặt chẽ, các quy định về định mức tiêu thụ nguyên vật liệu.

Do nguyên vật liệu chỉ sử dụng một lần và không thể tái chế nên chúng tôi rất chú trọng trong việc đầu tư hệ thống máy móc thiết bị hiện đại theo quy trình khép kín, hệ thống xử lý nước thải, rác thải ngay tại nguồn.

TIÊU THỤ ĐIỆN, NƯỚC

	ĐVT	2015	2016	2017	2018
Điện	Kw	164.477	166.970	75.606	37.547
Nước	m3	1.250	1.238	698	221
Xăng xe + xăng dầu máy phát điện	Lít	6.359	8.940	10.987	10.149

6 tháng cuối năm 2017 và năm 2018 thuê văn phòng, tính theo chỉ số tiêu thụ của tòa nhà phân bổ cho số tầng hoạt động nên chỉ số tiêu thụ giảm mạnh

Tại Công ty mẹ, nguyên vật liệu được sử dụng chủ yếu để phục vụ nhu cầu tiêu thụ hàng ngày gồm nhiên liệu xe, dụng cụ vệ sinh, văn phòng phẩm. Giải pháp quản lý nguồn nguyên vật liệu là quản lý dựa trên định mức và sử dụng các giải pháp lưu trữ thay thế.



TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Ngoài việc tập trung nâng cao hiệu quả đầu tư kinh doanh, SAVICO luôn chú trọng đến công tác bảo vệ môi trường để hướng tới doanh nghiệp sản xuất sản phẩm phát triển bền vững, thân thiện với môi trường.

Để tăng cường giám sát và quản lý tốt hơn hoạt động bảo vệ môi trường, đa số các đơn vị ngành ô tô trong hệ thống SAVICO đang cam kết và áp dụng đồng bộ hệ thống quản lý chất lượng môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001.

Đội ngũ kỹ thuật, lao động của các đơn vị kinh doanh ô tô, xe gắn máy trong hệ thống SAVICO thường xuyên được phổ biến về cách phân loại rác, các quy định về việc sử dụng tiết kiệm năng lượng điện, nước,... trong hoạt động bảo hành, sửa chữa, hoạt động văn phòng cũng như các quy định về vệ sinh môi trường. Định kỳ hàng năm hoặc khi có sự

thay đổi trong Hệ thống quản lý môi trường, các Công ty thành viên thực hiện nhận dạng khía cạnh môi trường để từ đó kiểm soát tốt hơn các vấn đề về bảo vệ môi trường.

Ngoài ra, để đảm bảo môi trường làm việc đạt tiêu chuẩn nhằm bảo vệ sức khỏe người lao động, SAVICO thực hiện chương trình văn phòng làm việc xanh tại văn phòng Công ty; các Công ty thành viên tăng cường áp dụng các biện pháp kỹ thuật để thông thoáng nhà xưởng, giảm độ ồn và trang bị hệ thống quạt hút, quạt công nghiệp cho những cơ sở bảo hành, sửa chữa cũng như thực hiện đo đạc thông số môi trường làm việc định kỳ đạt yêu cầu của pháp luật.



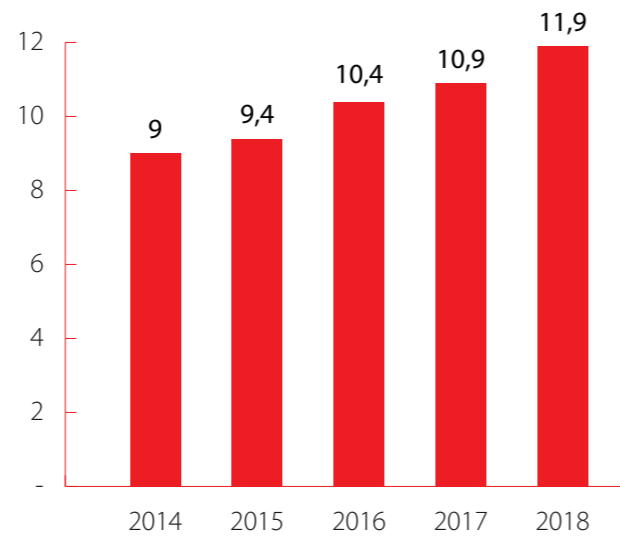
CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

MỨC LƯƠNG TRUNG BÌNH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Thực hiện chế độ tiền lương, thưởng và phúc lợi gắn liền với kết quả kinh doanh, năng lực chuyên môn, khối lượng và chất lượng công việc của mỗi nhân viên; tương xứng với công sức, trách nhiệm và hiệu quả lao động; đảm bảo thu nhập của CBNV có tính cạnh tranh với các đơn vị cùng ngành nghề và khu vực, thu nhập bình quân của người lao động năm 2018 đạt 11,9 triệu đồng/người/tháng.

SAVICO và các đơn vị trong hệ thống thực hiện đầy đủ các chính sách chế độ theo Luật lao động và Thỏa ước lao động tập thể như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, trang bị đồng phục và bảo hộ lao động, hỗ trợ ăn trưa, tham quan du lịch, khám sức khỏe định, bảo hiểm tai nạn con người, trợ cấp ốm đau, quà tặng cưới hỏi... thực hiện chế độ khen thưởng nhân dịp các ngày Lễ, Tết Nguyên Đán, Lễ 30/4, 2/9, kỷ niệm Ngày thành lập Công ty tùy theo kết quả kinh doanh.

Mức lương trung bình



ĐVT: triệu đồng



CHÍNH SÁCH LAO ĐỘNG NHẪM ĐẢM BẢO SỨC KHỎE, AN TOÀN VÀ PHÚC LỢI CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

Trong năm 2018, SAVICO thực hiện mua bảo hiểm sức khỏe PVI Care cho CBNV. Các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao, ngày hội gia đình, sinh hoạt câu lạc bộ ngành nghề chuyên môn,... luôn được duy trì và nâng cao chất lượng hoạt động, tạo điều kiện cho toàn thể nhân viên trong hệ thống SAVICO gặp gỡ giao lưu, học hỏi, chia sẻ kinh nghiệm.

Ngoài ra, Công ty cũng quan tâm đến công tác chăm lo tốt đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động như: Tổ chức tham quan học tập cho CBNV và cán bộ đại diện vốn; Hỗ trợ học bổng khuyến học cho các con của CBNV đạt học lực Giỏi; Tổ chức các hoạt động chào mừng ngày của Mẹ, của Cha, Quốc tế thiếu nhi 1/6 và Ngày hội gia đình SAVICO; Hỗ trợ ốm đau nằm viện...

HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO NGƯỜI LAO ĐỘNG

Trong năm 2018, SAVICO tăng cường quy hoạch phát triển nguồn nhân lực nội bộ và đội ngũ kế thừa, triển khai chương trình phát triển cán bộ tiềm năng và bổ nhiệm vào các vị trí quản lý cấp trung, lãnh đạo cấp cao.

SAVICO đã cử 255 lượt CBNV tham gia các khóa học bồi dưỡng nghiệp vụ ngắn hạn:

- ▶ Khóa học “Lãnh đạo tạo đột phá” dành cho cán bộ cấp cao, cấp trung và cán bộ quy hoạch SAVICO (23 lượt).
- ▶ Khóa đào tạo dành cho lãnh đạo cấp cao tại nước ngoài (02 lượt)
- ▶ Khóa đào tạo ngắn về nhận thức công nghệ 4.0 (60 lượt).
- ▶ Hội thảo Kế toán (9 lượt).
- ▶ Hội thảo Nhân sự (05 lượt).

- ▶ Khóa đào tạo ngắn về đánh giá Nguồn nhân lực, nhận thức sự thay đổi (60 lượt).
- ▶ Khóa học Quản lý tòa nhà (01 lượt).
- ▶ Hoạt động tham gia sinh hoạt định kỳ cập nhật kiến thức Thuế và Kế toán TAF cho bộ phận Kiểm soát nội bộ (24 lượt).
- ▶ Đào tạo về KPI cho cán bộ phụ trách nhân sự trong hệ thống (26 lượt).
- ▶ Đào tạo công tác Thư ký - Pháp lý cho cán bộ phụ trách (45 lượt).

Các đơn vị trong hệ thống cũng áp dụng chính sách đào tạo nâng cao chuyên môn nghiệp vụ theo chương trình của nhà cung cấp và đã cử 2.001 lượt CBNV tham gia các khóa học về kỹ năng bán hàng và kỹ thuật (sửa chữa chung, đồng, sơn, cố vấn dịch vụ) và các lớp đào tạo quản lý.

SAVICO và các đơn vị trong hệ thống sẽ tiếp tục tập trung đầu tư vào công tác phát triển nguồn nhân lực giỏi, đào tạo đội ngũ Quản trị viên cấp cao và cấp trung đáp ứng cho nhu cầu phát triển chiến lược kinh doanh của Công ty và các đơn vị trong hệ thống.



CHỈ TIÊU XÃ HỘI (tiếp theo)

ĐẨY MẠNH VĂN HÓA DOANH NGHIỆP, XÂY DỰNG THƯƠNG HIỆU VỮNG MẠNH

Xây dựng và phát huy văn hóa doanh nghiệp cũng được xem là một nét son trong công tác xây dựng thương hiệu của SAVICO trong nhiều năm qua. Văn hóa ấy chính là những chuẩn mực hành xử, là bản sắc, là điểm khác biệt giữa các doanh nghiệp, để mỗi thành viên trong doanh nghiệp thấm nhuần, tuân thủ, nêu gương và tự hào về nơi mình công tác.

Tại SAVICO, văn hóa doanh nghiệp được xây dựng vững chắc từ những ngày đầu thành lập. Phong cách lãnh đạo mẫu mực, tâm huyết của các thế hệ lãnh đạo, sự đoàn kết, năng động, sáng tạo của đội ngũ CBNV; tinh thần tương trợ, quan tâm, chia sẻ, hài hòa lợi ích, trách nhiệm của từng cá nhân, tập thể và cộng đồng là những nét bản sắc rất riêng của SAVICO; các hoạt động truyền thông nội bộ, kết nối hệ thống được duy trì và phát huy với nhiều hình thức: thông qua các chương trình sự kiện định kỳ trong năm, hoạt động thi đua khen thưởng,... Qua đó, thương hiệu SAVICO đã được đông đảo quý khách hàng, cổ đông, đối tác trong và ngoài nước biết đến, tin tưởng, yêu mến và hơn hết là từng con người SAVICO chính là những đại sứ chấp cánh cho thương hiệu SAVICO không ngừng bay cao, vươn xa.

Tiếp tục chặng đường mới, cùng nhiều thay đổi trong chiến lược và tái cấu trúc bộ máy, công tác phát triển thương hiệu của SAVICO chắc chắn sẽ có nhiều đổi mới để bắt kịp với xu thế và tầm nhìn chung của toàn hệ thống. Nhưng chắc chắn rằng, với những nền tảng vững vàng đã có, SAVICO cùng với đội ngũ lãnh đạo giàu kinh nghiệm sẽ đưa SAVICO vươn tầm cao mới.



BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG



Trong năm 2018, hệ thống Công ty Cổ phần SAVICO đã tích cực tham gia các hoạt động xã hội, làm tốt công tác từ thiện, các hoạt động tình thương "lá lành đùm lá rách", các hoạt động chăm lo người có công, người có hoàn cảnh khó khăn, các hoạt động cứu trợ, hoạt động nhân đạo như:

- ▶ Phụng dưỡng 01 Bà mẹ Việt Nam anh hùng tại phường Việt Hưng - Long Biên;
- ▶ Quà Tết cho người nghèo P. An Thới, Q. Bình Thủy, TP. Cần Thơ;
- ▶ Quyên góp gây quỹ khuyến học, khuyến tài hỗ trợ học sinh nghèo hiếu học tại P. Phú Thứ, Q. Cái Răng;
- ▶ Tài trợ cho Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh Lai Châu khắc phục hậu quả thiên tai;
- ▶ Tài trợ kinh phí trồng cây xanh tại 4 trường tiểu học, trung học trong chương trình "Toyota Chung tay xanh hóa học đường" năm 2018;
- ▶ Xây dựng cầu nông thôn tại Kiên Giang;
- ▶ Xây nhà tình nghĩa tại Q. Cái Răng;
- ▶ Ủng hộ Xuân yêu thương tại Q. 7;
- ▶ Đóng góp Quỹ ủng hộ người nghèo P. 6, Q. Tân Bình;
- ▶ Quyên góp cho Hội khuyến học;
- ▶ Tặng 20 suất quà chăm lo Tết cho dân nghèo Q. Thủ Đức;
- ▶ Ủng hộ đồng bào lũ lụt miền Trung;
- ▶ Đóng góp Quỹ khuyến học do Ủy ban nhân dân P. Hưng Lợi phát động;
- ▶ Thăm trung tâm bảo trợ trẻ em mồ côi ở Madagui;
- ▶ Tham gia chương trình giải cứu thanh long Bình Thuận;
- ▶ Đi thăm và hỗ trợ mái ấm tình thương của các cụ già neo đơn tại mái ấm Camillo Q. 8 với tổng số tiền 622,4 triệu đồng.

Trách nhiệm với cộng đồng được thể hiện rõ nét qua các hoạt động, chính sách dành cho gần 5.000 người lao động trên toàn quốc. SAVICO chú trọng chăm sóc sức khỏe, đời sống vật chất tinh thần, chính sách đào tạo và đãi ngộ dành cho người lao động; công khai, công tâm, công bằng trong hệ thống đánh giá kết quả và nỗ lực của từng lao động; cải thiện chính sách chăm lo cho các CBNV có hoàn cảnh gia đình khó khăn - Thoạt nhìn có vẻ đây là những chính sách, hoạt động hướng đến nội bộ nhưng hơn hết chúng tôi ý thức được rằng chính mỗi CBNV trong hệ thống cũng là một nhân tố góp phần xây dựng và phát triển bộ mặt chung của thành phố, của đất nước. Với gần 5.000 người lao động toàn hệ thống sẽ là gần 5.000 gia đình ấm no, hạnh phúc và hơn thế nữa.

Bên cạnh đó, SAVICO còn chú trọng công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực cho xã hội với đối tượng chính là sinh viên của các trường cao đẳng, đại học trên

toàn quốc. Thông qua các chương trình như: Đào tạo thực tập sinh, đồng hành nhiều năm liền với cuộc thi Dynamic - Sinh viên nhà Doanh nghiệp tương lai. SAVICO còn là cầu nối để các bạn trẻ có cơ hội được thực tập, trải nghiệm trong môi trường thực tiễn cao, chuyên nghiệp và năng động, đã có rất nhiều thế hệ sinh viên trẻ sau khi có cơ hội thực tập đã gắn bó, cống hiến và đồng hành cùng sự phát triển của SAVICO, các em được tiếp tục đào tạo từng bước để trở thành những cán bộ quản lý trẻ, năng động và nhiệt huyết của hệ thống.

Những hoạt động này hết sức thiết thực và ý nghĩa, không chỉ góp phần cùng xã hội hướng đến mục tiêu chung là xây dựng một xã hội phồn vinh, một đất nước Việt nam giàu đẹp và vững mạnh mà còn là động lực để tập thể SAVICO không ngừng phấn đấu và hoàn thiện, hướng đến sự phát triển ổn định và bền vững.



***CAM KẾT
CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ***

Hướng tới hiện đại hóa quy trình bảo hành, sửa chữa.

THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

QUYẾT ĐỊNH SỐ	3448/QD-UB	ngày 9 tháng 7 năm 2004
	3449/QD-UB	ngày 9 tháng 7 năm 2004
	Các quyết định này do Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp.	
GIẤY PHÉP KINH DOANH	4103002955	ngày 15 tháng 12 năm 2004
	Giấy phép kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là bởi giấy phép kinh doanh số 0301154821 ngày 26 tháng 1 năm 2015. Giấy phép kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.	
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	Ông Nguyễn Bình Minh	Chủ tịch
	Ông Mai Việt Hà	Thành viên
	Bà Nguyễn Việt Hòa	Thành viên
	Ông Đoàn Văn Quang	Thành viên
	Ông Nguyễn Công Bình	Thành viên
	Ông Nguyễn Đức Trọng	Thành viên
	Ông Lương Quang Hiến	Thành viên
	Ông Lars Johan Gerard De Geer	Thành viên (từ ngày 15 tháng 6 năm 2018)
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	Ông Mai Việt Hà	Tổng Giám đốc
	Ông Đoàn Văn Quang	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Nguyễn Thu Nga	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Công Bình	Phó Tổng Giám đốc
BAN KIỂM SOÁT	Bà Nguyễn Như Ánh	Trưởng ban
	Ông Nguyễn Thái Hòa	Thành viên
	Bà Hoàng Thị Thu Hương	Thành viên (từ ngày 15 tháng 6 năm 2018)
	Bà Đinh Trúc Phương	Thành viên (từ ngày 15 tháng 6 năm 2018)
	Bà Phan Phương Nga	Thành viên (đến ngày 15 tháng 6 năm 2018)
TRỤ SỞ ĐĂNG KÝ	68 Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam	
CÔNG TY KIỂM TOÁN	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 55 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính; và
- tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng này.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Mai Việt Hà
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 3 năm 2019

KÍNH GỬI CÁC CỔ ĐÔNG

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 11 tháng 3 năm 2019, được trình bày từ trang 5 đến trang 55.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm đối với hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

TRÁCH NHIỆM CỦA ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KPMG TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH VIỆT NAM

Báo cáo kiểm toán số: 18-01-00411-19-1



Auvarin Phor

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
Kiểm toán số 2252-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 3 năm 2019

Nguyễn Thanh Nghị

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
Kiểm toán số 0304-2018-007-1

tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		203.971.935.923	218.668.950.758
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	38.335.440.900	49.715.957.806
Tiền	111		3.335.440.900	13.698.624.473
Các khoản tương đương tiền	112		35.000.000.000	36.017.333.333
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6(a)	24.575.022.740	31.672.861.312
Chứng khoán kinh doanh	121		42.800.022.740	50.842.861.312
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(18.225.000.000)	(19.170.000.000)
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		50.356.394.713	42.401.060.175
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	9.914.567.599	13.815.420.637
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		404.364.778	499.583.500
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		17.000.000.000	14.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	8(a)	23.037.462.336	14.086.056.038
Hàng tồn kho	140	9	89.513.035.886	92.708.707.771
Hàng tồn kho	141		89.513.035.886	92.708.707.771
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.192.041.684	2.170.363.694
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	9.023.259
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.192.041.684	2.161.340.435
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		1.076.870.244.584	1.047.566.995.519
Các khoản phải thu dài hạn	210		147.173.013.550	143.276.418.915
Phải thu dài hạn khác	216	8(b)	147.173.013.550	143.276.418.915
Tài sản cố định	220		1.673.377.115	2.430.618.030
Tài sản cố định hữu hình	221	10	1.654.847.899	2.296.774.497
Nguyên giá	222		10.091.586.488	9.982.586.488
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(8.436.738.589)	(7.685.811.991)
Tài sản cố định vô hình	227	11	18.529.216	133.843.533
Nguyên giá	228		836.870.000	836.870.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(818.340.784)	(703.026.467)
Bất động sản đầu tư	230	12	121.744.850.694	125.229.716.599
Nguyên giá	231		164.521.792.920	164.521.792.920
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(42.776.942.226)	(39.292.076.321)
Tài sản dở dang dài hạn	240		266.525.363.208	263.526.949.254
Xây dựng cơ bản dở dang	242	13	266.525.363.208	263.526.949.254
Đầu tư tài chính dài hạn	250	6(b)	534.598.373.046	510.668.084.082
Đầu tư vào công ty con	251		369.850.011.814	341.327.031.814
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		193.894.178.945	192.251.178.945
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		2.250.000.000	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(31.395.817.713)	(22.910.126.677)
Tài sản dài hạn khác	260		5.155.266.971	2.435.208.639
Chi phí trả trước dài hạn	261		1.765.771.861	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	32(a)	3.389.495.110	2.435.208.639
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.280.842.180.507	1.266.235.946.277

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 01 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/
TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		563.766.845.090	556.649.920.835
Nợ ngắn hạn	310		523.283.328.072	516.038.455.417
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	693.347.699	324.093.650
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	44.774.673.790	17.147.958.448
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	2.188.782.349	5.992.222.416
Phải trả người lao động	314		6.796.650.436	6.290.279.314
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	11.026.588.583	16.996.190.905
Phải trả ngắn hạn khác	319	18(a)	418.037.709.902	432.160.646.871
Vay ngắn hạn	320	19	30.553.419.996	29.000.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	20	9.212.155.317	8.127.063.813
Nợ dài hạn	330		40.483.517.018	40.611.465.418
Phải trả dài hạn khác	337	18(b)	40.483.517.018	40.611.465.418
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		717.075.335.417	709.586.025.442
Vốn chủ sở hữu	410	21	717.075.335.417	709.586.025.442
Vốn cổ phần	411	22	249.955.730.000	249.955.730.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		317.064.858.303	317.064.858.303
Cổ phiếu quỹ	415	22	(690.474.358)	(690.474.358)
Quỹ đầu tư phát triển	418	24	24.938.303.806	24.938.303.806
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		125.806.917.666	118.317.607.691
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.280.842.180.507	1.266.235.946.277

Ngày 11 tháng 3 năm 2019

Người lập:

Người duyệt:

Ngô Văn Danh
Kế toán trưởng



Mai Việt Hà
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 02 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/
TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	26	82.886.544.985	154.196.983.367
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	27	(35.834.872.615)	(74.127.499.128)
Lợi nhuận gộp (20 = 01 + 11)	20		47.051.672.370	80.069.484.239
Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	47.599.702.102	37.867.103.714
Chi phí tài chính	22	29	(11.536.398.337)	(22.690.271.718)
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		(3.978.136.124)	(3.628.791.313)
Chi phí bán hàng	25		(2.598.657.358)	(2.459.828.995)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	(35.028.484.098)	(36.134.028.544)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 + 22 + 25 + 26)	30		45.487.834.679	56.652.458.696
Thu nhập khác	31		396.041.133	759.773.591
Chi phí khác	32		(79.370.955)	(5.846.008)
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 + 32)	40		316.670.178	753.927.583
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		45.804.504.857	57.406.386.279
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32(b)	(1.050.958.227)	(4.031.224.651)
Lợi ích/(chi phí) thuế TNDN hoãn lại	52	32(b)	954.286.471	(416.867.113)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 + 51)	60		45.707.833.101	52.958.294.515

Ngày 11 tháng 3 năm 2019

Người lập:

Người duyệt:

Ngô Văn Danh
Kế toán trưởng



Mai Việt Hà
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Mẫu B 03 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/
TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (Phương pháp gián tiếp)

	Mã số	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		45.804.504.857	57.406.386.279
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		4.351.106.820	4.668.108.103
Các khoản dự phòng	03		7.540.691.036	(11.316.214.256)
Lỗ do thanh lý đầu tư vào công ty con và công ty liên kết	05		-	8.400.000.000
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	05		-	(100.000.000)
Thu nhập cổ tức và lãi tiền gửi	05		(46.856.952.174)	(37.832.103.714)
Chi phí lãi vay	06		3.978.136.124	3.628.791.313
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		14.817.486.663	24.854.967.725
Biến động các khoản phải thu	09		(7.885.547.089)	(24.222.631.847)
Biến động hàng tồn kho	10		3.195.671.885	58.283.728.524
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		12.525.330.644	224.701.945.918
Biến động chi phí trả trước	12		(1.756.748.602)	(9.023.259)
Biến động chứng khoán kinh doanh	13		8.042.838.572	1.025.000.000
			28.939.032.073	284.633.987.061
Tiền lãi vay đã trả	14		(3.977.023.795)	(3.633.440.975)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.704.053.465)	(9.089.549.940)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(3.562.823.222)	(5.941.205.485)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		18.695.131.591	265.969.790.661

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Mẫu B 03 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/
TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (theo phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(13.107.413.954)	(313.612.662.884)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		-	100.000.000
Tiền chi cho vay	23		(35.000.000.000)	(50.577.878.732)
Tiền thu hồi cho vay	24		22.500.000.000	34.577.878.732
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(21.917.695.333)	(44.296.729.945)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào công ty con	26		-	74.600.000.000
Tiền thu cổ tức và lãi tiền gửi	27		45.861.584.174	37.988.212.324
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.663.525.113)	(261.221.180.505)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		30.553.419.996	30.689.432.822
Tiền trả nợ gốc vay	34		(29.000.000.000)	(38.596.628.592)
Tiền trả cổ tức	36		(29.965.543.380)	(29.968.251.980)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(28.412.123.384)	(37.875.447.750)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		(11.380.516.906)	(33.126.837.594)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		49.715.957.806	82.842.795.400
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	5	38.335.440.900	49.715.957.806

Ngày 11 tháng 3 năm 2019

Người lập:

Người duyệt:



Ngô Văn Danh
Kế toán trưởng



Mai Việt Hà
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

QUYẾT ĐỊNH SỐ	3448/QD-UB	ngày 9 tháng 7 năm 2004
	3449/QD-UB	ngày 9 tháng 7 năm 2004
	Các quyết định này do Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp.	
GIẤY PHÉP KINH DOANH	4103002955	ngày 15 tháng 12 năm 2004
Giấy phép kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là bởi giấy phép kinh doanh số 0301154821 ngày 26 tháng 1 năm 2015. Giấy phép kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.		
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	Ông Nguyễn Bình Minh	Chủ tịch
	Ông Mai Việt Hà	Thành viên
	Bà Nguyễn Việt Hòa	Thành viên
	Ông Đoàn Văn Quang	Thành viên
	Ông Nguyễn Công Bình	Thành viên
	Ông Nguyễn Đức Trọng	Thành viên
	Ông Lương Quang Hiến	Thành viên
	Ông Lars Johan Gerard De Geer	Thành viên (từ ngày 15 tháng 6 năm 2018)
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	Ông Mai Việt Hà	Tổng Giám đốc
	Ông Đoàn Văn Quang	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Nguyễn Thu Nga	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Công Bình	Phó Tổng Giám đốc
BAN KIỂM SOÁT	Bà Nguyễn Như Ánh	Trưởng ban
	Ông Nguyễn Thái Hòa	Thành viên
	Bà Hoàng Thị Thu Hương	Thành viên (từ ngày 15 tháng 6 năm 2018)
	Bà Đinh Trúc Phương	Thành viên (từ ngày 15 tháng 6 năm 2018)
	Bà Phan Phương Nga	Thành viên (đến ngày 15 tháng 6 năm 2018)
TRỤ SỞ ĐĂNG KÝ	68 Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam	
ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn ("Công ty") và các công ty con (được gọi chung là "Tập đoàn") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tập đoàn cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 111 đến trang 159 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Mai Việt Hà

Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này.

KÍNH GỬI CÁC CỔ ĐÔNG

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn ("Công ty") và các công ty con ("được gọi chung là Tập đoàn"), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 11 tháng 3 năm 2019, được trình bày từ trang 111 đến trang 159.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm đối với hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

TRÁCH NHIỆM CỦA ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KPMG TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH VIỆT NAM



Auvarin Phor

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
Kiểm toán số 2252-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 3 năm 2019

Nguyễn Thanh Nghị

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
Kiểm toán số 0304-2018-007-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Mẫu B 01 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/
TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Báo cáo kiểm toán số: 18-01-00410-19-2

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		2.196.052.230.291	1.624.916.635.283
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	268.045.104.754	222.746.938.508
Tiền	111		210.007.572.879	177.619.605.175
Các khoản tương đương tiền	112		58.037.531.875	45.127.333.333
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		39.488.075.283	40.224.913.855
Chứng khoán kinh doanh	121	6(a)	42.802.075.283	50.844.913.855
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	6(a)	(18.225.000.000)	(19.170.000.000)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6(b)	14.911.000.000	8.550.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		695.256.990.400	599.221.889.186
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	517.312.887.580	442.964.578.992
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		85.880.071.038	69.392.710.498
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		12.000.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	8(a)	80.720.767.210	87.519.799.696
Dự phòng phải thu khó đòi	137		(656.735.428)	(655.200.000)
Hàng tồn kho	140	9	1.134.474.506.423	719.577.703.847
Hàng tồn kho	141		1.138.523.608.918	721.918.012.039
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(4.049.102.495)	(2.340.308.192)
Tài sản ngắn hạn khác	150		58.787.553.431	43.145.189.887
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	14(a)	11.734.520.242	11.679.648.079
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		46.780.713.489	30.667.250.737
Thuế phải thu Nhà nước	153	16(b)	272.319.700	798.291.071

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Mẫu B 01 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/
TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 - tiếp theo

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		2.159.597.103.287	1.992.120.506.699
Các khoản phải thu dài hạn	210		182.178.610.222	166.556.058.346
Phải thu dài hạn khác	216	8(b)	183.178.610.222	170.706.058.346
Dự phòng phải thu khó đòi	219		(1.000.000.000)	(4.150.000.000)
Tài sản cố định	220		457.816.965.914	394.434.367.478
Tài sản cố định hữu hình	221	10	386.374.719.139	315.443.140.263
Nguyên giá	222		597.281.457.583	483.714.814.057
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(210.906.738.444)	(168.271.673.794)
Tài sản cố định vô hình	227	11	71.442.246.775	78.991.227.215
Nguyên giá	228		81.186.312.256	87.329.292.256
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(9.744.065.481)	(8.338.065.041)
Bất động sản đầu tư	230	12	726.184.526.348	711.548.558.061
Nguyên giá	231		921.828.708.866	883.410.133.098
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(195.644.182.518)	(171.861.575.037)
Tài sản dở dang dài hạn	240		367.635.726.677	383.146.360.661
Xây dựng cơ bản dở dang	242	13	367.635.726.677	383.146.360.661
Đầu tư tài chính dài hạn	250		384.210.488.328	314.004.776.667
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	6(c)	378.850.224.328	305.315.512.667
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6(c)	5.360.264.000	8.689.264.000
Tài sản dài hạn khác	260		41.570.785.798	22.430.385.486
Chi phí trả trước dài hạn	261	14(b)	38.061.909.597	19.845.795.757
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	36(a)	3.508.876.201	2.584.589.729
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		4.355.649.333.578	3.617.037.141.982

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Mẫu B 01 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/
TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 - tiếp theo

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		2.820.503.318.544	2.339.689.615.983
Nợ ngắn hạn	310		2.266.260.565.058	1.790.696.348.139
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	184.846.499.376	207.578.160.576
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		164.874.327.197	117.747.178.292
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16(a)	39.422.262.288	31.021.208.093
Phải trả người lao động	314		100.659.106.107	58.474.046.547
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	53.055.205.113	46.957.684.139
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	18(a)	6.773.857.186	9.807.732.225
Phải trả ngắn hạn khác	319	19(a)	438.146.116.890	449.369.812.625
Vay ngắn hạn	320	20(a)	1.262.171.559.942	855.817.418.887
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	21	16.311.630.959	13.923.106.755
Nợ dài hạn	330		554.242.753.486	548.993.267.844
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	18(b)	95.941.611.058	83.845.600.000
Phải trả dài hạn khác	337	19(b)	87.253.926.927	92.192.896.656
Vay dài hạn	338	20(b)	371.047.215.501	372.954.771.188
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		1.535.146.015.034	1.277.347.525.999
Vốn chủ sở hữu	410	22	1.535.146.015.034	1.277.347.525.999
Vốn cổ phần	411	23	249.955.730.000	249.955.730.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		317.064.858.303	317.064.858.303
Vốn khác	414		20.242.000.000	14.850.000.000
Cổ phiếu quỹ	415	23	(690.474.358)	(690.474.358)
Quỹ đầu tư và phát triển	418	25	43.033.201.299	47.539.169.112
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		424.537.839.749	297.796.407.469
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		481.002.860.041	350.831.835.473
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		4.355.649.333.578	3.617.037.141.982

Ngày 11 tháng 3 năm 2019

Người lập:



Ngô Văn Danh
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Mai Việt Hà
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 - tiếp theo

Mẫu B 02 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/
TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	27	14.881.843.305.842	13.794.724.864.291
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	27	(10.188.383.538)	(13.418.108.557)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 + 02)	10	27	14.871.654.922.304	13.781.306.755.734
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	28	(13.851.910.777.563)	(13.060.916.977.057)
Lợi nhuận gộp (20 = 10 + 11)	20		1.019.744.144.741	720.389.778.677
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	17.898.325.134	21.270.975.508
Chi phí tài chính	22	30	(87.738.744.569)	(107.874.217.499)
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		(84.957.422.562)	(90.915.434.287)
Phần lãi trong công ty liên kết	24	6(c)	57.903.674.161	14.315.723.152
Chi phí bán hàng	25	31	(458.726.538.431)	(415.117.754.690)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	(289.673.785.247)	(242.352.462.253)
Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 + 22 + 24 + 25 + 26)	30		259.407.075.789	(9.367.957.105)
Thu nhập khác	31	33	106.523.258.417	186.202.902.608
Chi phí khác	32	34	(3.618.577.716)	(2.848.330.374)
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 + 32)	40		102.904.680.701	183.354.572.234
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		362.311.756.490	173.986.615.129
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	36(b)	(62.969.194.590)	(34.353.137.775)
Lợi ích/(chi phí) thuế TNDN hoãn lại	52	36(b)	924.286.472	(577.850.556)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 + 51 + 52)	60		300.266.848.372	139.055.626.798
Trong đó:				
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		173.002.896.673	81.633.249.712
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		127.263.951.699	57.422.377.086
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	37	6.425	3.183

Ngày 11 tháng 3 năm 2019

Người lập:

Người duyệt:



Ngô Văn Danh
Kế toán trưởng



Mai Việt Hà
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/
TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết Minh	2018 VND	2017 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		362.311.756.490	173.986.615.129
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		73.393.593.028	71.556.453.025
Các khoản dự phòng	03		(2.384.670.269)	(18.751.567.398)
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	05		(2.282.130.956)	(1.694.002.773)
Lỗ do thanh lý một phần đầu tư vào công ty con	05		-	8.385.122.777
Thu nhập cổ tức và lãi tiền gửi	05		(9.201.722.200)	(7.789.660.449)
Thu nhập từ các công ty liên kết	05		(57.903.674.161)	(14.315.723.152)
Chi phí lãi vay	06		84.957.422.562	90.915.434.287
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		448.890.574.494	302.292.671.446
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		(99.624.128.023)	(31.513.617.449)
Biến động hàng tồn kho	10		(416.605.596.879)	206.215.254.847
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		70.037.650.435	251.830.132.885
Biến động chi phí trả trước	12		(18.270.986.003)	2.999.382.929
Biến động chứng khoán kinh doanh	13		8.042.838.572	1.025.000.000
			(7.529.647.404)	732.848.824.658
Tiền lãi vay đã trả	14		(84.392.802.785)	(90.702.877.746)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(46.268.936.833)	(40.155.148.919)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(14.305.735.593)	(12.734.264.532)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(152.497.122.615)	589.256.533.461

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B 03 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/
TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(173.193.772.239)	(484.978.979.817)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	22		29.574.377.428	32.717.320.527
Tiền thu từ thanh lý đầu tư vào một công ty con, đã trừ đi số dư tiền thanh lý	22		-	53.382.313.983
Tiền chi cho vay	23		(13.000.000.000)	(25.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay	23		1.000.000.000	18.000.000.000
Tiền chi đầu tư vào các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	23		(7.886.000.000)	(8.550.000.000)
Tiền thu từ đầu tư vào các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	23		1.525.000.000	11.750.000.000
Tiền chi đầu tư vào các đơn vị khác	25		(26.293.000.000)	(67.381.469.945)
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		19.863.684.700	19.159.434.749
Tiền thuần chi cho tài sản dài hạn khác			(12.472.551.876)	(28.901.220.126)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(180.882.261.987)	(479.802.600.629)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		8.871.125.408.105	8.479.051.742.167
Tiền trả nợ gốc vay	34		(8.466.678.822.737)	(8.567.848.311.678)
Tiền thu từ vốn phát hành bởi các công ty con cho lợi ích cổ đông không kiểm soát			35.531.430.000	30.128.740.000
Tiền trả cổ tức cho cổ đông của Công ty	36		(29.965.543.380)	(29.968.251.980)
Tiền trả cổ tức cho cổ đông không kiểm soát của các công ty con	36		(31.334.921.140)	(29.262.352.512)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		378.677.550.848	(117.898.434.003)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		45.298.166.246	(8.444.501.171)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		222.746.938.508	231.191.439.679
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	5	268.045.104.754	222.746.938.508

Ngày 11 tháng 3 năm 2019

Người lập:

Người duyệt:



Ngô Văn Danh
Kế toán trưởng



Mai Việt Hà
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 09 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/
TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. ĐƠN VỊ BÁO CÁO

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Quyết định số 3448/QĐ-UB do Ủy Ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 9 tháng 7 năm 2004 và được điều chỉnh theo Quyết định số 3449/QĐ-UB cấp cùng ngày.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm 31 tháng 12 năm 2018 bao gồm Công ty và các công ty con (được gọi chung là "Tập đoàn") và lợi ích của Tập đoàn trong các công ty liên kết.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Tập đoàn là:

- » Dịch vụ và thương mại: kinh doanh, phân phối, sửa chữa và bảo trì xe ô tô, xe gắn máy và phụ tùng; kinh doanh trang sức, vật liệu xây dựng; cung cấp dịch vụ bar và khách sạn;
- » Bất động sản: kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất; cho thuê nhà kho, văn phòng, trung tâm thương mại; đầu tư, phát triển các dự án bất động sản theo định hướng kinh doanh cao ốc văn phòng, căn hộ, các khu biệt thự và khu nghỉ dưỡng cao cấp; và
- » Dịch vụ tài chính: đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và vào cổ phiếu của các đơn vị khác hoạt động trong lĩnh vực thương mại và dịch vụ, bất động sản và cơ sở hạ tầng.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Tập đoàn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tập đoàn có 2.744 nhân viên (ngày 1 tháng 1 năm 2018: 2.629 nhân viên).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tập đoàn có 14 công ty con và 16 công ty liên kết (ngày 1 tháng 1 năm 2018: 13 công ty con và 12 công ty liên kết) như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 - tiếp theo

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/
TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

1. ĐƠN VỊ BÁO CÁO (TIẾP THEO)

(d) Cấu trúc Tập đoàn (tiếp theo)

Công ty con

Số	Tên	Hoạt động chính	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích kinh tế tại ngày	
				31/12/2018	1/1/2018
1	Công ty Cổ phần Dịch vụ Sài Gòn Ô tô (SAIGON FORD)	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu FORD và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	61A Cao Thắng, Phường 3, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	52,05%	52,05%
2	Công ty Liên doanh Toyota Giải Phóng (TGP)	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu TOYOTA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	807 Giải Phóng, Phường Giáp Bát, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	51%	51%
3	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sài Gòn (YAMAHA Cần Thơ)	Kinh doanh xe gắn máy mang nhãn hiệu YAMAHA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	164 - 166C, Đường 3/2, Phường Hưng Lợi, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam	88,12%	88,12%
4	Công ty Cổ phần Sài Gòn Ngôi Sao	Kinh doanh xe ô tô và xe gắn máy mang nhãn hiệu SUZUKI, HONDA và YAMAHA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	510 Quốc lộ 13, Phường Hiệp Bình Phước, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	56,80%	59,62%
5	Công ty Cổ phần Savico Hà Nội	Điều hành trung tâm thương mại, dịch vụ khách sạn; xây dựng dân sự, dự án công nghiệp; đại lý thương mại và ủy thác; hoạt động xuất nhập khẩu; kinh doanh phương tiện vận tải và bảo trì xe ô tô; cho thuê máy; dịch vụ vận chuyển và đầu xe.	7 - 9 Nguyễn Văn Linh, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	70%	70%
6	Công ty TNHH Toyota Cần Thơ	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu TOYOTA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	K2-0, Võ Nguyên Giáp, Khu vực Thanh Thuận, Phường Phú Thứ, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam	51%	51%
7	Công ty Cổ phần Savico Đà Nẵng	Kinh doanh bất động sản; cho thuê văn phòng và nhà xưởng; tư vấn, môi giới bất động sản; kinh doanh xe ô tô, xe có động cơ khác và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì và sửa chữa; cung cấp dịch vụ vận chuyển.	66 Võ Văn Tấn, Phường Chính Gián, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	70%	70%
8	Công ty Cổ phần Ô tô (otos.vn)	Cung cấp dịch vụ thương mại điện tử; dịch vụ quảng cáo; kinh doanh xe ô tô và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì và sửa chữa; cung cấp phần mềm và các dịch vụ liên quan đến công nghệ thông tin.	68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	80,86%	80,33%

1. ĐƠN VỊ BÁO CÁO (TIẾP THEO)

(d) Cấu trúc Tập đoàn (tiếp theo)

Công ty con (tiếp theo)

Số	Tên	Hoạt động chính	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích kinh tế tại ngày	
				31/12/2018	1/1/2018
9	Công ty Cổ phần Đầu tư Đà Nẵng Sơn Trà	Kinh doanh bất động sản; cung cấp dịch vụ khách sạn và du lịch; điều hành dịch vụ nhà hàng, cung cấp thực phẩm và thức uống; cung cấp dịch vụ vận tải và xây dựng dân sự.	Bãi Trẹm, Hoàng Sa, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	98%	98%
10	Công ty Cổ phần Ô tô Sài Gòn Cửu Long	Kinh doanh ô tô mang nhãn hiệu GM và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì và vận tải.	274, Đường 30/4, Phường Hưng Lợi, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam	84,17%	84,17%
11	Công ty Cổ phần Ô tô Tây Bắc Sài Gòn	Kinh doanh xe ô tô tải các loại và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì, sửa chữa và vận tải.	43/7A Ấp Xuân Thới Đông 2, Xã Xuân Thới Đông, Huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	80%	80%
12	Công ty Cổ phần Ô tô Vĩnh Thịnh	Kinh doanh xe ô tô tải nhãn hiệu HINO và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì, sửa chữa và vận tải.	5/5 Khu phố Bình Giao, phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam	90%	90%
13	Công ty Cổ phần Ô tô Nam Sông Hậu	Kinh doanh xe ô tô nhãn hiệu HONDA và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì, sửa chữa và vận tải.	Lô E1-1, Đường Võ Nguyên Giáp, Khu vực Thạnh Lợi, Phường Phú Thứ, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam	51%	51%
14	Công ty TNHH Xe và Thiết bị Chuyên dùng Vĩnh Thịnh	Kinh doanh xe ô tô tải nhãn hiệu HYUNDAI, xe buýt và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì, sửa chữa và vận tải.	Ấp 1, Xã Đồng Tiến, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam	55%	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 - tiếp theo

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/
TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 - tiếp theo

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/
TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

1. ĐƠN VỊ BÁO CÁO (TIẾP THEO)

(d) Cấu trúc Tập đoàn (tiếp theo)

Công ty liên kết

Số Tên	Hoạt động chính	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích kinh tế tại ngày	
			31/12/2018	1/1/2018
1 Công ty TNHH ComfortDelgro Savico Taxi	Cung cấp dịch vụ vận chuyển và dịch vụ bảo trì.	Tầng 6, 555 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Kho, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	40,03%	40,03%
2 Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn (TESC)	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu TOYOTA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	507 Xa lộ Hà Nội, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	30,30%	30,30%
3 Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Thành phố Mới Bình Dương	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu FORD và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	C13, đường Hùng Vương, Khu Liên Hợp, Phường Hòa Phú, Thành phố Thủ Đức Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	38,51%	35,41%
4 Công ty Cổ phần Dana (DANA FORD)	Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu FORD và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	56 Điện Biên Phủ, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	40,27%	40,27%
5 Công ty Cổ phần Ô tô Sao Tây Nam	Kinh doanh xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì, sửa chữa và vận tải.	91 Cách Mạng Tháng Tám, Phường An Thới, Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam	43,80%	43,80%
6 Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu TOYOTA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì, đại lý bảo hiểm phi nhân thọ.	188 Lê Trọng Tấn, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	35%	35%
7 Công ty Cổ phần Ô tô Bắc Âu	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu VOLVO và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	340A Nguyễn Văn Linh, Phường Bình Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	39,81%	39,81%
8 Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Ô tô Nam Sài Gòn	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu GM và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì	1489 Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	30%	30%

1. ĐƠN VỊ BÁO CÁO (TIẾP THEO)

(d) Cấu trúc Tập đoàn (tiếp theo)

Công ty liên kết (tiếp theo)

Số Tên	Hoạt động chính	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích kinh tế tại ngày	
			31/12/2018	1/1/2018
9 Công ty Cổ phần Đầu tư Savico	Kinh doanh bất động sản; dịch vụ tư vấn đầu tư, môi giới, đấu giá; cung cấp dịch vụ nghiên cứu thị trường, khảo sát ý kiến công chúng; tư vấn kiến trúc và các công nghệ liên quan; cung cấp dịch vụ thiết kế chuyên biệt và xây dựng; mua bán ô tô và phụ tùng; cung cấp dịch vụ bảo trì và sửa chữa; cung cấp dịch vụ giáo dục mầm non.	66-68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	40%	40%
10 Công ty TNHH Ô tô Bắc Âu Hà Nội	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu VOLVO và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	9 Nguyễn Văn Linh, Phường Gia Thụy, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	25%	25%
11 Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Bình Thuận	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu FORD và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	Lô 4/3, Đường số 4, Khu Công nghiệp Phan Thiết 1, Xã Phong Nẫm, Thành phố Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận	50%	50%
12 Công ty Cổ phần Ô tô Bến Thành Tây Ninh	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu FORD và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	Quốc lộ 22B, Ấp Hiệp Trường, Xã Hiệp Tân, Huyện Hòa Thành, Tỉnh Tây Ninh	50%	50%
13 Công ty TNHH Ô tô Đà Nẵng	Kinh doanh xe ô tô, xe gắn máy và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì, vận chuyển và dịch vụ cho thuê ô tô.	Số 2, Đường Nguyễn Hữu Thọ, Phường Hòa Thuận Tây, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng	50%	-
14 Công ty TNHH Savico Quảng Nam	Kinh doanh xe ô tô, xe gắn máy và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ vận chuyển và dịch vụ cho thuê ô tô.	Quốc lộ 1A, Thôn Vạn Long, Xã Tam Đàn, Huyện Phú Ninh, Tỉnh Quảng Nam	50%	-
15 Công ty TNHH Dịch vụ Sài Gòn Ô tô Gia Định	Kinh doanh xe ô tô, xe gắn máy và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì, vận chuyển và dịch vụ cho thuê ô tô.	Quốc lộ 1A, Phường Thạnh Xuân, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh	35%	-
16 Công ty Cổ phần Ô tô Hyundai Ngôi Sao	Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu Hyundai và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	184C/1, Khu phố 1A, Phường An Phú, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương	49%	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 - tiếp theo

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/
TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn là Đồng Việt Nam ("VND"), cũng là đơn vị tiền tệ kế toán được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Các công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Mất quyền kiểm soát

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tập đoàn dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Lãi hoặc lỗ phát sinh từ sự kiện này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính hợp nhất, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tập đoàn vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

3. TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

(a) Cơ sở hợp nhất (tiếp theo)

iv Các công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ khi các khoản lỗ đó nằm trong phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả thay cho các công ty liên kết.

(v) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại công ty liên kết.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND lần lượt được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành khoản tiền xác định trước, ít rủi ro về thay đổi giá trị và được giữ nhằm mục đích đáp ứng nhu cầu thanh toán ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Tập đoàn nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Tập đoàn dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá các khoản đầu tư.

3. TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

(d) Các khoản đầu tư (tiếp theo)

(iii) *Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác*

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tập đoàn khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị bằng với số thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp đích danh đối với bất động sản, xe ô tô, xe máy và bình quân gia quyền đối với các khoản mục hàng tồn kho khác và bao gồm tất cả các chi phí liên quan phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của sản phẩm tồn kho, trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) *Nguyên giá*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm tại thời điểm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) *Khấu hao*

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

nhà cửa	6 - 42 năm
máy móc và thiết bị	4 - 8 năm
thiết bị văn phòng	2 - 10 năm
phương tiện vận chuyển	5 - 6 năm
tài sản khác	3 - 5 năm

3. TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất gồm có:

- » quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- » quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- » quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp tới việc bảo đảm quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 20 đến 50 năm.

(ii) *Phần mềm máy vi tính*

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 đến 4 năm.

(i) **Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư cho thuê

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Tổng Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

Khấu hao

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định không được khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

quyền sử dụng đất	18 - 50 năm
nhà cửa	5 - 36 năm

3. TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

(j) **Xây dựng cơ bản dở dang**

Các dự án đang được xây dựng và phát triển cho mục đích sử dụng hỗn hợp trong tương lai như tài sản cố định, bất động sản đầu tư và tài sản để bán (hàng tồn kho) được phân loại là xây dựng cơ bản dở dang và được thể hiện theo nguyên giá, cho đến khi việc xây dựng hoặc phát triển được hoàn thành hoặc nguyên giá được xác định một cách đáng tin cậy cho các tài sản này, tại thời điểm đó chúng được phân loại và sau đó được ghi nhận là tài sản cố định, bất động sản đầu tư hoặc hàng tồn kho, như được trình bày trong các chính sách kế toán ở các thuyết minh tương ứng.

Tất cả các chi phí trực tiếp liên quan đến việc mua và phát triển một dự án, chi phí phát sinh từ quyền sử dụng đất đi thuê, và tất cả chi phí vốn sau đó cho việc phát triển đủ điều kiện là chi phí mua được vốn hóa.

Chi phí vay được vốn hóa nếu liên quan trực tiếp đến việc mua, xây dựng hay sản xuất một tài sản đủ điều kiện vốn hóa. Việc vốn hóa chi phí vay bắt đầu khi các hoạt động cần thiết trong việc chuẩn bị tài sản đang được tiến hành và các chi phí cho việc đầu tư xây dựng và chi phí vay bắt đầu phát sinh. Việc vốn hóa chi phí vay sẽ chấm dứt khi tài sản hầu như đã trong trạng thái sẵn sàng sử dụng. Việc vốn hóa bị tạm ngưng khi việc xây dựng hay sản xuất tài sản đủ điều kiện vốn hóa bị tạm ngưng. Tỷ lệ vốn hóa được tính bằng cách tham chiếu đến lãi suất thực tế phải trả trên các khoản vay cho mục đích phát triển, hoặc phần của chi phí phát triển được tài trợ bởi khoản vay chung, được phân bổ dựa trên lãi suất trung bình.

(k) **Chi phí trả trước dài hạn**

(i) **Chi phí đất trả trước**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 8 năm.

(ii) **Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(iii) **Chi phí trả trước khác**

Chi phí trả trước khác chủ yếu bao gồm chi phí sửa chữa và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng từ 2 đến 3 năm.

(l) **Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(m) **Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có một nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể được ước tính một cách tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu các dòng tiền dự tính phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh được sự đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể gắn liền với khoản nợ phải trả đó.

3. TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

(n) **Vốn cổ phần**

(i) **Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của cổ phiếu phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông, sau khi trừ đi các ảnh hưởng của thuế, được ghi nhận là khoản giảm trừ thặng dư vốn cổ phần.

(ii) **Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)**

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được tái phát hành, giá vốn của cổ phiếu tái phát hành được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa khoản thu từ tái phát hành và giá vốn của cổ phiếu tái phát hành được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

(o) **Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu**

Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập mỗi năm từ lợi nhuận chưa phân phối theo tỷ lệ do các cổ đông quyết định trong đại hội cổ đông thường niên.

(p) **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán, dựa trên các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các khoản chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(q) **Doanh thu**

(i) **Doanh thu kinh doanh bất động sản**

Doanh thu chuyển nhượng nền đất và bán nhà theo mẫu thiết kế sẵn không theo yêu cầu riêng của từng khách hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu. Việc chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích được xác định tại thời điểm muộn hơn giữa thời điểm bán hoặc thời điểm hoàn thành bất động sản.

3. TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

(q) Doanh thu (tiếp theo)

(ii) *Doanh thu bán hàng hóa*

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(iii) *Cung cấp dịch vụ*

Dịch vụ được cung cấp chủ yếu bao gồm sửa chữa và bảo trì xe ô tô và xe máy.

Doanh thu từ các dịch vụ cung cấp được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ lệ hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có các yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iv) *Doanh thu cho thuê*

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản ưu đãi cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(r) **Doanh thu tài chính**

(i) *Doanh thu từ tiền lãi*

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(ii) *Doanh thu từ kinh doanh chứng khoán*

Doanh thu từ kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn những rủi ro và lợi ích liên quan đến quyền sở hữu được chuyển sang cho người mua. Phần lớn rủi ro và lợi ích liên quan đến quyền sở hữu được chuyển khi hoàn thành giao dịch (đối với chứng khoán đã niêm yết) hoặc khi hoàn thành thỏa thuận chuyển giao của tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

(iii) *Doanh thu từ cổ tức*

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

3. TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

(s) **Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản ưu đãi đi thuê đã nhận được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(t) **Chi phí vay**

Chi phí vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay phát sinh trong giai đoạn xây dựng sẽ được vốn hoá và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(u) **Lãi trên cổ phiếu**

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán năm báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

(v) **Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Bộ phận chính yếu của Tập đoàn là bộ phận kinh doanh. Tập đoàn hoạt động tại Việt Nam, là một khu vực địa lý duy nhất.

(w) **Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 - tiếp theo

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/
TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

4. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Cho năm

	Dịch vụ thương mại		Dịch vụ bất động sản		Dịch vụ tài chính		Tổng cộng	
	2018 VND	2017 VND	2018 VND	2017 VND	2018 VND	2017 VND	2018 VND	2017 VND
Doanh thu bộ phận	14.674.708.467.915	13.598.271.887.416	196.946.454.389	183.034.868.318	-	-	14.871.654.922.304	13.781.306.755.734
Thu nhập khác của bộ phận	154.585.003.358	195.023.642.390	6.273.827.248	884.664.367	2.390.251.428	3.660.929.300	163.249.082.034	199.569.236.057
Giá vốn trực tiếp của bộ phận	(13.774.533.290.859)	(12.995.607.600.797)	(77.377.486.704)	(65.309.376.260)	-	-	(13.851.910.777.563)	(13.060.916.977.057)
Chi phí khác trực tiếp của bộ phận	(757.057.372.525)	(689.106.343.658)	(78.442.010.940)	(73.650.399.404)	(816.307.976)	(1.430.073.930)	(836.315.691.441)	(764.186.816.991)
Lợi nhuận của bộ phận kinh doanh trong năm	297.702.807.889	108.581.585.351	47.400.783.993	44.959.757.021	1.573.943.452	2.230.855.370	346.677.535.334	155.772.197.743
Doanh thu không phân bổ							19.272.372.603	22.220.365.211
Chi phí không phân bổ							(3.638.151.447)	(4.005.947.825)
Thuế thu nhập							(62.044.908.118)	(34.930.988.331)
							300.266.848.372	139.055.626.798

4. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP THEO)

	Dịch vụ thương mại		Dịch vụ bất động sản		Dịch vụ tài chính		Tổng cộng	
	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Tài sản								
Tài sản ngắn hạn	1.989.572.301.235	1.408.612.853.747	180.711.121.765	184.573.839.659	25.768.807.291	31.729.941.877	2.196.052.230.291	1.624.916.635.283
Tài sản dài hạn	740.142.423.044	582.596.738.921	1.414.980.820.760	1.405.754.308.024	964.983.282	1.184.870.025	2.156.088.227.086	1.989.535.916.970
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-	3.508.876.201	2.584.589.729
	2.729.714.724.279	1.991.209.592.668	1.595.691.942.525	1.590.328.147.683	26.733.790.573	32.914.811.902	4.355.649.333.578	3.617.037.141.982
Nợ phải trả								
Nợ ngắn hạn	1.714.913.366.102	1.253.074.343.258	549.973.929.541	536.341.023.774	1.373.269.415	1.280.981.107	2.266.260.565.058	1.790.696.348.139
Nợ dài hạn	106.885.854.951	101.169.212.863	447.016.953.436	447.393.472.653	339.945.099	430.582.328	554.242.753.486	548.993.267.844
	1.821.799.221.053	1.354.243.556.121	996.990.882.977	983.734.496.427	1.713.214.514	1.711.563.435	2.820.503.318.544	2.339.689.615.983

Cho năm:

	Dịch vụ thương mại		Dịch vụ bất động sản		Dịch vụ tài chính		Tổng cộng	
	2018 VND	2017 VND	2018 VND	2017 VND	2018 VND	2017 VND	2018 VND	2017 VND
Khấu hao và phân bổ	49.610.985.547	48.340.563.875	23.782.607.481	23.215.889.150	-	-	73.393.593.028	71.556.453.025
Các khoản dự phòng	(1.439.670.269)	(770.524.737)	-	(21.975.574.661)	(945.000.000)	3.994.532.000	(2.384.670.269)	(18.751.567.398)
Chi tiêu vốn	122.568.147.677	106.396.937.313	70.461.484.517	422.337.526.056	-	-	193.029.632.194	528.734.463.369

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Tiền mặt	36.785.258.007	28.498.281.539
Tiền gửi ngân hàng	173.222.314.872	149.121.323.636
Các khoản tương đương tiền	58.037.531.875	45.127.333.333
	268.045.104.754	222.746.938.508

Trong các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 có 11.340 triệu VND (ngày 1 tháng 1 năm 2018: 9.415 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 - tiếp theo

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/
TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

(a) Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2018				1/1/2018			
	Số lượng	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND	Số lượng	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND
Đầu tư tài chính ngắn hạn vào:								
Cổ phiếu niêm yết								
» Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Tổng hợp Điện Lực Thành phố Hồ Chí Minh	1.350.000	13.500.000.000	9.315.000.000 (*)	(4.185.000.000)	1.350.000	13.500.000.000	(*)	(5.130.000.000)
» Công ty Cổ phần Tập đoàn Thép Tiến Lên	3	22.740	22.740	-	3	22.740	22.740	-
» Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Bến Thành	-	-	-	-	9	162.572	162.572	-
» Công ty Cổ phần Việt Thái	-	-	-	-	650.760	8.042.676.000	8.042.676.000	-
Cổ phiếu chưa niêm yết								
» Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Thái Bình Dương	500.000	14.000.000.000	(*)	(9.000.000.000)	500.000	14.000.000.000	(*)	(9.000.000.000)
» Công ty Cổ phần Bến Thành Non Nước	900.000	9.000.000.000	(*)	-	900.000	9.000.000.000	(*)	-
» Công ty Bảo hiểm Toàn Cầu	180.000	6.300.000.000	(*)	(5.040.000.000)	180.000	6.300.000.000	(*)	(5.040.000.000)
» Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng	812	2.052.543	(*)	-	812	2.052.543	(*)	-
		42.802.075.283		(18.225.000.000)		50.844.913.855		(19.170.000.000)

(*) Tại ngày báo cáo tài chính, không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(a) Chứng khoán kinh doanh (tiếp theo)

Biến động của dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh trong năm như sau:

	2018 VND	2017 VND
Số dư đầu năm	19.170.000.000	15.175.468.000
Tăng dự phòng trong năm	-	3.994.532.000
Hoàn nhập	(945.000.000)	-
Số dư cuối năm	18.225.000.000	19.170.000.000

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2018		1/1/2018	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Kỳ quỹ ngắn hạn	14.911.000.000	14.911.000.000	8.550.000.000	8.550.000.000

Trong kỳ quỹ ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 có 11.650 triệu VND (ngày 1 tháng 1 năm 2018: 6.500 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Ngày 31 tháng 12 năm 2018	% vốn sở hữu và quyền biểu quyết		Giá trị ghi số		Giá trị hợp lý
	31/12/2018	1/1/2018	31/12/2018	1/1/2018	
			VND	VND	VND
Đầu tư vốn vào:					
Các công ty liên kết					
» Công ty TNHH ComfortDelgro Savico Taxi	40,03%	40,03%	31.500.211.961	34.860.332.594	(*)
» Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn (TESC)	30,30%	30,30%	76.941.744.016	72.435.469.630	(*)
» Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Thành phố Mới Bình Dương (a)	38,51%	35,41%	30.247.244.680	25.527.962.512	(*)
» Công ty Cổ phần Dana (DANA FORD)	40,27%	40,27%	25.367.918.284	16.429.828.085	(*)
» Công ty Cổ phần Ô tô Sao Tây Nam	43,80%	43,80%	23.037.113.380	21.436.333.643	(*)
» Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt	35%	35%	24.886.360.146	15.834.973.826	(*)
» Công ty Cổ phần Ô tô Bắc Áu	39,81%	39,81%	44.321.822.751	28.192.701.551	(*)
» Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Ô tô Nam Sài Gòn	30%	30%	4.461.801.529	3.885.529.321	(*)
» Công ty Cổ phần Đầu tư Savico	40%	40%	63.998.852.094	63.929.820.396	(*)
» Công ty TNHH Ô tô Bắc Áu Hà Nội	25%	25%	8.410.522.331	5.266.668.731	(*)
» Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Bình Thuận	50%	50%	10.739.054.358	10.045.138.517	(*)
» Công ty Cổ phần Ô tô Bến Thành Tây Ninh	50%	50%	8.072.940.135	7.470.753.861	(*)
» Công ty TNHH Ô tô Đà Nẵng (b)	-	-	8.154.804.483	-	(*)
» Công ty TNHH Dịch vụ Sài Gòn Ô tô Gia Định (c)	35%	-	9.098.729.517	-	(*)
» Công ty Cổ phần Ô tô Hyundai Ngôi Sao (d)	49%	-	8.514.597.430	-	(*)
» Công ty TNHH Savico Quảng Nam (e)	50%	-	1.096.507.233	-	(*)
			378.850.224.328	305.315.512.667	
Các khoản đầu tư khác					
» Các khoản đầu tư dài hạn khác			5.360.264.000	8.689.264.000	
			384.210.488.328	314.004.776.667	

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (tiếp theo)

* Tại ngày lập báo cáo tài chính, không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

- (a) Tại ngày 12 tháng 2 năm 2018, Tập đoàn đã mua 3,1% cổ phần trong Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Thành phố Mới Bình Dương với giá 1.643 triệu VND và tăng tỷ lệ ích kinh tế từ 35,41% lên 38,51%.
- (b) Tại ngày 4 tháng 1 năm 2018, Tập đoàn đã góp 50% vốn để thành lập Công ty TNHH Ô tô Đà Nẵng.
- (c) Tại ngày 19 tháng 6 năm 2018, Tập đoàn đã góp 35% vốn để thành lập Công ty TNHH Dịch vụ Sài Gòn Ô tô Gia Định.
- (e) Tại ngày 17 tháng 6 năm 2018, Tập đoàn đã góp 49% vốn để thành lập Công ty Cổ phần Ô tô Hyundai Ngôi Sao.
- (d) Tại ngày 7 tháng 6 năm 2018, Tập đoàn đã góp 50% vốn để thành lập Công ty TNHH Savico Quảng Nam.

Biến động đầu tư vào các công ty liên kết như sau:

	2018 VND	2017 VND
Số dư đầu năm	305.315.512.667	191.844.327.217
Đầu tư mới	26.293.000.000	68.402.469.945
Chuyển từ đầu tư vào công ty con về các khoản đầu tư dài hạn khác	-	60.400.000.000
Phần lãi thuần trong các công ty liên kết (sau thuế thu nhập doanh nghiệp)	57.903.674.161	14.315.723.152
Cổ tức từ các công ty liên kết	(10.661.962.500)	(11.047.007.647)
Thanh lý một phần của công ty liên kết	-	(18.600.000.000)
Số dư cuối năm	378.850.224.328	305.315.512.667

THUYẾT MINH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 - tiếp theo

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/
TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (tiếp theo)

Thông tin trích lược từ bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty liên kết như sau:

	Tổng tài sản tại ngày	Tổng nợ phải trả tại ngày	Tổng vốn chủ sở hữu tại ngày	Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế
	31/12/2018 VND	31/12/2018 VND	31/12/2018 VND	2018 VND
Công ty TNHH ComfortDelgro Savico Taxi	78.685.215.764	-	78.685.215.764	(2.400.301.583)
Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn (TESC)	625.066.596.234	370.663.026.873	254.403.569.361	36.372.438.831
Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Thành phố Mới Bình Dương	153.802.832.820	92.650.129.100	61.152.703.720	12.486.126.158
Công ty Cổ phần Dana (DANA FORD)	141.084.737.978	78.990.124.469	62.094.613.509	23.338.916.230
Công ty Cổ phần Ô tô Sao Tây Nam	164.069.139.373	105.058.155.757	59.010.983.616	9.654.748.258
Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt	274.472.936.226	188.590.212.077	85.882.724.149	25.861.103.773
Công ty Cổ phần Ô tô Bắc Âu	333.288.269.912	231.752.598.914	101.535.670.998	41.016.569.646
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Ô tô Nam Sài Gòn	90.716.135.894	76.054.736.720	1 4.661.399.174	2.640.907.362
Công ty Cổ phần Đầu tư Savico	209.763.426.550	49.779.946.112	159.983.480.438	162.458.826
Công ty TNHH Ô tô Bắc Âu Hà Nội	78.326.742.048	45.359.364.248	32.967.377.800	12.906.481.040
Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Bình Thuận	100.787.192.590	79.427.389.862	21.359.802.728	1.387.831.678
Công ty Cổ phần Ô tô Bến Thành Tây Ninh	88.590.689.010	72.505.027.367	16.085.661.643	1.204.372.549
Công ty TNHH Ô tô Đà Nẵng	49.880.819.771	33.571.210.806	16.309.608.965	6.641.693.647
Công ty TNHH Dịch vụ Sài Gòn Ô tô Gia Định	76.573.919.481	50.577.549.433	25.996.370.048	996.370.048
Công ty Cổ phần Ô tô Hyundai Ngôi Sao	37.359.042.046	22.932.312.596	14.426.729.450	(2.623.270.550)
Công ty TNHH Savico Quảng Nam	2.227.428.467	34.414.000	2.193.014.467	(6.985.533)

THUYẾT MINH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 - tiếp theo

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/
TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (tiếp theo)

	Tổng tài sản tại ngày	Tổng nợ phải trả tại ngày	Tổng vốn chủ sở hữu tại ngày	Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế
	1/1/2018 VND	1/1/2018 VND	1/1/2018 VND	2017 VND
Công ty Liên doanh ComfortDelgro Savico Taxi	92.606.460.284	5.520.942.938	87.085.517.346	235.064.305
Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn (TESC)	457.361.898.701	222.519.337.247	234.842.561.454	16.313.238.600
Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Thành phố Mới Bình Dương	90.547.690.235	56.657.916.272	33.889.773.963	4.416.432.199
Công ty Cổ phần Dana (DANA FORD)	72.261.811.694	32.339.168.604	39.922.643.090	14.402.194.362
Công ty Cổ phần Ô tô Sao Tây Nam	67.216.699.873	17.860.464.515	49.356.235.358	3.468.350.996
Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt	213.487.391.553	153.465.771.177	60.021.620.376	21.618.133
Công ty Cổ phần Ô tô Bắc Âu	193.778.149.891	133.259.048.539	60.519.101.352	5.962.544.045
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Ô tô Nam Sài Gòn	71.246.309.415	58.294.545.014	12.951.764.401	1.000.593.205
Công ty Cổ phần Đầu tư Savico	166.214.492.012	6.393.470.400	159.821.021.612	(164.026.405)
Công ty TNHH Ô tô Bắc Âu Hà Nội	70.225.878.633	50.164.981.873	20.060.896.760	287.441.803
Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Bình Thuận	60.183.018.277	40.112.804.227	20.070.214.050	90.277.035
Công ty Cổ phần Ô tô Bến Thành Tây Ninh	24.107.499.276	9.165.991.555	14.941.507.721	(58.492.279)

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

Phải thu khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Các khách hàng liên quan đến doanh thu bán hàng hóa	499.704.587.120	421.818.347.701
Các khách hàng liên quan đến doanh thu cho thuê	1.414.782.755	4.057.261.443
Các khách hàng liên quan đến doanh thu chuyển nhượng bất động sản	8.289.485.711	11.392.744.882
Các khách hàng khác	7.904.031.994	5.696.224.966
	517.312.887.580	442.964.578.992

8. PHẢI THU KHÁC

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Đặt cọc cho kinh doanh xe ô tô đã qua sử dụng hộ khách hàng	36.330.600.000	15.678.169.967
Tạm ứng cho người lao động	12.410.570.532	23.299.322.087
Đặt cọc ngắn hạn	1.112.700.000	3.703.090.000
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	30.866.896.678	44.839.217.642
	80.720.767.210	87.519.799.696

8. PHẢI THU KHÁC (TIẾP THEO)

(b) Phải thu dài hạn khác

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Phải thu từ các hợp đồng hợp tác kinh doanh (*)	110.328.536.203	106.431.941.568
Đặt cọc dài hạn	60.563.953.009	52.395.615.531
Các khoản phải thu dài hạn khác	12.286.121.010	11.878.501.247
	183.178.610.222	170.706.058.346

* Các khoản phải thu này liên quan đến một thỏa thuận hợp tác kinh doanh về đầu tư bất động sản với các đối tác khác.

Biến động trong năm của dự phòng phải thu dài hạn khó đòi như sau:

	2018 VND	2017 VND
Số dư đầu năm	4.150.000.000	4.150.000.000
Hoàn nhập	(3.150.000.000)	-
Số dư cuối năm	1.000.000.000	4.150.000.000

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2018		1/1/2018	
	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng giảm giá VND	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng giảm giá VND
Hàng mua đang đi trên đường	304.335.682	-	1.707.995.686	-
Vật liệu và phụ tùng thay thế	11.928.292.687	-	9.263.015.115	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	104.078.195.400	-	100.735.006.129	-
Thành phẩm	1.332.902.688	-	3.199.863.453	-
Hàng hóa (xe ô tô và xe máy)	1.019.333.833.616	(4.049.102.495)	606.554.957.529	(2.340.308.192)
Hàng gửi đi bán	1.546.048.845	-	457.174.127	-
	1.138.523.608.918	(4.049.102.495)	721.918.012.039	(2.340.308.192)

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang phản ánh các dự án bất động sản nhà ở.

Biến động trong năm của khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	2018 VND	2017 VND
Số dư đầu năm	2.340.308.192	25.086.407.590
Tăng dự phòng trong năm	1.708.794.303	1.551.889.252
Hoàn nhập	-	(24.297.988.650)
Số dư cuối năm	4.049.102.495	2.340.308.192

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 hàng tồn kho với giá trị ghi sổ là 407.441 triệu VND (ngày 1 tháng 1 năm 2018: 355.069 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	315.818.961.753	80.707.178.578	9.538.614.429	67.463.816.194	10.186.243.103	483.714.814.057
Tăng trong năm	4.457.929.073	16.417.403.301	6.295.862.964	27.295.174.280	74.909.941	54.541.279.559
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	69.896.132.506	8.106.733.947	1.048.131.787	5.750.578.111	595.954.545	85.397.530.896
Thanh lý	(311.937.000)	(1.161.343.000)	(277.890.633)	(24.436.927.306)	-	(26.188.097.939)
Xóa sổ	-	(184.068.990)	-	-	-	(184.068.990)
Số dư cuối năm	389.861.086.332	103.885.903.836	16.604.718.547	76.072.641.279	10.857.107.589	597.281.457.583
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	95.189.167.169	41.394.279.410	7.483.178.217	17.240.746.033	6.964.302.965	168.271.673.794
Khấu hao trong năm	23.667.442.623	11.964.472.933	835.089.372	11.158.679.096	549.301.083	48.174.985.107
Thanh lý	(291.141.200)	(229.035.175)	(183.301.710)	(4.652.373.382)	-	(5.355.851.467)
Xóa sổ	-	(184.068.990)	-	-	-	(184.068.990)
Số dư cuối năm	118.565.468.592	52.945.648.178	8.134.965.879	23.747.051.747	7.513.604.048	210.906.738.444
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	220.629.794.584	39.312.899.168	2.055.436.212	50.223.070.161	3.221.940.138	315.443.140.263
Số dư cuối năm	271.295.617.740	50.940.255.658	8.469.752.668	52.325.589.532	3.343.503.541	386.374.719.139

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 59.104 triệu VND được khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 (ngày 1 tháng 1 năm 2018: 29.241 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ là 87.071 triệu VND (ngày 1 tháng 1 năm 2018: 90.996 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định	Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	20.697.299.091	62.143.988.140	4.488.005.025	87.329.292.256
Tăng trong năm	-	-	86.020.000	86.020.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	-	261.000.000	261.000.000
Thanh lý	-	(6.460.000.000)	(30.000.000)	(6.490.000.000)
Số dư cuối năm	20.697.299.091	55.683.988.140	4.805.025.025	81.186.312.256
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	-	4.413.583.582	3.924.481.459	8.338.065.041
Khấu hao trong năm	-	1.084.747.796	351.252.644	1.436.000.440
Thanh lý	-	-	(30.000.000)	(30.000.000)
Số dư cuối năm	-	5.498.331.378	4.245.734.103	9.744.065.481
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	20.697.299.091	57.730.404.558	563.523.566	78.991.227.215
Số dư cuối năm	20.697.299.091	50.185.656.762	559.290.922	71.442.246.775

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản có nguyên giá 3.244 triệu VND được khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 (ngày 1 tháng 1 năm 2018: 1.915 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 tài sản cố định vô hình với giá trị ghi sổ là 20.697 triệu VND (ngày 1 tháng 1 năm 2018: 20.697 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư cho thuê

	Quyền sử dụng đất	Nhà cửa	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	68.707.047.550	814.703.085.548	883.410.133.098
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	38.418.575.768	38.418.575.768
Số dư cuối năm	68.707.047.550	853.121.661.316	921.828.708.866
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	10.570.473.702	161.291.101.335	171.861.575.037
Khấu hao trong năm	-	23.782.607.481	23.782.607.481
Số dư cuối năm	10.570.473.702	185.073.708.816	195.644.182.518
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	58.136.573.848	653.411.984.213	711.548.558.061
Số dư cuối năm	58.136.573.848	668.047.952.500	726.184.526.348

Trong bất động sản đầu tư cho thuê có các tài sản với nguyên giá 9.176 triệu VND được khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 (ngày 1 tháng 1 năm 2018: 8.748 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 bất động sản đầu tư cho thuê với giá trị ghi sổ là 546.214 triệu VND (ngày 1 tháng 1 năm 2018: 526.286 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cho thuê không được xác định bởi vì không có một giao dịch gần đây trên thị trường cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư cho thuê của Tập đoàn và không có thị trường hoạt động cho loại bất động sản đầu tư này.

13. XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	2018 VND	2017 VND
Số dư đầu năm	383.146.360.661	334.830.529.720
Tăng trong năm	108.566.472.680	344.533.978.169
Chuyển sang hàng tồn kho	-	(57.543.338.423)
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(85.397.530.896)	(118.592.835.130)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(261.000.000)	(345.093.675)
Chuyển từ bất động sản đầu tư	(38.418.575.768)	-
Giảm do thanh lý một phần khoản đầu tư vào một công ty con	-	(119.736.880.000)
Số dư cuối năm	367.635.726.677	383.146.360.661

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Dự án 104 Phố Quang	266.134.935.670	263.154.634.444
Dự án Mecure Sơn Trà, Đà Nẵng	84.351.999.406	84.351.999.406
Xây dựng cửa hàng trung bày Huynhdai Vĩnh Thịnh	6.041.818.182	-
Dự án Savico Mall của Savico Đà Nẵng	2.028.815.191	-
Xây dựng cửa hàng trưng bày Hyundai Hưng Thịnh	1.954.725.498	-
Cửa hàng trưng bày Tây Bắc Sài Gòn	1.399.200.000	-
Cửa hàng trưng bày của Chi nhánh Toyota Nam Định thuộc Công ty Liên doanh Toyota Giải phóng	-	15.580.216.010
Cửa hàng trưng bày Hyundai Sông Hàn	-	90.272.728
Dự án Auto Mall	-	155.027.000
Cửa hàng trưng bày Savico Hà Nội	2.087.726.050	18.611.153.039
Dự án Hồ Tràm, Xuyên Mộc	243.853.083	243.853.083
Cửa hàng trưng bày của Công ty TNHH Toyota Cần Thơ	2.968.127.273	676.615.951
Các công trình khác	424.526.324	282.589.000
	367.635.726.677	383.146.360.661

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Chi phí thuê văn phòng và thuê nhà	1.572.250.669	827.806.770
Công cụ và dụng cụ	2.163.071.012	2.901.392.174
Chi phí đất trả trước	-	283.500.000
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	7.999.198.561	7.666.949.135
	11.734.520.242	11.679.648.079

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Công cụ và dụng cụ	8.442.784.938	10.242.179.982
Chi phí đất trả trước	13.001.075.924	2.108.990.485
Chi phí nâng cấp	9.694.608.585	1.187.170.471
Các chi phí trả trước dài hạn khác	6.923.440.150	6.307.454.819
	38.061.909.597	19.845.795.757

15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

	31/12/2018		1/1/2018	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty Cổ phần Ô tô Hyundai Thành Công Việt Nam	42.479.885.050	42.479.885.050	34.450.439.189	34.450.439.189
Công ty Liên doanh TNHH Hino Motors Việt Nam	28.355.092.547	28.355.092.547	52.784.432.553	52.784.432.553
Các nhà cung cấp có liên quan đến nhãn hiệu Ford	21.771.280.302	21.771.280.302	10.769.868.725	10.769.868.725
Công ty TNHH Isuzu Việt Nam (IVC)	21.544.993.996	21.544.993.996	-	-
Các nhà cung cấp có liên quan đến nhãn hiệu Toyota	4.577.186.792	4.577.186.792	10.957.339.007	10.957.339.007
Tổng công ty Máy Động lực và Máy Nông nghiệp Việt Nam - CTCP	-	-	39.926.097.872	39.926.097.872
Các nhà cung cấp khác	66.118.060.689	66.118.060.689	58.689.983.230	58.689.983.230
	184.846.499.376	184.846.499.376	207.578.160.576	207.578.160.576

THUYẾT MINH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 - tiếp theo

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/
TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

(a) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2018 VND	Số phải nộp trong năm VND	Cấn trừ/ Phân loại lại VND	Số đã nộp trong năm VND	31/12/2018 VND
Thuế					
Thuế giá trị gia tăng	16.138.115.891	1.633.675.552.985	(1.439.155.126.027)	(206.741.414.866)	3.917.127.983
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.425.374.583	62.969.194.590	(527.717.241)	(46.268.936.833)	27.597.915.099
Thuế thu nhập cá nhân	3.118.392.963	21.829.167.168	1.745.870	(20.518.667.883)	4.430.638.118
Các khoản phải nộp khác					
Thuê đất	-	20.490.274.831	-	(17.272.617.701)	3.217.657.130
Các khoản phải nộp khác	339.324.656	77.915.878	-	(158.316.576)	258.923.958
	31.021.208.093	1.739.042.105.452	(1.439.681.097.398)	(290.959.953.859)	39.422.262.288

(b) Thuế phải thu Nhà nước

	1/1/2018 VND	Cấn trừ/ Phân loại lại VND	31/12/2018 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	700.487.440	(527.717.241)	172.770.199
Thuế thu nhập cá nhân	97.803.631	1.745.870	99.549.501
	798.291.071	(525.971.371)	272.319.700

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Lãi vay	1.625.027.988	1.060.408.211
Phí thuê	354.250.910	326.454.546
Lương và các chi phí có liên quan	18.616.907.553	8.951.134.473
Phí dịch vụ chuyên môn	9.401.125.791	9.391.282.377
Chi phí hoạt động phải trả	8.474.171.601	6.832.410.408
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	14.583.721.270	20.395.994.124
	53.055.205.113	46.957.684.139

THUYẾT MINH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 - tiếp theo

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/
TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

(a) Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Dịch vụ bảo hành và chăm sóc khách hàng	-	2.669.058.100
Doanh thu cho thuê các tòa nhà nhận trước	212.939.141	235.299.577
Phần doanh thu chưa thực hiện dài hạn sẽ được thực hiện trong vòng 12 tháng	6.552.650.000	6.622.065.152
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn khác	8.268.045	281.309.396
	6.773.857.186	9.807.732.225

(b) Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Doanh thu cho thuê tòa nhà nhận trước	102.494.261.058	90.467.665.152
Phần doanh thu sẽ được thực hiện trong vòng 12 tháng	(6.552.650.000)	(6.622.065.152)
Phần doanh thu sẽ được thực hiện sau 12 tháng	95.941.611.058	83.845.600.000

19. PHẢI TRẢ KHÁC

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Phải trả đối tác của một dự án bất động sản (*)	343.819.476.227	338.409.629.546
Góp vốn theo tiến độ nhận được từ các khách hàng của Dự án Dân cư Tam Bình	27.567.765.400	36.686.014.014
Phải trả một bên thứ ba liên quan đến tiền thuê đất chi hộ cho Công ty Cổ tức phải trả	33.755.483.552	43.755.483.552
Phải trả khách hàng	1.367.304.945	1.362.239.925
Phí bảo hiểm thu hộ các đại lý bảo hiểm	2.444.029.943	3.613.219.302
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	4.995.336.593	1.459.504.445
	24.196.720.230	24.083.721.841
	438.146.116.890	449.369.812.625

(*) Khoản này thể hiện phải trả khoản trả trước từ một đối tác theo Thỏa thuận Hợp tác ký ngày 10 tháng 7 năm 2014 cho Dự án 104 Phố Quang.

(b) Phải trả dài hạn khác

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Nhận đặt cọc dài hạn	63.014.413.093	67.953.382.822
Các khoản phải trả dài hạn khác (*)	24.239.513.834	24.239.513.834
Khoản phải trả sau 12 tháng	87.253.926.927	92.192.896.656

(*) Các khoản phải trả dài hạn khác, không chịu lãi, thể hiện số tiền nhận được từ các đối tác của các hợp đồng hợp tác kinh doanh tham gia vào dự án bất động sản của Tập đoàn tại dự án Bình An.

THUYẾT MINH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 - tiếp theo

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/
TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. VAY

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2018		Biến động trong năm		31/12/2018	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	830.803.284.329	830.803.284.329	8.806.261.778.025 (8.402.394.275.073)		1.234.670.787.281	1.234.670.787.281
Vay dài hạn đến hạn trả	25.014.134.558	25.014.134.558	27.500.772.661 (25.014.134.558)		27.500.772.661	27.500.772.661
	855.817.418.887	855.817.418.887	8.833.762.550.686 (8.427.408.409.631)		1.262.171.559.942	1.262.171.559.942

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
» Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietinbank)	VND	5% - 7,20%	739.391.831.241	350.571.411.328
» Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank)	VND	5,20% - 6,50%	279.580.555.697	94.222.007.053
» Ngân hàng TNHH HSBC (Việt Nam)	VND	4,60% - 6,90%	97.522.244.600	91.869.420.900
» Ngân hàng TNHH ANZ Việt Nam	VND	4,50% - 5,50%	78.469.822.200	46.119.997.200
» Ngân hàng TMCP Quân đội (MB Bank)	VND	6,80%	21.240.590.000	13.467.336.261
» CIMB Bank Vietnam Limited	VND	5,20%	6.000.000.000	-
» Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam (BIDV)	VND	6,70% - 6,80%	5.664.334.625	10.429.238.354
» Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank)	VND	7,20% - 9%	4.301.408.918	3.544.062.500
» Vay từ một cá nhân	VND	5,80%	2.500.000.000	1.300.000.000
» Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (Vietbank)	VND	4,90% - 7%	-	211.047.850.904
» Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam (Eximbank)	VND	6%	-	8.231.959.829
			1.234.670.787.281	830.803.284.329

Trong vay ngắn hạn có 357.561 triệu VND (ngày 1 tháng 1 năm 2018: 174.011 triệu VND) vay không đảm bảo và 877.110 triệu VND (ngày 1 tháng 1 năm 2018: 656.792 triệu VND) được đảm bảo bằng các tài sản sau:

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Các khoản tương đương tiền	11.340.080.431	9.414.870.000
Hàng tồn kho	370.944.563.474	382.141.735.049
Tài sản cố định hữu hình	8.639.949.095	8.424.427.947
Các khoản đầu tư ngắn hạn	11.650.000.000	6.500.000.000
	402.574.593.000	406.481.032.996

THUYẾT MINH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 - tiếp theo

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/
TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. VAY (TIẾP THEO)

(b) Vay dài hạn

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Vay dài hạn	398.547.988.162	397.968.905.746
Hoàn trả trong vòng 12 tháng	(27.500.772.661)	(25.014.134.558)
Hoàn trả sau 12 tháng	371.047.215.501	372.954.771.188

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
» Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank)	VND	8% - 11,50%	2029	351.818.024.832	333.985.585.900
» Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietinbank)	VND	9,50%	2023	21.869.003.334	20.400.000.000
» Ngân hàng TMCP Phương Đông Việt Nam (OCB)	VND	10,60% - 11%	2028	13.849.177.331	8.900.000.000
» Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (Pvcombank)	VND	11% - 12%	2024	9.807.366.993	11.565.010.993
» Ngân hàng TMCP Quân đội (MB Bank)	VND	10%	2019	659.915.672	867.514.158
» Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank)	VND	11% - 12%	2020	544.500.000	-
» Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank)	VND	11,50%	2021	-	14.325.811.468
» Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietinbank)	VND	9%	2019	-	6.200.000.000
» Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietinbank)	VND	10,50%	2021	-	670.015.334
» Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (Vietbank)	VND	7,20% - 7,60%	2019	-	1.054.967.893
				398.547.988.162	397.968.905.746

Trong vay dài hạn có 19.388 triệu VND vay không đảm bảo (ngày 1 tháng 1 năm 2018: 8.900 triệu VND) và 379.160 triệu VND (ngày 1 tháng 1 năm 2018: 389.069 triệu VND) đảm bảo bằng các tài sản sau:

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Hàng tồn kho	36.495.951.129	-
Tài sản cố định hữu hình	78.431.263.619	82.572.007.348
Tài sản cố định vô hình	20.697.299.091	20.697.299.091
Bất động sản đầu tư	546.213.846.398	526.286.191.862
	681.838.360.237	629.555.498.301

**THUYẾT MINH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 - tiếp theo

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/
TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2018 VND	2017 VND
Số dư đầu năm	13.923.106.755	22.168.124.301
Trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối trong năm (Thuyết minh 22)	9.688.951.880	3.700.978.148
Hoàn nhập vào lợi nhuận chưa phân phối trong năm(Thuyết minh 22)	-	(3.000.000.000)
Sử dụng trong năm	(7.300.427.676)	(8.945.995.694)
Số dư cuối năm	16.311.630.959	13.923.106.755

**THUYẾT MINH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 - tiếp theo

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/
TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đồng không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	249.955.730.000	317.064.858.303	2.550.000.000	(690.474.358)	46.657.038.976	261.454.985.027	295.493.154.391	1.172.485.292.339
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	81.633.249.712	57.422.377.086	139.055.626.798
Góp vốn từ cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	-	30.128.740.000	30.128.740.000
Trích quỹ	-	-	-	-	1.870.782.882	(1.870.782.882)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 21)	-	-	-	-	-	(2.049.094.694)	(1.651.883.454)	(3.700.978.148)
Hoàn nhập vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 21)	-	-	-	-	-	3.000.000.000	-	3.000.000.000
Cổ tức (Thuyết minh 24)	-	-	-	-	-	(29.970.608.400)	(29.262.352.512)	(59.232.960.912)
Trích quỹ phi Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	-	(3.089.994.040)	(698.274.798)	(3.788.268.838)
Cổ phiếu cổ tức được nhận từ một công ty con	-	-	12.300.000.000	-	(988.652.746)	(11.311.347.254)	-	-
Giảm do thanh lý một phần khoản đầu tư vào một công ty con	-	-	-	-	-	-	(599.925.240)	(599.925.240)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	249.955.730.000	317.064.858.303	14.850.000.000	(690.474.358)	47.539.169.112	297.796.407.469	350.831.835.473	1.277.347.525.999
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	173.002.896.673	127.263.951.699	300.266.848.372
Góp vốn từ cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	-	35.531.430.000	35.531.430.000
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 21)	-	-	-	-	-	(7.113.224.696)	(2.575.727.184)	(9.688.951.880)
Cổ tức (Thuyết minh 24)	-	-	-	-	-	(29.970.608.400)	(31.334.921.140)	(61.305.529.540)
Trích quỹ phi Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	-	(5.411.599.110)	(1.593.708.807)	(7.005.307.917)
Cổ phiếu cổ tức được nhận từ một công ty con	-	-	5.392.000.000	-	(3.988.710.430)	(4.283.289.570)	2.880.000.000	-
Khác	-	-	-	-	(517.257.383)	517.257.383	-	-
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	249.955.730.000	317.064.858.303	20.242.000.000	(690.474.358)	43.033.201.299	424.537.839.749	481.002.860.041	1.535.146.015.034

23. VỐN CỔ PHẦN

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2018		1/1/2018	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Cổ phiếu phổ thông được phép lưu hành	24.995.573	249.955.730.000	24.995.573	249.955.730.000
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành	24.995.573	249.955.730.000	24.995.573	249.955.730.000
Cổ phiếu quỹ	(20.066)	(690.474.358)	(20.066)	(690.474.358)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	24.975.507	249.265.255.642	24.975.507	249.265.255.642

Tất cả cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu tương đương với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức được công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông được xếp ngang hàng khi hưởng phần tài sản thuần còn lại của Công ty. Đối với cổ phiếu mà Công ty mua lại, mọi quyền lợi đều bị treo cho đến khi số cổ phiếu đó được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm.

24. CỔ TỨC

Đại hội Cổ đông thường niên của Công ty vào ngày 15 tháng 6 năm 2018 đã quyết định chia cổ tức là 29.971 triệu VND (2017: 29.971 triệu VND), bằng 12% mệnh giá của những cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm chia cổ tức.

25. QUỸ ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai. Khi quỹ được sử dụng để phát triển kinh doanh, khoản tiền đã sử dụng được chuyển sang Vốn cổ phần.

26. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Trong vòng một năm	89.424.866.461	68.304.685.125
Từ hai đến năm năm	279.874.996.131	279.568.218.919
Trên năm năm	580.204.669.368	197.293.850.095
	949.504.531.960	545.166.754.139

(b) Hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba	300.607.628.183	216.346.324.401

27. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2018 VND	2017 VND
Tổng doanh thu		
» Chuyển nhượng bất động sản	12.035.142.799	16.340.873.687
» Bán hàng hóa	13.536.291.359.353	12.702.430.569.632
» Cung cấp dịch vụ	1.163.177.136.820	910.629.033.908
» Cho thuê bất động sản đầu tư	170.339.666.870	165.324.387.064
	14.881.843.305.842	13.794.724.864.291
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu	(10.188.383.538)	(13.418.108.557)
Doanh thu thuần	14.871.654.922.304	13.781.306.755.734

**THUYẾT MINH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 - tiếp theo

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/
TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**28. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	2018 VND	2017 VND
Giá trị còn lại của bất động sản đã chuyển nhượng	6.598.472.399	9.705.017.756
Hàng hóa đã bán	12.926.947.136.251	12.461.214.310.341
Dịch vụ đã cung cấp	859.588.516.685	555.539.249.896
Chi phí của dịch vụ cho thuê bất động sản đầu tư	57.067.857.925	57.204.498.462
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.708.794.303	(22.746.099.398)
	13.851.910.777.563	13.060.916.977.057

29. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2018 VND	2017 VND
Thu nhập lãi tiền gửi	4.763.620.700	3.833.731.149
Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán	742.749.928	35.000.000
Cổ tức	4.438.101.500	3.955.929.300
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	84.648.344	711.323
Các doanh thu tài chính khác	7.869.204.662	13.445.603.736
	17.898.325.134	21.270.975.508

30. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2018 VND	2017 VND
Chi phí lãi vay	84.957.422.562	90.915.434.287
Lỗ do thanh lý một phần khoản đầu tư vào một công ty con	-	8.385.122.777
Chi phí kinh doanh chứng khoán	17.571.177	2.120.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	1.352.400
(Hoàn nhập)/Trích lập dự phòng giảm giá đầu tư kinh doanh chứng khoán	(945.000.000)	3.994.532.000
Các chi phí tài chính khác	3.708.750.830	4.575.656.035
	87.738.744.569	107.874.217.499

**THUYẾT MINH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 - tiếp theo

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/
TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**31. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	2018 VND	2017 VND
Chi phí nhân công và nhân viên	272.018.372.916	196.515.118.670
Chi phí dịch vụ mua ngoài	76.128.164.770	82.804.219.761
Khấu hao và phân bổ	25.401.956.131	22.709.174.148
Hoa hồng và bảo hiểm	15.456.424.562	25.135.449.251
Công cụ và dụng cụ	11.248.934.526	12.354.760.403
Các chi phí bán hàng khác	58.472.685.526	75.599.032.457
	458.726.538.431	415.117.754.690

32. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2018 VND	2017 VND
Chi phí nhân công và nhân viên	140.780.044.644	108.046.674.768
Chi phí dịch vụ mua ngoài	75.515.375.303	56.881.146.008
Chi phí khấu hao	19.542.544.577	14.367.120.609
Các chi phí quản lý doanh nghiệp khác	53.835.820.723	63.057.520.868
	289.673.785.247	242.352.462.253

33. THU NHẬP KHÁC

	2018 VND	2017 VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	2.282.130.956	1.694.002.773
Khấu trừ các khoản phải trả cho nhà cung cấp	65.001.999.045	126.965.249.954
Hoa hồng nhận được từ các bên khác	20.132.449.994	38.213.006.884
Bồi thường từ một bên do hủy hợp đồng	792.284.000	396.605.869
Các thu nhập khác	18.314.394.422	18.934.037.128
	106.523.258.417	186.202.902.608

34. CHI PHÍ KHÁC

	2018 VND	2017 VND
Bồi thường đã trả cho một khách hàng do hủy hợp đồng	176.623.194	369.120.000
Phạt thuế do thanh toán trễ	153.858.242	662.585.057
Các chi phí khác	3.288.096.280	1.816.625.317
	3.618.577.716	2.848.330.374

35. CHI PHÍ THƯƠNG MẠI VÀ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2018 VND	2017 VND
Chi phí mua bất động sản để chuyển nhượng	6.598.472.399	9.705.017.756
Chi phí mua hàng hóa để bán lại	13.400.521.128.812	12.734.292.664.568
Chi phí nhân công và nhân viên	537.149.723.089	416.988.804.987
Chi phí khấu hao và phân bổ	73.393.593.028	71.556.453.025
Chi phí dịch vụ mua ngoài	296.989.941.660	260.003.119.736
Các chi phí khác	285.658.242.253	225.841.133.928

36. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

(a) Ghi nhận trong bảng cân đối kế toán

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Chi phí phải trả	2.554.589.730	2.584.589.729
Giá trị thuế của các khoản lỗ mang sang	954.286.471	-
	3.508.876.201	2.584.589.729

36. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TIẾP THEO)

(b) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2018 VND	2017 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	62.294.176.765	33.459.518.503
Dự phòng thiếu trong những năm trước	675.017.825	893.619.272
	62.969.194.590	34.353.137.775
(Lợi ích)/chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập chênh lệch tạm thời	29.999.999	(370.235.197)
Lợi ích lỗ tính thuế (được ghi nhận)/đã sử dụng	(954.286.471)	948.085.753
	(924.286.472)	577.850.556
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	62.044.908.118	34.930.988.331

(c) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2018 VND	2017 VND
Lợi nhuận trước thuế	362.311.756.490	173.986.615.129
Thuế theo thuế suất thuế thu nhập áp dụng cho Công ty	72.462.351.298	34.797.323.026
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.027.211.031	1.296.958.299
Thu nhập không chịu thuế	(1.760.621.784)	(725.185.860)
Ảnh hưởng của phần lãi trong công ty liên kết	(11.580.734.832)	(2.863.144.630)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	3.718.395.665	3.320.062.361
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận do hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con và công ty liên kết	(1.951.441.016)	(1.788.644.137)
Lỗ tính thuế được sử dụng	(545.270.069)	-
Dự phòng thiếu trong những năm trước	675.017.825	893.619.272
	62.044.908.118	34.930.988.331

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được một số công ty con ghi nhận trên lỗ tính thuế vì các công ty con này không chắc chắn có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng lợi ích của các khoản lỗ tính thuế này.

(d) Các thuế suất áp dụng

Theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty và hầu hết các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

37. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào Quỹ khen thưởng và phúc lợi và Quỹ phí Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông có số dư như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông

	2018 VND	2017 VND
Lợi nhuận thuần trong năm thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn	173.002.896.673	81.633.249.712
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(7.113.224.696)	(2.049.094.694)
Hoàn nhập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	3.000.000.000
Trích quỹ hoạt động của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	(5.411.599.110)	(3.089.994.040)
	160.478.072.867	79.494.160.978

(ii) Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông

	2018 Số lượng cổ phiếu	2017 Số lượng cổ phiếu
Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	24.975.507	24.975.507

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tập đoàn không có các cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm.

38. CÁC GIAO DỊCH CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Xác định các bên liên quan

Tập đoàn kiểm soát các công ty con và là bên liên quan với các công ty liên kết và các cán bộ quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các cán bộ quản lý chủ chốt

Tổng lương, thù lao và công tác phí cho các cán bộ quản lý chủ chốt như sau:

	2018 VND	2017 VND
Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	3.381.000.000	2.622.680.000
Thành viên Ban Kiểm soát	820.600.000	613.200.000
	4.201.600.000	3.235.880.000

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan khác trong năm như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	2018 VND	2017 VND
Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn (TESC)	Công ty liên kết	Góp vốn	-	12.307.350.000
		Mua xe ô tô	-	3.170.909.089
		Mua tài sản cố định	-	5.346.478.180
		Cổ tức	4.316.362.500	4.114.170.000
		Thu nhập khác	27.721.000	-
Công ty Cổ phần Ô tô Sao Tây Nam	Công ty liên kết	Góp vốn	-	6.570.000.000
		Cho vay công ty liên kết	3.000.000.000	-
		Cổ tức	2.628.000.000	-
		Doanh thu hoạt động tài chính khác	12.096.000	40.833.333
Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt	Công ty liên kết	Góp vốn	-	4.925.119.945
		Bán xe ô tô	11.690.875.592	31.759.830.942
		Mua xe ô tô	10.441.223.858	29.786.267.735
		Cổ tức	-	11.900.691.000
		Cho vay công ty liên kết	-	15.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Savico	Công ty liên kết	Góp vốn	-	16.600.000.000
		Cho vay công ty liên kết	-	10.000.000.000
		Mua dịch vụ	-	1.188.927.266
		Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	92.083.333
		Cung cấp dịch vụ	120.000.000	-

38. CÁC GIAO DỊCH CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	2018 VND	2017 VND
Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Thành phố Mới Bình Dương	Công ty liên kết	Góp vốn	1.643.000.000	5.500.000.000
		Cổ tức	1.101.600.000	453.750.000
		Cho vay công ty liên kết	9.000.000.000	-
		Bán xe ô tô	20.340.009.115	-
		Mua xe ô tô	19.359.503.810	-
		Thu nhập khác	4.704.000	-
Công ty TNHH Comfort Delgro Savico Taxi	Công ty liên kết	Cổ tức	2.400.000.000	-
		Doanh thu cho thuê	122.727.276	-
Công ty TNHH Ô tô Bắc Âu Hà Nội	Công ty liên kết	Góp vốn	-	5.000.000.000
		Cung cấp dịch vụ	2.623.760.274	2.547.601.405
Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Bình Thuận	Công ty liên kết	Góp vốn	-	10.000.000.000
		Bán xe ô tô	24.423.959.881	-
		Mua xe ô tô	120.661.590.365	-
Công ty Cổ phần Ô tô Bến Thành Tây Ninh	Công ty liên kết	Góp vốn	-	7.500.000.000
		Bán quyền sử dụng đất	7.700.000.000	-
		Bán xe ô tô	21.484.487.333	-
		Mua xe ô tô	82.023.171.336	-
		Doanh thu cho thuê	184.240.000	-
Công ty TNHH Dịch vụ Sài Gòn Ô tô Gia Định	Công ty liên kết	Góp vốn	8.750.000.000	-
		Bán xe ô tô	5.150.463.996	-
		Doanh thu cho thuê	184.240.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Ô tô Nam Sài Gòn	Công ty liên kết	Cổ tức	216.000.000	-
		Bán hàng hóa	218.127.269	-
Công ty Cổ phần Dana (DANA FORD)	Công ty liên kết	Bán xe ô tô	3.066.373.590	3.461.567.301
		Mua xe ô tô	1.463.636.364	-
		Cổ tức	-	1.812.150.000
		Thu nhập khác	3.272.727	82.233.668
Công ty TNHH Savico Quảng Nam	Công ty liên kết	Góp vốn	1.100.000.000	-

38. CÁC GIAO DỊCH CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	2018 VND	2017 VND
Công ty TNHH Ô tô Đà Nẵng	Công ty liên kết	Góp vốn	5.000.000.000	-
		Bán xe ô tô	21.787.135.157	-
		Doanh thu cho thuê	2.746.904.343	-
		Mua xe ô tô	3.028.547.908	-
		Bán tài sản cố định	4.092.642.092	-
		Cho công ty liên kết vay	1.000.000.000	-
		Thu nhập khác	12.783.680	-
		Thu nhập lãi tiền gửi	60.716.485	-
		Chi phí lãi vay	89.873.972	-
		Chi phí khác	24.750.000	-
Công ty Cổ phần Ô tô Bắc Âu	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	2.623.760.274	-
Công ty Cổ phần Ô tô Hyundai Ngôi Sao	Công ty liên kết	Góp vốn	9.800.000.000	-

39. GIAO DỊCH PHI TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

	2018 VND	2017 VND
Bất động sản đầu tư đã mua nhưng chưa thanh toán	33.755.483.552	43.755.483.552
Cấn trừ phải thu từ thanh lý đầu tư vào công ty liên kết với phải trả dài hạn khác	-	18.600.000.000
Cấn trừ phải thu từ thanh lý một phần đầu tư vào công ty con với tạm ứng từ khách hàng	-	10.000.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết bằng phải thu về cho vay ngắn hạn	-	9.800.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết bằng các khoản phải thu ngắn hạn khác	-	800.000.000
Cấn trừ các khoản phải thu khách hàng với khoản phải thu về cho vay ngắn hạn	-	200.000.000

40. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2018 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ngày 11 tháng 3 năm 2019

Người lập:

Người duyệt:



Ngô Văn Danh
Kế toán trưởng



Mai Việt Hà
Tổng Giám đốc



SAVICO

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN

68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: (84-8) 3821 3913

Fax: (84-8) 3821 3553 / 3821 5992

Email: savico@savico.com.vn

www.savico.com.vn